

Dịch giả: HT. THÍCH THIỀN TÂM

Mấy điệu

Sen thanh

TẬP 4

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

**MẤY ĐIỆU SEN THANH
TRỌN VẸN 4 QUYỂN
QUYỂN 4**

**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP HỒ CHÍ MINH
Phật Lịch: 2542 --1998**

LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc

vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhầm chán cho độc giả. Trước kia, Thượng Tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ non đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÁY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc

đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

“Nương mình tựa án xem người cồ

Ăn bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN BA
TỨ CHÚNG VÃNG SANH
(tiếp theo)

TẠ XUÂN HOA

Cư sĩ Tạ Xuân Hoa, người ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Ông bảm tánh hòa nhã chân thật, không ưa tranh chấp với người, thờ cha mẹ rất có hiếu, chưa từng làm cho song thân phật ý. Đối với những việc lành, ông cũng thường hết sức giúp đỡ, song chưa biết ăn chay niệm Phật.

Năm Quang Chử thứ 10, Xuân Hoa bỗng mang bệnh cổ trướng, thuốc thang cầu đảo đều vô hiệu, chỉ nằm rên rỉ chờ mãn phần. Người em họ là cư sĩ Châu Kim Bá tu hành đã lâu, hiểu biết Phật pháp, một hôm nhân đến thăm, thấy thế bảo rằng: "Căn bệnh của anh, xét kỹ lại chính là túc nghiệp. Nếu không phát nguyện lớn, làm lành và sám hối niệm Phật, e khó tiêu trừ!". Xuân Hoa nghe nói chấp nhận, liền lập thệ trọn đời giới sát, phóng sanh và chí tâm niệm Phật. Châu cư sĩ hết lòng tán trợ, đến nhà dạy bảo cho cách thức tu hành, lại định hạn kỳ cùng với ông niệm Phật 49 ngày. Đêm hoàn mãn, Xuân Hoa mộng thấy một vị tăng đem trao cho hoàn thuốc bảo uống. Tỉnh giấc ông cảm thấy trong bụng sôi động, đi ngoài vài lần, thân liền an ổn, ba hôm sau bệnh lành hẳn.

Từ đó Xuân Hoa phát lòng tin sâu, khẩn thiết niệm Phật không xen hở. Những kỳ pháp hội, cư sĩ đều có dự vào. Đầu mùa hạ năm Quang Chử thứ 15, Xuân Hoa cảm bệnh nhẹ, ăn uống kém dần, song niệm Phật càng tha thiết. Đến ngày 26 tháng 4, cư sĩ mộng thấy Tây Phương Tam Thánh, tỉnh giấc biết đó là triệu chứng vãng sanh. Lúc ấy, bệnh cũng đã thuyên giảm, ông đi từ giã khắp các bạn thân, bảo mình sắp sanh về Tịnh Độ. Xuân Hoa lại nói với cư sĩ Diêu Minh Trai rằng: "Ngày 28 tới đây tôi sẽ về Tây Phương, xin nhờ liên hữu đến trợ niệm!". Minh Trai bảo: "Ngày đó tôi có việc cần". Ông lại dời sang ngày 29, song Minh Trai cũng đáp chưa rảnh. Xuân Hoa lại nói: "Thế thì tôi nhất định ngày mùng 1 tháng 5 sẽ đi, anh có đến được chăng?". Minh Trai bảo: "Hôm ấy việc đã xong, tôi xin tới trợ niệm!".

Đến kỳ hạn, cư sĩ tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng hướng về Tây, gọi con cái lại dặn rằng: "Các con nếu có hiếu tâm, hãy niệm Phật giúp cha, đừng nên thương khóc. Sau khi cha mãn phần, phải gắng làm người hoàn thiện, tinh tấn tu hành!". Kế tiếp các liên hữu đều hội lại, cùng nhau xưng hồng danh trợ niệm. Ước chừng nửa cây hương, Xuân Hoa chấp tay đưa lên cao tỏ dấu từ biệt, rồi để hai tay xuống ngang ngực, ngược mắt lên như nhìn thấy cảnh tượng chi. Giây phút, cư sĩ mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng. Lúc ấy mùi hương lạ bay khắp nhà, vài ngày sau vẫn chưa tan.

DIỆP TRÚC AM

Cư sĩ Diệp Trúc Am, người đời Thanh, quê ở huyện Dư Dao tỉnh Triết Giang. Thuở còn bé ông đã có bẩm tánh khác với trẻ thường, chưa từng nói lời thô ác và đùa cợt. Đến lúc vào trường học, hạnh kiểm lại đoan trang nghiêm cẩn còn hơn bậc thánh nhơn.

Lúc 18 tuổi, lên đại học đường, Trúc Am không thích tập nghề khoa cử, chỉ chuyên tâm nghiên cứu phân lý học, tìm hiểu thêm các kinh sách Phật giáo. Hiểu đến đâu ông cố gắng thực hành tới đó, chẳng ưa nói điều phù phiếm cao xa, cùng viết sách trữ thuật.

Đến khi cuộc loạn giặc tóc dài của nhóm Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh nổi lên, khắp nơi biến diễn lăm cảnh thảm mắt đau lòng. Trúc Am mục kích hiện tượng ấy, bỗng suy nghĩ: "Kiếp vận giặc giã cướp phá, sự giết hại đói khổ tràn lan, không phải sức một người có thể cứu vãn. Tuy nhiên quyền sanh sát loài vật chỉ do nơi ta. Nếu ta biết giữ giới tu phước, tất sẽ nhờ biệt nghiệp của công đức lành, tránh khỏi ảnh hưởng cộng nghiệp!". Từ đó ông lập nguyện: ăn chay, giới sát, bố thí, phóng sanh, và hết sức làm các điều lành. Mặc cho bọn hủ nho dùng thuyết: tế lễ phải có rượu thịt để bài bác, và trong họ hàng người làng xóm chấp nê theo thông tục mà giải khuyên, ông vẫn không đổi ý chí. Tất cả cuộc tế lễ đãi khách, ông đều dùng toàn đồ chay, và lấy đó làm hiệu lệnh trong nhà.

Hơn 50 tuổi, Trúc Am mới biết quy hướng về Tịnh Độ. Mỗi buổi sáng, ông đều hướng về Tây đánh lễ tụng trì, dù trải thời tiết nóng lạnh vẫn chuyên niệm Phật không trễ bỏ. Năm Mậu Tuất niên hiệu Quang Chử, lúc được 69 tuổi, vào ngày mùng 1 tháng 3, Trúc Am bỗng vương bệnh. Tới nửa đêm ngày mùng 4, ông gọi con trai lớn là Diệp Bình Quân lại bảo: "Nếu bệnh thể của cha không thuyên giảm, con nên đốc suất trong gia thuộc chí tâm niệm Phật để tổng chung, chẳng nên lộ vẻ buồn rầu thương khóc. Điều này rất thiết yếu, con hãy ghi nhớ kỹ, nhược bằng trái lời tức là phạm lỗi không hiếu thuận!". Từ đó khi mê lúc tỉnh, ông thường niệm Phật rành rẽ rõ ràng. Vài hôm sau, tuy hơi sức kém yếu, tiếng niệm nhỏ dần, lời nói cũng đứt đoạn khó khăn, song câu Phật hiệu vẫn thông suốt. Bệnh kéo dài tới giờ Tuất ngày 13, ông mới quy Tây.

Trước đó 3 hôm, những người thay phiên phục thị, đều nghe mùi hương lạ. Khi lâm chung, ông vẫn giữ chánh niệm cho tới lúc tắt hơi. Vừa lúc ấy thịt nơi đỉnh đầu của ông bỗng nổi cao lên to như búi tóc. Các bạn đồng tu đều khen ngợi, cho đó là điềm tốt vãng sanh.

HỒ DIỆC TIẾT

Cư sĩ Hồ Diệc Tiết, người huyện Thái Thuận, tỉnh Triết Giang. Ở địa phương này có chùa Hoa Nghiêm, do Triệt Quyền đại sư chủ trì. Đại sư chuyên tu Tịnh

Độ, dạy người niệm Phật nên chắc thật già dặn, đừng chuộng sự hào hoa.

Lúc Diệc Tiết được 30 tuổi, đến quy y với Triệt sư, ban ngày về nhà lo việc ruộng nương, đêm lại tới chùa niệm Phật. Năm 35 tuổi, ông đau yếu, bảo với vợ rằng: "Tôi sẽ đến Hoa Nghiêm Tự dưỡng bệnh, liệu mình niệm Phật, gởi thân mạng cho đức A Di Đà Thế Tôn".

Tới chùa rồi, ông liền thực hành đúng như lời nói, ngày đêm chí thành niệm Phật không xen hở. Được nửa tháng, Diệc Tiết tự biết mình sắp sanh về Tây Phương, nên buông bỏ cả muôn duyên, không đề cập tới gia đình cùng thế sự.

Khi lâm chung, ông bảo vợ lễ thỉnh ngài Triệt Quyền và chư tăng trong chùa từ bi trợ niệm. Lúc đại chúng đồng thanh niệm Phật, Diệc Tiết cũng niệm theo. Được một lát, tiếng ông càng vang to, âm thanh chấn động đến vách ngói. Thấy tiếng xướng Phật hiệu của Diệc Tiết càng lúc càng vang dội, sau cùng chư tăng đành yên lặng nhường cho riêng ông tự niệm. Giây phút Diệc Tiết bỗng nín giọng tắt hơi, song đại chúng vẫn nghe tiếng niệm Phật của ông vượt thẳng lên hư không đi về Tây, càng xa càng nhỏ dần, đến năm sáu mươi câu mới dứt. Đây thật là việc thù thắng lạ đời ít có. Những người nghe thấy đều khen công đức niệm Phật vãng sanh không thể nghĩ bàn!

HẠ QUỐC XƯƠNG

Cư sĩ Hạ Quốc Xương, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở Bình Hương, tỉnh Giang Tây. Ông nội và cha đều xuất thân chốn quan trường, có tiếng là liêm khiết. Quốc Xương từng giữ chức Tri huyện, thuyên chuyển đi vài nơi, sau thời cách mạng lại làm Dân chánh trưởng ở bản tỉnh.

Mùa thu năm Dân Quốc thứ hai, vì liên can vào việc thảo trừ Viên Thế Khải, mưu sự không thành, nên ông lánh nạn vào ẩn cư ở một ngôi chùa tại Nam Nhạc tỉnh Hồ Nam. Từ đó Quốc Xương cải hiệu là Hoành Tiêu, mỗi ngày trì các chân ngôn: Lăng Nghiêm, Chuẩn Đề và niệm Phật. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tư, ông được người có thế lực tiến cử, song bị viên Áp lệnh vu cáo, phải tự đến Bắc Kinh trần bạch mới được trắng án.

Bây giờ có cư sĩ La Kiệt là bạn đồng cảnh ngộ với Quốc Xương. Vì thế, sau cơn hoạn nạn, đôi bên thường qua lại thân thiết nhau. Cả hai đều trường trai và tập tham thiền. Một hôm trong cơn tĩnh định, Quốc Xương bỗng nghe có người gọi mình là Liêu Không Tử. Do đó ông cảm tác bài thi có hai câu như sau:

Liêu Không biết được đường lui tới

Phù thế phen này lại trải chơi!

Từ đó ông quy hướng Tịnh Độ, mỗi ngày tụng kinh Hoa Nghiêm vài quyển, lễ Phật một trăm lạy, niệm hồng danh A Di Đà hai muôn câu. Cư sĩ lại soạn các

quy ước: Trì trai, Niệm Phật, Quán tâm, Giản suất, đề tự răn nhắc sách tấn.

Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tám, Quốc Xương về thăm viếng quê hương, gặp lúc trời hạn lâu, liền làm lễ đảo vò, được mưa xuống dồi dào, đồng ruộng đầy dẫy nước. Kế đó ông lại lập đàn thí thực tụng kinh cầu siêu cho tiên linh và những nạn nhơn trong cuộc chiến tranh Nam, Bắc. Trong khi cúng thí, người dự hội đều thấy đức A Di Đà hiện thân giữa hư không, vô số ngạ quỷ cô hồn cúi đầu đánh lễ, rồi theo Phật bay về Tây Phương. Sau công việc ấy, cư sĩ già từ hương lữ, bảo mình không trở lại nữa. Ông lại dặn dò người thân thuộc khi nghe tin mình mãn phần, không được sát sanh cúng tế. Về tới Bắc Kinh, cư sĩ liền cảm bệnh. Gia nhơn cùng bạn hữu muốn rước lương y điều trị, ông liền từ khước bảo rằng: "Tâm tôi rất yên ổn, nẻo đi về đã biết rõ ràng, cần chi dùng thang thuốc!". Rồi ông vẫn cố gắng lễ niệm như lúc bình thời, và nói: "Lúc này khi nhắm hay mở mắt, tôi đều thấy Phật cùng Bồ Tát hiện thân to lớn đầy khắp hư không!". Kế đó bệnh ông có vẻ giảm bớt. Khi hàng quyền thuộc hay tin đến viếng thăm đông đủ, cư sĩ ngồi lên ngay thẳng, từ từ nhìn mọi người đứng xung quanh qua một lượt, rồi mỉm cười chấp tay yên lặng mà thoát hóa.

Lúc cư sĩ mới phát tâm niệm Phật, nằm mơ thấy hoa sen đầy khắp hư không, mỗi đóa hoa đều có người ngồi, duy một tòa còn bỏ trống. Ông hỏi duyên có thì

một vị ngồi gần bên đáp rằng: "Tòa sen này để dành chờ Liêu Không Tử!". Lại khi Quốc Xương trở về tới Bắc Kinh, cô con gái là Hạ Vinh nằm mơ thấy cha mình ngồi trên hoa sen bay về Tây Phương. Cư sĩ tuy kẻ bạch y, song giữ giới rất mực nghiêm cẩn. Lúc sắp mãn phần, hàng đệ tử là Bành Hiến thỉnh huấn, ông bảo: "Chúng ta ở sâu vào thời mạt pháp, túc nghiệp đều rất nặng. Muốn dứt cội rễ sống chết luân hồi, cần phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Trong pháp môn Tịnh Độ: Sự phát nguyện phải chân thật. Sám hối phải chí thiết. Giữ giới phải bền chắc. Niệm Phật phải chuyên cần. Giới là vô thượng Bồ Đề, là gốc muôn điều lành, là cội của chánh pháp, là chỗ vào của người học đạo, là thầy tốt của con. Nếu con giữ ba nghiệp cho thanh tịnh mà niệm Phật, quyết định sẽ thấy đức A Di Đà".

Lời trên đây cho thấy sự giữ giới tu hành của ông rất nghiêm cẩn.

PHƯƠNG HẢI SANH

Đồng tử Phương Hải Sanh là con của cư sĩ Phương Dưỡng Thu ở Hương Cảng. Dưỡng Thu ưa làm việc phước thiện, sau tuổi trung niên lại chuyên tâm hướng về Tịnh Độ.

Hải Sanh mới bảy tuổi, cùng song thân cư ngụ ở Hương Cảng, thường tập theo cha lễ Phật trì niệm. Em có thể tụng được chú Chuẩn Đề cùng bài kệ Phá Địa Ngục trong kinh Hoa Nghiêm. Đôi khi còn nhớ lời cha

dạy, đem cảnh Tịnh Độ thuật lại với người quen thân và bảo: "Phải chuyên cần niệm Phật. Niệm hồng danh A Di Đà sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc".

Tháng hai năm Dân Quốc thứ chín, vào ngày vía đức Quán Thế Âm. Hải Sanh bỗng nằm bệnh. Dưỡng Thu ngồi một bên xung hồng danh hộ trợ, đồng tử cũng xướng niệm theo cha. Lúc nhắm mắt hôn mê lại tụng chú Chuẩn Đề rành rẽ không sót một chữ. Dưỡng Thu bỗng con đến trước bàn Phật, nhắc bảo chiêm ngưỡng chân dung Tây Phương Tam Thánh, Hải Sanh trông thấy tôn tượng liền cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật hơn vài mươi câu, tiếng to vang hơn lúc còn chưa bệnh.

Qua xế chiều ngày hai mươi mốt, đồng tử bỗng xuống giường lần đi từng bước. Dưỡng Thu vội chạy lại đỡ, hỏi muốn đi đâu, thì đáp: "Con lên lễ Phật!". Bảy giờ tiếng nói của em đã hơi khó khăn, song vẫn còn có thể đốt hương lễ Phật. Đến mười giờ đêm, bà vú và đứa em gái của Hải Sanh đang niệm Phật cầu cho đồng tử mau khỏi bệnh, bỗng thấy tường vách đều biến mất trống không, có kim quang ẩn hiện năm sắc chiếu rọi rõ như đêm trăng sáng. Trong kim quang, một vị bông Hải Sanh vượt lên khỏi nóc nhà bay về Tây Phương. Bà còn đang nghi lự, chợt như tỉnh mộng, tường vách đều hiện lại như cũ. Nhũ mẫu vội chạy xuống hỏi thăm thì Hải Sanh đã tắt thở.

Lúc em sắp mãn phần thì tay chân lạnh trước, đôi mắt chăm chú nhìn song thân. Dưỡng Thu đốc suất bảo xung hồng danh trợ niệm. Cư sĩ lại nói sự vui đẹp ở Liên Bang, khuyên con đừng luyến tưởng chi khác, hãy chuyên tâm hướng về Cực Lạc. Hải Sanh vâng lời, chí tâm niệm Phật, cho đến lúc tắt hơi. Sau khi em mãn phần, tay chân trở lại nóng ấm, sắc mặt tươi như sống. Một ngày trước khi Hải Sanh vương bệnh, bà mẹ trong cơn mơ màng, thấy tòa đại điện rất nguy nga tráng lệ, kim quang chiếu rọi rực rỡ, khoảng chiều sâu chính giữa có đóa hoa sen lớn đẹp, một vị Phật thân sắc vàng ngồi nơi trên. Từ xa trông vào chỉ thấy đôi chân Như Lai ngồi kiết già. Hải Sanh kiếp trước đã trồng căn lành sâu nên mới lên bảy tuổi liền biết niệm Phật. Em lại được cha hiền hộ trợ, khi lâm chung điềm lành ứng hiện, chánh niệm rõ ràng.

Đồng thời lại có Đàm Lạc Kiều, người quận Nam Hải, làm khách sanh nhai ở Hương Cảng. Tánh ông rất chân thật, tin sâu lý nhân quả, cùng với Dưỡng Thu có quen biết nhau. Dưỡng Thu có trao cho quyển Tây Quy Trục Chỉ, khuyên tán về sự niệm Phật vãng sanh. Lạc Kiều liền tin nhận thật hành, ngày đêm không biếng trễ. Ít lâu sau ông mang bệnh, tự biết mình khó qua khỏi, liền thu xếp công việc trở lại quê hương. Dọc đường ông vẫn cố gắng chuyên tâm niệm Phật, về tới nhà bệnh khổ như tan mất, ông bảo vợ rằng: "Tôi sắp

vãng sanh Tịnh Độ, bà chẳng cần rước lương y, nên giúp tôi xưng niệm Phật!". Bà vợ trước nay vẫn tin Tam Bảo, liền làm theo lời khuyên dạy. Đến lúc sắp từ trần, Lạc Kiều còn có thể xuống giường bước đi, bảo vợ đem y phục mới sạch cho mình thay đổi. Xong mọi việc, ông ngồi niệm Phật mà qua đời, dung mạo rất an lành tươi tỉnh.

TỪ LÔI

Từ Lôi tự Điện Xu, người thời Dân Quốc, ở huyện Lạc Thanh, tỉnh Triết Giang. Ông xuất thân nơi quân ngũ, thích uống rượu ưa chơi bời. Trong nhà việc sát sanh nấu nướng và yến ẩm vui đùa không lúc nào dứt.

Đêm mừng một tháng giêng năm Canh Thân thời Dân Quốc, Từ Lôi nằm mộng thấy một người tay chân bị trói vào bốn chiếc cọc ngắn, nằm sấp trên mặt đất. Hai con quỷ dùng chày đập nơi lưng người đó, cảnh trạng thảm khốc đáng ghê sợ. Ông lại gần xem, thì kẻ ấy chính là thân mình. Trong lúc kinh hoàng sáng sốt, Từ Lôi bất giác cảm thấy mình cùng tội nhưn hiệp lại làm một. Lưng ông bị đánh cực đau đớn, hầu như sắp gãy nát, chỉ còn biết thốt giọng rên xiết kêu thương. Đang lúc ấy, bỗng nghe giữa hư không, có tiếng niệm Phật nho nhỏ. Ông vội lớn tiếng niệm theo thì giật mình tỉnh giấc, nơi lưng hãy còn đau nhức.

Nhân điềm mộng ấy, Từ Lôi cả sợ. Ông hồi tưởng những việc buông lung sai quấy mình làm trong lúc

bình thời, vừa hồ thẹn lại vừa hối hận. Kế đó lại chột mãnh tinh tự bảo: "Ta nghe tu học Phật pháp có thể khỏi sự sống chết luân hồi, thoát cảnh khổ nơi địa ngục. Thế thì tội chướng kia chắc chắn cũng sẽ được giải trừ!". Từ đó ông cải hối ăn chay làm lành, mỗi ngày trì phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật không gián đoạn.

Mấy năm sau, Từ Lôï bỗng vương bệnh, mỗi ngày càng thêm trầm trọng. Song với ý niệm sợ tội cầu giải thoát, ông vẫn cố gắng trì danh hiệu Phật và tụng phẩm kinh đã học thuộc lòng.

Trong cơn mê lúc tỉnh, ông thường thấy giữa hư không có vùng ánh sáng trắng, trạng như chiếc gương tròn to lớn. Một đêm nọ, Từ Lôï gọi vợ bảo rằng: "Đức A Di Đà và chư Bồ Tát cho biết ngày mai sẽ đến tiếp dẫn tôi. Vậy bà hãy quét dọn trong nhà sạch sẽ, và lên đèn đốt hương dùng để tắt dút. Lại nhớ nên nấu nước thơm cho tôi tắm gội thay đổi y phục".

Ngày hôm sau, khi mọi việc xong xuôi, Từ Lôï gắng đến ngồi ngay thẳng trước bàn Tam Bảo niệm Phật một lúc rồi thoát hóa.

CHÂU NẠI LUÂN

Cư sĩ Châu Nại Luân tự Lan Hinh, hiệu Quốc Hương người ở Gia Thiện tỉnh Triết Giang. Cha là Kiềm Nam tánh thuần hậu ưa bố thí, hơn 50 tuổi mà

không con nối dõi, cầu tự nơi chùa núi Thiên Trắc ở Hàng Châu, sanh được Nải Luân.

Không bao lâu Kiềm Nam mất, mẹ con trong cảnh cô quả bị hàng thân tộc lấn hiếp, mới dời nhà về ở Tây Đường. Nải Luân thuở bé rất mẫn tuệ, theo học với anh rể là Tú tài Kim Văn Giai, văn tự một phen qua mắt liền thông thuộc. Năm 17 tuổi được bổ làm bác sĩ đệ tử viên, văn tài nổi danh khắp vùng Mân, Triết. Lúc ấy nhằm cuối đời nhà Thanh, khoa cử bị phế bỏ, Nải Luân liền chuyển ngành vào trường ở Thượng Hải, học tập về môn Lý hóa, Bác vật. Sau khi tốt nghiệp, ông làm Giáo chức dạy các trường Trung, Tiểu học. Thấy sinh viên trong khi học tập, tánh không cẩn thận, làm tổn nhiều vật mạng, Nải Luân bỗng ngộ lý nhân quả báo ứng, phát bi nguyện quy y Tam Bảo, trường chay niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc cứu độ chúng sanh.

Ông muốn nghỉ việc, chuyển tìm sanh kế khác để có nhiều thời giờ tu niệm. Nhưng vì không dám cãi lời mẹ khuyên dạy, nên gắng gượng lãnh làm Hiệu trưởng trường Trung học đệ nhị ở Triết Giang. Tuy tự chức, song hằng ngày vẫn niệm Phật không quên bỏ. Nhân thấy cư sĩ Phạm Cổ Nông tinh thông về Phật lý, Nải Luân thường qua lại học hỏi nghiên cứu, do đó mức tu càng tiến triển. Những ngày nghỉ, ông thường hội họp sinh viên lại giảng diễn về Phật lý, dụng ý muốn đem diệu pháp cảm hóa tầng lớp thanh niên. Cư sĩ thờ mẹ rất hiếu thuận, được làng xóm ngợi khen là con thảo.

Một hôm đang ở nhiệm sở, nghĩ tới mẹ đau lâu không lành mạnh, Nải Luân liền đốt hương, chích máu ngón tay viết theo lối giai tự thành sáu chữ lớn: Nam Mô A Di Đà Phật. Bên dưới ghi tiếp theo bài kệ "Nguyện đồng người niệm Phật. Đều sanh về Cực Lạc. Thấy Phật khỏi sống chết. Như Phật độ chúng sanh", để cầu nguyện cho mẫu thân. Sau tiếp được thư nhà, nói bà mẹ trong ngày ấy bỗng khỏe mạnh ngồi dậy đi lại, ăn uống như thường. Đây đều do lòng hiếu thành cảm cách. Cư sĩ Phạm Cổ Nông có đem 26 chữ ấy, khắc bản ấn tống khắp trong thành. Đoạn dưới ấn bản có nói phụ thêm về nguyên nhân và điềm lành cảm ứng.

Mùa đông năm Dân Quốc thứ 9, vì thần kinh yếu, Nải Luân cáo bệnh về nhà. Đến ngày 17 tháng chạp, cư sĩ thản nhiên niệm Phật thoát hóa. Khi ông vãng sanh, các liên hữu khám nghiệm, thấy cả mình đều lạnh, đánh đầu cực nóng, nét mặt rất an điềm tươi tỉnh. Lúc ấy cư sĩ mới vừa được 37 tuổi.

TRƯƠNG VĂN PHỦ

Trương Văn Phủ, quê ở Sùng Minh tỉnh Giang Tô. Vợ ông chết sớm, người dâu cũng tiếp theo từ trần, con trai thì đi chèo đò ở bến Thân, ít khi về nhà. Văn Phủ ban ngày làm mướn, đêm lại niệm Phật tụng kinh. Những ngày sóc vọng, lễ niệm càng siêng năng, suốt đêm không ngủ. Tánh ông cần kiệm chịu khó, hàng xóm đều mến ưa khen ngợi. Gặp người đi ăn xin, hoặc

tuổi già nghèo khổ thì trút túi giúp đỡ, nhường cơm chịu đói, là chuyện quen thường.

Ngày 17 tháng 7 trong một năm Dân Quốc, sáng sớm thức dậy, Văn Phủ thấy trong người không khỏe, nói với ông bạn láng giềng rằng: "Chư Bồ Tát đã mách bảo: đến giờ Ngọ ngày 23 tới đây, tôi sẽ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vậy xin nhờ anh đến bên Thân đưa tin thôi thúc con tôi về sớm!". Trong nhà Văn Phủ đã sắm sẵn một chiếc vai sành cùng y phục dưỡng thọ và áo tràng mới để dự bị hậu sự. Kể từ ngày đó, ông không ăn cơm, chỉ uống nước trong, thần khí thanh sáng như người không bệnh. Hôm sau, đưa con trai về tới, ông giao phó dặn dò tất cả mọi việc.

Đến giờ Ty ngày 23, Văn Phủ tắm gội xong, thay y phục mặc áo tràng mới, vào ngồi ngay thẳng trong chiếc vai sành, lâm râm niệm Phật. Hàng xóm và bè bạn hay tin đều đến thăm viếng tiễn đưa. Quả nhiên khi đồng hồ chỉ đúng 12 giờ trưa, Văn Phủ liền ngồi thoát hóa. Lúc đó già trẻ nam nữ trong làng tụ họp lại xem đông tới mấy trăm người.

Trước khi vãng sanh, Văn Phủ đã dặn con trai không được chấp nhận điều lễ và đốt giấy tiền vàng bạc. Nếu ai có lòng chiếu cố, chỉ đốt một cây hương cũng đủ. Tới chiều, trước khi dậy nắp niêm phong chiếc vai, đánh đầu ông còn nóng, gương mặt vẫn tươi tỉnh như lúc sanh tiền. Ông hưởng thọ được 64 tuổi.

ĐINH LỤC HÌNH

Cư sĩ Đinh Lục Hình người ở huyện Thừa, tỉnh Triết Giang, học giỏi song nhiều phen thi không đỗ, sau làm nghề dạy trẻ để sinh sống. Tánh ông thuần phát chân thành, khi có khách đến viếng thăm đều khăn áo giữ lễ độ cung kính. Tuy nhiều người cười chê là cổ hủ, song vẫn không lưu ý đến. Cư sĩ sống rất đơn giản kiệm ước, dù tác vãi hạt cơm cũng không bỏ phí.

Năm Dân Quốc thứ 10, Lục Hình mở lớp dạy học nơi nhà Trương Đức Uy. Lúc rảnh rỗi, họ Trương giảng giải về pháp môn Tịnh Độ cho nghe, ông liền đáp: "Tánh tôi ưa chuyên tu, không thích kiêm tu phiền phức. Song hiện thời còn có đứa con trai mười mấy tuổi, đợi khi hoàn hôn cho nó xong, rồi sẽ tính tới chuyện đó cũng chưa muộn!". Đức Uy bảo: "Một hơi thở chẳng trở vào, tức đã thuộc về kiếp khác. Chúng ta chỉ vì hai chữ "lần lựa", mà chịu vô lượng nỗi thống khổ trong muôn kiếp ngàn đời. Nay đã gặp được pháp môn cứu độ mau nhiệm của Như Lai, há lại nên để lần qua nữa ư?". Lục Hình tuy lưu ý chấp nhận, song chưa thể thực hành.

Cuối đông năm ấy, có cư sĩ Mã Khế Từ đến thăm. Sau buổi cơm tối, hai bên trò chuyện dần dà bàn luận đến nỗi khổ ở Ta Bà, sự vui nơi Cực Lạc. Mã Khế Từ nhân đó khuyến khích ông chớ đắm mê cảnh huyễn, hãy sớm dự bị tư lương để về cõi Phật; thoát kiếp luân hồi. Lục Hình nghe xong, gương mặt tươi tỉnh có sắc

vui mừng. Tối hôm đó, ông liền niệm Phật hơn hai ngàn câu. Từ đó trở đi mỗi ngày cư sĩ tụng một quyển kinh A Di Đà, niệm hơn một muôn câu Phật hiệu. Sự hành trì của Lục Hình rất chuyên thiết, mỗi tâm tưởng về Cực Lạc, mỗi niệm chẳng rời Di Đà, dù gặp hoàn cảnh nào cũng không biếng trễ.

Qua mấy tháng sau, một đêm cư sĩ mộng thấy thần nhơn trao cho tấm thiệp đỏ, trong đó có hiện mấy chữ: "Sang năm vào tháng 5 nhuận sẽ sanh về Tây Phương". Ông đem điềm ấy thuật lại với Trương Đức Uy. Trương bảo: "Chắc là do liên hữu dụng tâm quá chí thiết, nên mới có cảnh tượng ấy". Tháng 5 nhuận năm sau, Lục Hình cho bãi học, rồi từ Tân Đường trở về quê quán. Vừa tới nhà, ông cảm bệnh nhẹ, gọi gia nhơn bảo: "Thân tôi có ánh sáng, chắc sắp về Phật, hãy đỡ tôi dậy!". Sau khi ngồi kiết già xong, lại nói: "Tất cả nên niệm Phật để giúp đỡ cho sự vãng sanh, đừng khóc lóc làm cho tôi mất chánh niệm bị sa đọa. Sau khi tôi mãn phần, nếu đánh đầu còn nóng sau rớt, đó là chứng nghiệm vãng sanh!". Kế đó ông yên lặng giây phút rồi tắt hơi, không một lời đề cập tới gia sự, cũng chẳng chút chi lộ vẻ thống khổ.

Cư sĩ về Phật trước giờ Ngọ, đến chiều tối nơi đánh vẫn còn nóng, hưởng dương 48 tuổi.

LIÊU BỘ DINH

Cư sĩ Liễu Bộ Dinh tự Cẩm Châu, quê ở Động Đình Sơn tỉnh Tô Châu. Tánh ông rất thuần hậu chân thành, từng coi sóc công việc làm đường ray xe hỏa cho người Đức và Nhật ở Giao Tế, trong vòng mười mấy năm.

Niên hiệu Dân Quốc thứ 8, ông nghỉ việc trở về Hộ, lãnh chức quản lý Bưu cục ở La Điểm. Sau nhân một cơn đau suýt chết, Bộ Dinh lại xin từ nhiệm trở về Thân dưỡng bệnh. Nơi đây ông được dịp tiếp xúc với lão cư sĩ Âu Dương Thạch Chi, nghe hiểu pháp môn Tịnh Độ. Từ đó ông hướng về Tam Bảo, hết lòng sùng tín, phát nguyện trường trai giữ 5 giới, niệm Phật rất chuyên cần. Mùa xuân năm Tân Dậu, hàng cư sĩ niệm Phật đều kêu gọi các liên hữu tổ chức thành nhóm Liên Xã Hải Hội, đặt trụ sở nơi chùa Năng Nhân ở đường Hạ Môn, Bộ Dinh là một nhân viên sáng lập trong đó. Mỗi nửa tháng hội kỳ, ông đến chùa rất sớm, dù gặp cơn gió mưa hay tiết lạnh nóng, vẫn không trễ bỏ. Đến khi Tịnh Nghiệp Xã được thành lập thêm ở Nghĩa lộ Ái Văn, ông cũng tham dự vào. Khi Đế Nhân pháp sư tới Thân giảng kinh, Bộ Dinh mới chính thức cầu thọ quy giới, được pháp danh là Hiền Cừ.

Mùa thu năm Nhâm Tuất, người bạn đời bỗng vương bệnh rồi mãn phần. Từ đó cư sĩ càng sanh niệm nhàm chán Ta Bà, tha thiết cầu về Cực Lạc. Từ trước Bộ Dinh đã vương chứng bệnh đàm suyễn, hằng năm đến nửa mùa xuân thì lành, sang đông lại phát khởi.

Đầu xuân năm Quý Hợi, mức lạnh quá hơn lệ thường, tuy đang vương bệnh, cư sĩ vẫn đến hội xã tụng kinh niệm Phật, không tỏ dáng mệt mỏi. Một hôm ông nói với hàng liên hữu rằng: "Tôi mang bệnh khổ đã lâu, may mắn sắp được thoát, ngày lâm chung xin thỉnh các bạn quang lâm đến trợ niệm, để tiễn đưa nhau một đoạn cuối cùng!". Chư liên hữu đều chấp nhận, và khuyên nên buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật. Sáng sớm ngày mùng 8 tháng 2, cư sĩ sang Liên xã ngồi một mình niệm Phật trọn ngày không nghỉ. Tới hoàng hôn, đồng bạn mượn xe thôi thúc bảo về nhà. Chiều hôm sau vài liên hữu đến thăm, thấy Bộ Dinh còn có thể ngồi tiếp chuyện như thường, không liệu biết rằng ông sắp vãng sanh, nên đều có vẻ yên lòng, từ giã ra về. Khi các bạn lui đi, cư sĩ vẫn ngồi nơi đầu giường nhắm mắt niệm Phật. Ước chừng một giờ sau, ông bỗng mở mắt ra hỏi con rằng: "Vừa rồi ai đem trà cho cha uống đây?". Đứa con thưa rằng: "Dạ đâu có ai!". Ông lại bảo: "Con hãy mau sang chùa Năng Nhân thỉnh chư liên hữu đến, nói cha sắp về Phật". Người con thưa: "Hiện thời đã về đêm, các vị đều giải tán biết làm sao?". Cư sĩ dạy: "Thế thì con mau lên hương đèn nơi bàn Phật!". Nói xong niệm Phật càng gấp, giây lâu bỗng mở mắt nhìn xung quanh bảo: "Chư tăng thân tướng cao lớn nghiêm đẹp từ đâu hội đến rất nhiều!". Nói đoạn, chấp tay nhắm mắt yên lặng.

Khi ấy người nhà tới dò xem thì ông đã tắt hơi, liền đồng thanh cao giọng niệm Phật để trợ tống. Lúc đó bước qua đầu giờ Tý, ngày mùng 10 tháng 2, cư sĩ hưởng dương 59 tuổi.

ĐƠN ĐỨC TÔN

Đơn Đức Tôn tự Ngưỡng Đình, ở huyện Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang. Tánh ông cương trực, mạnh mẽ trong việc làm nghĩa. Ngưỡng Đình cùng cư sĩ Lạc Quý Hòa là bạn đồng học, sau khi chia tay nơi trường ốc, suốt mười mấy năm hai bên không gặp mặt nhau.

Tháng 8 năm Quý Hợi thời Dân Quốc, Đức Tôn từ Thanh Đảo mang bệnh trở về, rồi nằm liệt giường chiếu. Được biết Lạc Quý Hòa hiện đang là y sĩ nổi danh, ông cho người mời tới điều trị. Lạc vội đến nơi, thấy bệnh còn có thể cứu chữa, liền tận tâm chăm sóc hơn một tháng, ông bạn cũ mới được an lành. Sau cơn đau nặng, tức huệ của Đức Tôn bộc phát, ông thường than thở với Quý Hòa rằng: "Thân thể và cảnh vật giữa đời đều hư huyễn, kiếp người bị vô lượng nỗi khổ buộc ràng!". Nhân cơ hội đó, Lạc liền đem pháp môn Tịnh Độ ra giảng giải khuyên tu. Ông nghe xong lãnh hội vui mừng, nhờ bạn chỉ định cho khóa trình hành trì và những kinh sách nào nên đọc, Quý Hòa tùy hỷ theo, mỗi mỗi đều tỏ bày rành rẽ.

Lần lần thân thể kiện khang, Đức Tôn sửa sang một gian phòng nơi nhà làm tịnh thất, thờ Phật và Bồ Tát

rất trang nghiêm. Theo thời khóa đã quy định, ông đến trước bàn Phật trì niệm không trễ sót. Cô con gái là Ái Châu vừa 17 tuổi, cũng phát tâm mỗi ngày đều theo cha tu hành. Từ đó bước tu học của Đức Tôn càng lúc càng tiến xa. Ý ông muốn rũ bỏ hết việc đời để ẩn tu nhưng vì chức vụ giữ văn thư ở Trung Quốc Ngân Hàng tại Thanh Đảo, ngoài ông ra không tìm được người thay thế. Hơn nữa vị trưởng Ngân Hàng còn gửi thư đánh điện thôi thúc nhiều phen, bắt buộc dĩ lại phải lên đường phó nhậm. Bởi cuộc hành trình xa xôi mỗi nhọc, sau khi tới Thanh Đảo, Đức Tôn vươngng phải chứng sán khí. Lần hồi bệnh càng tăng thêm, ông chỉ còn cách tạm xin nghỉ việc, trở lại quê nhà an dưỡng một phen nữa.

Ngày mùng 1 tháng 4 năm Giáp Tý (1924), bệnh thể nguy kịch, tự biết khó qua khỏi. Đức Tôn xếp đặt hậu sự rành rẽ. Ông dặn dò sau khi mình mãn phần, chớ nên làm pháp sự long trọng, chỉ thỉnh một vị tăng thường ở trước linh sàng niệm Phật là đủ. Người nhà vây quanh lộ vẻ thương khóc, ông bảo: "Tôi đang chú tâm hướng về Tây Phương, xin đừng làm loạn chánh niệm, nên thay phiên nhau xưng hồng danh Phật để hộ trợ là cần thiết và tốt hơn. Tôi đi phen này sẽ thẳng về thế giới Cực Lạc, thật ra chẳng phải chết mất xa lìa. Lý ấy rất thâm, vì trong thân quyền chưa hiểu Phật pháp nhiều, nên không thể nói ra kỹ hết. Đêm hôm qua Bồ Tát đã hiện thân mách bảo thời khắc vắng sanh. Lần đi

này tôi có chỗ nương về, sự vui còn thắng hơn cõi trần vụn bột. Đó chính là điều đại hạnh, xin đừng lộ vẻ bi thương!". Lúc ấy người nhà xin cho thay đổi y phục, ông ngăn lại bảo: "Vào giờ Mùi ngày mùng 3 mới đến lúc vãng sanh, hiện thời hãy còn sớm, việc đó chưa vội, nên vì tôi trợ niệm là tốt hơn".

Tới ngày mùng 2, Đức Tôn nhờ cạo tóc và nấu nước thơm tắm gội, cùng thay đổi y phục. Đến giờ Ngọ ngày mùng 3, ông bảo: "Đã gần tới thời khắc vãng sanh, xin đỡ dậy ngồi kiết già". Vừa sang đầu giờ Mùi ông liền nhắm mắt an lành thoát hóa. Ba hôm sau, thân thể của Đức Tôn vẫn còn mềm dịu nóng ấm, nhan sắc tươi tỉnh không thay đổi. Ông hưởng dương được 58 tuổi.

---o0o---

DƯƠNG LIÊN HÀNG

Cư sĩ Dương Liên Hàng, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở huyện Dư Diêu, tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo, từ nhỏ theo nghề buôn bán, tánh lịch thiệp quán xuyến hơn người.

Năm Dân Quốc thứ mười một, Liên Hàng được biết người bạn cùng xóm là Đồng Giác Hàng tu tịnh nghiệp, trong lòng ưa thích, hằng qua lại, để nghe lời chỉ giáo. Sau đó ông thọ quy giới làm hàng Phật tử tu tại gia. Phần văn học tuy cư sĩ còn yếu kém, song về nghĩa lý kinh Phật, sự giải ngộ lại hơn người. Tháng

chín năm Quý Hợi, các bạn ở liên xã ước hẹn cùng nhau thệ nguyện, phát lòng Bồ Đề. Liên Hàng cũng có dự trong cuộc lễ ấy.

Cuối mùa xuân năm Giáp Tý, vì đau bệnh cư sĩ lên phá giới sát sanh ăn mặn, nhân đó lần lần xa cách với các liên hữu, đến tháng bảy, bệnh ông càng thêm nặng, bạn đồng tu đến thăm, ai cũng bảo rằng tất sẽ chết. Liên Hàng cũng xét biết mình khó sống, tự cảnh giác ăn năn việc đã làm. Đầu tháng tám, ông gượng đau đến trước bàn Phật, hết lòng phát lộ chí thành sám hối, nguyện giữ lại năm giới thề không tái phạm. Từ đó cư sĩ buông bỏ muôn duyên, dứt trừ ái dục, một lòng thâm niệm hồng danh Phật, chờ đến lúc mạng chung. Các liên hữu biết công phu trì niệm của cư sĩ còn cạn, nên trước khi ông lâm chung sáu ngày, thỉnh người đến trợ niệm. Mấy hôm rớt sau, những bạn đồng tu cũng tự mình đến niệm Phật giúp duyên.

Cuộc trợ niệm khởi đầu từ ngày mười hai tháng tám. Qua ngày rằm, Liên Hàng bỗng tự cảm biết thần khí thanh nhẹ tươi tỉnh. Đến ngày mười bảy, cư sĩ bảo trong giấc mơ thấy một vầng ánh sáng như năm sáu ngọn đèn điện chói lòa. Vào chiều tối, xem thần sắc của ông vẫn như thường, các liên hữu cho là chưa đến giờ, tiếp tục niệm Phật tới sang canh hai, rồi sắp sửa muốn ra về. Các vị ấy không ngờ rằng, lúc đó sự trợ niệm đã đến hồi tinh thuần đặc lực.

Bảy giờ Liên Hàng nghe tiếng niệm Phật bỗng nhiên ngưng bật, liền nói:

"Tôi hãy còn chưa đến Tây Phương, mong nhờ chư liên hữu trợ niệm cho suốt đêm nay!".

Nghe lời nói có vẻ khác lạ, các đồng bạn lại cao tiếng niệm Phật. Không đầy nửa giờ sau, cư sĩ bỗng cười bảo:

"Tôi đã đến Tây Phương. Ôi! Ao thất bảo to rộng quá! Kia! Hoa sen thật là màu đẹp! Ánh quang minh cũng sáng đẹp vô cùng!".

Rồi ông lại dặn đại chúng cao tiếng trợ niệm đừng dừng nghỉ. Từ trước Liên Hàng vẫn lặng lẽ nằm yên. Đến lúc bảy giờ tay và đầu ông đều hoạt động, miệng liền tiếp nói to: "Ôi! Hoa sen thật tươi lạ nhiệm màu! Ao báu thật sáng đẹp!". Lúc ấy mặt của cư sĩ tươi cười hơn hở, trông như người bất chợt có việc vui mừng vượt quá hy vọng. Như thế qua một giờ sau ông trở lại yên không nói, tay chân cũng không động, chỉ nằm ngửa mắt chăm chú nhìn tượng Phật trước giường. Kế tiếp đôi tròng lần lần lơ lạc, hơi thở cũng lần yếu mòn. Đến năm giờ sáng ngày mười tám, cư sĩ mới tắt hơi.

Đêm ấy liên hữu chỉ có bốn người, mà vừa thay phiên nhau lớn tiếng trợ niệm suốt đêm, vừa thỉnh thoảng lại xen đôi lời sách tấn. Như thế cứ tiếp tục niệm cho đến sau khi cư sĩ tắt hơi một giờ rưỡi, mới đổi phiên cho những vị khác vừa đến. Sự trợ niệm vẫn tiếp tục cho tới lúc thân thể kẻ mãn phần lạnh hẳn,

người nhà đều bị ngăn không được khóc thương. Đến mười giờ trưa, một liên hữu thăm dò thử, thì các nơi khác đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng như nước sôi.

Như Liên Hàng cư sĩ, giới phẩm không tròn, công hạnh tu trì lại còn non kém. Nhưng ông được vãng sanh, xét ra toàn nhờ sức trợ niệm của các bạn đồng tu. Xem đây, ta thấy sự trợ niệm Phật rất thiết yếu cho hành giả lúc lâm chung. Bảy giờ nhằm ngày mười tám tháng bảy năm Dân Quốc thứ mười ba, cư sĩ mới được ba mươi tuổi.

VƯƠNG CẢNH ĐAN

Vương Cảnh Đan tự Tử Đình, người ở huyện Vũ Cương, tỉnh Hồ Nam. Thuở thiếu thời ông đã thông minh đỉnh ngộ, nghề từ chương thi họa nổi tiếng tài hoa. Bởi thế trong nhà ngoài cửa người hâm mộ tới lui không ngớt. Sau mấy lần thi không đỗ, ông biết mình hữu tài vô phận, liền quy ẩn dạy học, giữ mình khiêm nhã, tuyệt không dự đến chuyện thị phi bên ngoài, được tiếng khen là bậc cao khiết. Tánh ông lại trầm hậu, dù bị khinh hủy vẫn giữ thái độ an nhản điềm nhiên, thường nói với bè bạn: "Có dung thứ người, trí đức mới rộng lớn, cần chi phải tranh chấp so đo?".

Trong 2 năm Dân Quốc thứ 7 và 8, gặp phong trào cư sĩ đề xướng Phật học, Cảnh Đan đến dự nghe diễn giảng liền giác ngộ, lòng rất vui mừng, bảo: "Những sách vở tôi đọc khi trước, so với Phật pháp đều là cặn

bã. Ngày nay may mắn được biết phương cách an thân lập mạng, sự lợi ích thật to rộng và quý báu vô cùng!". Lại nhân thấy người quen là Nhạc Thái Ngươn lớn tuổi mù lòa, do niệm Phật mà đôi mắt được sáng lại, ông càng tin công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Từ đó Cảnh Đan dọn riêng một căn phòng thanh khiết nơi nhà, thờ Phật trang nghiêm, hôm sớm trì chú Đại Bi, tụng kinh Kim Cang, Di Đà và tu pháp Thập niệm hồi hướng lấy làm thường khóa. Lúc rảnh rỗi ông xem kinh, hoặc giảng nói lý luận hồi nhân quả cùng pháp môn niệm Phật cho tất cả người quen biết nghe.

Chẳng bao lâu, cô bạn đời mất, trong lúc tuổi xế chiều lại liên tiếp gặp nhiều cảnh gian truân khốn khổ, không mấy lúc được nhàn nhã an vui. Biết nghiệp đời trước phát hiện, ông vẫn nhẫn nại điềm nhiên, giữ thời khóa tụng bèn chắc không đổi thay trễ bỏ.

Vào tháng 8 năm Giáp Tý, Cảnh Đan nhân bị chứng ngoại cảm, bệnh kéo dài dây dưa đến đầu sơ tuần tháng 10 mới tạm dứt. Sang trung tuần, bệnh phát trở lại điều trị không công hiệu, ông gạt bỏ thuốc thang, mỗi ngày duy chí tâm niệm Phật. Đến đêm mùng 6 tháng 11, bệnh giảm nhẹ, tinh thần như thường. Lúc ấy Cảnh Đan ngồi lâm râm niệm Phật nơi giường, bỗng cháp tay nói: "Kính xin vâng lời chỉ dạy!". Rồi gọi con cái lại bảo: "Sáng mai khi cha đi, các con chớ nên thương khóc, chỉ xưng hồng danh Phật trợ niệm cho cha được vững bước vãng sanh!".

Quả nhiên, vào giờ Thìn hôm sau, ông ngồi chấp tay niệm Phật mà qua đời. Tất cả người nhà đều tuân lời dạy, thay phiên nhau niệm Phật cho đến khi nhập liệm.

Lời bình:

Có nhiều người tuy siêng năng tụng kinh niệm Phật, song sân si phiền não vẫn không chừa. Bởi thế công đức niệm Phật không phát huy được toàn vẹn, có khi còn bị tổn giảm tiêu mòn mất hết. Cho nên niệm Phật cần phải tu tâm. Câu nói: "Có dung thứ người, trí đức mới rộng lớn" của Cảnh Đan, tỏ ra ông đã biết tu tâm. Vì thế, chỉ với 10 hơi trì danh theo pháp Thập niệm hồi hướng mỗi ngày, tâm ông đã cảm thông được với bản nguyện của Phật, và mong nhờ ân tiếp dẫn. Hân hạnh thay cho người biết niệm Phật, tu tâm!

LƯU XUÂN TÀI

Lưu Xuân Tài, chưa được rõ sanh quán, mồ côi cha sớm, thờ mẹ rất chí thành hiếu cần. Ông cung phụng mẹ từ thức uống ăn, y phục, thuốc thang, chăn màn, cho đến nhìn trông dung sắc của mẫu thân mà uyển chuyển tùy thuận. Vì nhà nghèo, nên từ bé ông thất học không biết chữ, chỉ làm nghề lấy tre đan thúng rổ cùng các vật dụng khác đem bán để sinh sống. Khi được thức ngon không dám tự ăn, để dành đem về dâng cho mẹ. Tùy theo mỗi mùa, có bánh trái hay trân tu mỹ

thực chi khác, cũng gắng hết sức mua về cung phụng mẫu thân.

Ông giữ hạnh hiếu thuận như thế hơn 40 năm không đổi thay thiếu sót. Khi mẹ có bệnh, Xuân Tài nghỉ việc, lo thuốc thang săn sóc, ăn không biết vị, áo chẳng cởi đay. Tuổi trảng niên, vợ mất sớm, không có con cái, ông vẫn chẳng nghĩ đến sự tục huyền. Nhiều người đem việc ấy khuyên nhắc, Xuân Tài bảo: "Lợi tức của tôi làm ra, nuôi mẹ còn không đủ, đâu nỡ có vợ con để mất bớt phần ăn của mẫu thân!". Khi nói đến đó liền sa nước mắt. Ông có mướn thợ vẽ sẵn hình tượng của mẫu thân. Khi mẹ mất, Xuân Tài treo bức tượng ấy nơi vách chỗ bàn thờ, khi đi về đều thưa trình, lúc ăn uống cũng mời gọi, y như lúc bà còn sống. Ông mặc áo sô gai, giữ đồ hiếu phục, luôn 9 năm mới giải tang. Cứ mỗi tháng ông đem hương đèn đến phần mộ của mẹ, lễ bái và quét dọn sửa sang một lần.

Tánh ông thích làm lành không biết chán mỏi. Khi đi theo đường rao bán đồ tre, gặp giấy chữ liền lượm đem về đốt. Đến mùa đông lại chịu khó quét tuyết nơi lộ, để hành khách khỏi bị trơn trượt. Mùa hạ thì nấu nước trà đem để các ngã ba đường bố thí. Nhà tuy không dư dả, song từ khi mẹ mất, có ai cầu xin giúp đỡ, ông đều tùy phần vui vẻ mà chu cấp, không lộ nét khó khăn. Trong xóm có cư sĩ Lý Thời Tân chuyên tu Tịnh Độ, vì mến nét hạnh hiền lành hiếu thuận của Xuân Tài, nên cùng ông kết làm bạn thân. Thời Tân có

lập một ngôi Niệm Phật Đường công cộng trong khuôn lạc viên nhà mình, thường ở tại đây chủ trì và tu niệm. Nhân đó trong lúc tuổi già, Xuân Tài hôm sớm đều đến Niệm Phật Đường để tu tịnh nghiệp.

Năm Ất Sửu thời Dân Quốc (1952), Lưu Xuân Tài đã 73 tuổi. Vào hạ tuần tháng giêng, ông cảm bệnh. Qua rằm tháng hai, tự biết mình khó vượt khỏi, ông đoạn thực chuyên niệm Phật, chỉ uống nước nấu chín luôn hơn 10 ngày. Đêm 12 tháng 3, Xuân Tài nằm mộng thấy 500 vị tăng đến hẹn đón rước, cho biết vào giờ Thìn ngày mùng 5 sẽ được sanh về Tây Phương. Quả nhiên đúng thời hạn, ông từ giã các bạn thân, ngôi niệm Phật mà hóa. Một văn sĩ trong thôn ấp là Hồ Bằng có lời văn phúng điếu rằng:

Hiếu hạnh nức danh thơm, xuất phát từ hàng buôn bán tiểu dân, rau đậu kính vui thành đức cả.

Phật hiệu vang tiếng niệm, thọ mãn hồn gặp 500 La Hán, trời Tây Cực Lạc tất sanh về.

Hai câu đối trên không phải lời sáo khen ngợi suông, chẳng qua là ghi đúng sự thật vậy.

VƯƠNG YẾN TẾ

Vương Yến Tế quê ở Trấn Hải, tỉnh Triết Giang. Ông làm nghề nông, tánh chất phác thật thà, ngoài sự ăn mặc đơn giản ra, không có thị hiếu chi khác.

Mùa xuân năm Quý Hợi, Yến Tế đã được 70 tuổi. Cháu họ của ông là Vương Xuân Sinh rất kính tin ngôi

Tam Bảo, hằng siêng tu tịnh nghiệp. Một hôm Yên Tế vào trong tịnh thất của cháu, thấy sự thờ cúng trang nghiêm, bất giác sanh lòng kính ngưỡng, thâm niệm: Nam Mô A Di Đà Phật. Bỗng nghe nơi ngọn đèn lưu ly nổ sẽ một tiếng, ông nhìn lên thấy trên đèn hiện thân Phật tướng nghiêm đẹp, sắc tươi vàng. Yên Tế kinh ngạc mừng rỡ, sanh tín tâm sâu thiết. Từ đó mỗi ngày ông đều đến Phật đường của Xuân Sinh niệm hồng danh hai muôn câu. Vừa mới hành trì hơn hai tháng, ông đã được một lòng không loạn tam muội hiện tiền. Ban đêm Yên Tế thường thấy một vùng ánh sáng, nên sự tu niệm càng tinh tấn chuyên cần.

Không bao lâu, túc nghiệp phát hiện, ông bị các chứng: hen suyễn, phù thũng và đau mắt. Do đó ông thường ở nhà thờ Phật trì niệm, lần lần tăng đến số ba muôn câu. Mùa đông năm Giáp Tý, ông bị mù lòa, nên khóa trình có hơi kém sút. Sau xuân Ất Sửu, đôi mắt sáng lại, nhân cảm ân Phật hộ trì, tuy bệnh suyễn và thũng tăng thêm, sự tu hành của ông lại càng chuyên thiết.

Đêm rằm tháng 4 nhuận, Yên Tế nằm mơ thấy một vùng trắng cảnh lầu các trang nghiêm, cửa cổng khóa đóng. Ông lại gõ cửa liền được vào, thì trước mắt hiện ra cõi báu ánh sáng rực rỡ, rộng rãi không biết đâu là bờ mé. Trên hư không có ba vị ngòai kiết già, đánh phóng hào quang giống như tượng Tây Phương Tam Thánh. Sáng ra Yên Tế gọi cháu đến bảo: "Ta mộng

thấy đạo chơi miền thẳng địa, cảnh trang nghiêm rục rĩ, không phải lời nói có thể hình dung! Chí ta đã quyết cầu vãng sanh, mong con cháu cũng đều nên cố gắng". Từ đó ông chuyên cần niệm Phật ngày đêm, chỉ có lúc nào suyễn nhiều đau lắm mới tạm nghỉ mà thôi.

Ngày 29 tháng ấy, Yên Tế lại mộng thấy hai người dẫn đến một ao trong mát bảo tắm gội. Sáng hôm sau, riêng ông nhìn thấy một vị đầu bạc tướng tốt, dẫn theo hai đồng tử cầm đuốc tới đón rước. Tới giờ Ngọ bỗng đâu mùi hương lạ bay lan thơm ngát cả nhà. Sáng mùng 1 tháng 5, Yên Tế bảo gia nhơn rằng: "Sửa soạn hương đèn cho ta lễ Phật rồi đi!". Đến đầu giờ Tuất, quả nhiên ông ngồi niệm Phật rồi quá vãng. Hơn 3 ngày sau mới nhập liệm, đánh đầu ông vẫn còn nóng.

LƯU KHAI NAN

Cư sĩ Lưu Khai Nan, tự Tây Tiều, pháp danh Khê Tịnh, người ở huyện Bình Trạch, tỉnh Giang Tây. Vừa 15 tuổi, ông đã nổi tiếng tài hoa về văn học. Cha là Hiếu Phong tiên sinh, do gần gũi với cư sĩ Dương Nhân Sơn, nên được hiểu biết sự nhiệm mầu của Phật giáo. Các kinh điển đại thừa như: Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Viên Giác, Hoa Nghiêm, tiên sinh đều nghiên cứu sâu rộng. Lúc ấy, Khai Nan hãy còn niên thiếu, thấy thế thâm cho cha là mê tín.

Thời cuộc thay đổi, bước sang Dân Quốc kỷ nguyên, Phật hóa lần lần truyền lan rộng. Nhân một

con đau, Khai Nan cảm mộng thấy có vị lão nhơn khuyên bảo nên thỉnh xem tập Hoa Nghiêm Hiệp Luận. Tỉnh giấc nhờ người thỉnh cho một bộ, đọc xong ông than thở khen ngợi biên pháp giới mầu rộng không thể nghĩ bàn! Từ đó mới phát tâm hướng về đạo, hối cải lỗi lầm trước của mình, tự thương nghe biết Phật pháp trẽ muộn. Ngày Phật đản năm Kỷ Mùi, ông sửa sang chỗ thờ Tam Bảo trang nghiêm, sớm hôm ân cần lễ tụng. Năm sau phát tâm ăn chay trường, mỗi buổi sáng đều quỳ tụng kinh Di Giáo để trị tâm. Kế đó, Khai Nan kêu gọi bạn đồng tu sáng lập ra Phật Học Hội. Mỗi ngày chủ nhật, trước tiên ông hướng dẫn hàng thiện tín lễ tụng, kế tiếp giảng diễn về kinh luận. Lần lần người phát tâm tu học Phật pháp rất đông nhiều.

Mùa thu năm Nhâm Tuất, Khai Nan triều bái non Phở Đà, lễ Ấn Quang pháp sư cầu thọ quy giới, tôn làm bậc thầy hướng dẫn. Trái một phen gặp gỡ, đôi bên kết hợp nhau như kim cái. Ấn công hỏi thăm, biết cư sĩ còn có mẹ già, bảo ông nên khuyến khích mẹ niệm Phật cho tròn hiếu đạo. Lúc trở về, Khai Nan rước mẹ đến thành ở, uyển chuyển khuyên bà tu niệm. Mẫu thân ông cảm động, cũng phát tâm niệm Phật trì trai. Vào tháng 10 năm Quý Hợi, lúc mẹ lâm chung, cư sĩ suất lãnh chư liên hữu trợ niệm, tất cả đều nghe có hai trận gió thơm thổi đến. Sau khi bà mãn phần, gương mặt lộ vẻ tươi vui như còn sống. Khai Nan thường nói với bạn bè là cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh rằng: "Nhờ sư phụ chỉ dạy, như

vet mây nhìn thấy mặt trời, tôi mới tỉnh ngộ sự niệm Phật là rất thiết yếu, không thể bỏ lơ một ngày nào!". Chư ni tăng ở am Tịnh Độ trong ấp, như Quả Nhon, Thánh Đạo đều nhờ ông khuyến tấn niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Khi lâm chung cả hai đều biết trước ngày giờ, điềm lành hiển hiện và cùng được sanh về Cực Lạc.

Mùa thu năm Ất Sửu, Khai Nan bỗng vương bệnh. Đến ngày 27 tháng 11, cư sĩ mộng thấy có người đứng bồi hồi ngoài cửa song, ra thăm hỏi thì vị ấy trình một tấm thiệp có đề hàng chữ: "Xin chờ Tây Tiều tiên sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!". Lúc ấy người nhà còn đang tụng cầu thọ cho ông. Cư sĩ nghe biết ngăn rằng: "Cõi đời ác năm trước không thể ở lâu, huống chi lại còn thêm bệnh khổ! Tôi đang hân hạnh mong cho sớm được thoát ly, chẳng nên vì lòng ái niệm mà làm cho tôi thêm khổ lụy. Từ đây về sau chẳng nên si mê cầu thọ, phải đổi lại hồi hướng cầu Phật mau tiếp dẫn vãng sanh là tốt hơn!". Kế tiếp cư sĩ thấy nhiều điềm lành, nên niệm Phật càng tha thiết. Luôn cả ngày đêm, ông xưng câu hồng danh hoặc thầm hoặc ra tiếng không lúc nào gián đoạn. Có ai đến hỏi thăm bệnh, cư sĩ không đáp chỉ chấp tay niệm Phật. Trong lúc mơ màng, Khai Nan bỗng thấy có người muốn dẫn xuống Minh Phủ để nhận lãnh quan chức. Lại có nhiều chư Thiên xuống xin đưa lên các cõi trời. Ông đều chánh sắc từ chối bảo: "Làm quan dễ tạo nghiệp. Phước trời

khi hương hết cũng đọa luân hồi. Tôi chỉ nguyện sanh về Tịnh Độ để mau chứng đạo quả, độ mình và chúng sanh mà thôi!".

Sáng sớm ngày mùng 9 tháng chạp, cư sĩ tự ngồi dậy mặc áo lễ Phật, kể đó bảo gia nhưn rằng: "Tuồng nghiệp của tôi đã hết, may mắn không bị các cảnh phước báu trong ba cõi làm chuyển lòng. Xin tất cả đều chuyên cần tu pháp môn Tịnh Độ, chớ nên làm lần!". Sang mùng 10 ông nói: "Giờ Mùi ngày mai tôi sẽ đi!". Vài giờ trước khi mãn phần, ông bảo người nhà: "Các liên hữu đến trợ niệm đông nhiều, trình độ niệm Phật của họ cũng khá cao, phải nên lễ kính". Rồi cư sĩ tự tụng Phổ Hiền Thập Nguyện Văn hai lượt. Tụng xong lặng yên sẽ động môi niệm Phật. Quả nhiên đến giờ Mùi, ông an lành mà vãng sanh. Trái bốn giờ sau, mặt ông lộ sắc tươi nhuận hơn lúc bình thường, đánh vẫn còn nóng.

TRẦM ĐỒNG VĂN

Trầm Đồng Văn tự Thơ Hiện, người huyện Nam Thông tỉnh Giang Tô. Ông có một trai một gái, sau khi cưới vợ gả chồng cho con xong, lộ sắc mừng nói: "Phận sự đã hoàn tất, ta mau quay lại lo phần giải thoát là việc lớn của mình!". Lúc đó ông được 54 tuổi, liền đem việc nhà giao phó hết cho con trai và dâu, mình ở riêng một gian lâu, ngày đêm chuyên lo phần tụng niệm.

Tháng 9 năm Quý Hợi thời Dân Quốc, nhân có việc đến nhà người bà con là cư sĩ Sa Kiến Am, ông đưa ra một tờ giấy ghi bài kệ văn phát nguyện của mình làm, lời và ý đều rất khẩn thiết. Kiến Am hỏi về sự tu trì, ông nêu ra các kinh thường tụng như: Kim Cang, Cao Vương, Ngọc Hoàng. Cư sĩ nghe xong bảo: Cao Vương là kinh ngụy tạo, chẳng nên tụng, Ngọc Hoàng là văn ngôn của phái tu Tiên, người thờ Phật cũng không cần tụng. Anh và tôi đều lớn tuổi, muốn thoát khỏi vòng sống chết luân hồi, ngoài pháp môn niệm Phật ra, e không còn kịp". Rồi cư sĩ tặng cho ông mấy quyển: Di Đà Yếu Giải, Tiểu Chỉ Quán và các sách về Tịnh Độ. Đồng Văn vui mừng nhận lãnh đem về.

Hai năm sau, ông lại sang nhà Sa Kiến Am nói: "Từ khi được chú khuyến nhắc, hằng ngày tôi đều tinh tấn niệm Phật cầu sanh về Tây Phương. Gần đây tôi thường thấy chư Phật, Bồ Tát hiện đầy khắp hư không. Lại thấy hoa sen năm sắc nổi hiện hai bên mình. Đến thời tôi quyết được vãng sanh về Cực Lạc!". Kiến Am bảo: "Anh nói đúng sự thật hay chẳng? Nếu quả có các điềm lành ấy, cũng chớ nên tiết lộ cho nhiều người biết!". Đồng Văn chỉ mỉm cười không đáp.

Ngày 18 tháng giêng năm Bính Dần (1926), ông cảm thấy trong người không khỏe, kể tiếp mỗi ngày càng thêm suy bại. Con trai xin rước thầy bốc thuốc, ông bảo: "Cha đang chờ Phật đến tiếp dẫn, rước y sĩ đến làm chi?". Rồi quyết định không chịu uống thuốc,

cứ liên tục niệm Phật. Cô con gái và rể về thăm, ông gọi tất cả các con lại trời dặn rằng: "Các con đều khôn lớn, có sự suy nghĩ hiểu biết, phải nên lánh dữ làm lành và chí tâm niệm Phật. Ngoài ra cha không còn di chúc điều chi khác!". Vào đầu tháng 3, vừa đúng ngày thọ lục tuần của mình, Đồng Văn bảo người nhà đều đốt hương xưng danh hiệu Phật, và mời các bạn tu đến trợ niệm. Trước khi vãng sanh, Đồng Văn dặn người nhà tần liệm đơn sơ bằng chiếu manh áo vải, ông bảo: "Đức A Di Đà vừa quang lâm đến. Hiện thời thân tôi đã ngồi vào tòa hoa sen!". Nói xong, nằm nghiêng về bên hữu, niệm Phật cấp thiết, tiếng nhỏ dần rồi đi thẳng.

Lúc ấy nhằm giờ Tuất ngày mùng 6 tháng 3, lúc nhập liệm, thi thể ông vẫn còn mềm dịu, sắc mặt tươi sáng rực rỡ hơn hồi còn sống.

TỊNH ĐỘ THI

TRONG BỆNH VẼ CẢNH CỰC LẠC

Cực Lạc đẹp màu thanh Tịnh Độ
Không bốn đường ác cùng các khổ
Nguyện người đau bệnh như thân ta
Đồng sanh về cõi Vô Lượng Thọ.

Đường, Bạch Hương

Sơn

TIỀN GÓT TRĂNG PHÁP SƯ

Biển khổ đường mê nghĩ thoát thân
Cách đây mười vạn cõi vi trần?
Hoa sen nơi ấy trăm ngàn ức
Mỗi mỗi liên hoa hiện Phật thân!

Đường, Lý Thương Ẩn

ĐIỀU BẢO NGUYỆT ĐẠI SƯ

Sống chết mau như đuổi cánh tay
Chung tình càng khổ có ai hay?
Lạc Thiên chẳng phải Bồng lai khách
Hương niệm Tây Phương độ tháng ngày! (1)

Tống, Tô Đông Pha

(1) Bạch Lạc Thiên trước tiên cầu về Bồng Lai tiên cảnh. Kế tiếp xét thấy Bồng lai không bằng cung trời Đâu Suất, nên lại cầu về Đâu Suất thiên cung. Bởi thế ông đã có câu thi: “Hải sơn bất thị ngô quy xứ. Quy tắc tu quy Đâu Suất thiên”. Sau rốt càng đi sâu vào đạo, ông chuyển hướng cầu về Cực Lạc, vì Đâu Suất dễ lạc bước khó sanh lên, lại chánh báo và y báo đều không bằng Cực Lạc. Điều này thể hiện qua mấy câu thi: “Ta nay bảy mươi một. Chẳng ham việc ngâm nga. Xem kinh mỗi con mắt. Làm phước sợ bôn ba. Lấy gì độ tai mắt. Một câu A Di Đà ! Đi niệm A Di Đà. Ngồi cũng A Di Đà. Dù gấp như tên bắn. Chẳng rời A Di Đà. Khấp khuyên người thế gian. Đều niệm A Di Đà”.

KHUYÊN NIỆM PHẬT

Cõi người khổ bệnh rồi già chết
Thiên giới nào ai thoát ngũ suy?
Thà đối cửu liên cam phẩm thấp
Không mong trần thế lại đầu thai.

Bao phen lạc bước giữa trường đời
Việc thế như gai lăm rói bời!
Hoa đẹp vườn xưa thương cảnh cũ
Trâu dê dày đập mãi không thôi! (1)

Nguyên, Ưu Đàm đại sư.

NHỚ TỊNH ĐỘ

Nghĩ tợ cánh bông lạc cõi Nam
Tựa lầu ca thán nguyệt canh tàn
Xa mờ hội pháp người lành đẹp
Lại tưởng đài hoa báu lạ nghiêm
Thân cá tuổi suy lần thiếu nước
Kiếp chim ô tạm lớt hiên thêm
Ngỏ cùng thân hữu trong thiên đạo
Tạo cảnh chùa thêm gán lộ bàn. (2)

Minh, Sở Thạch thiền sư

(1) Ý nói: Cảnh giới chân như thanh tịnh trong sáng suốt an vui, như khu vườn xưa đầy hoa đẹp đủ màu sắc. Nhưng chúng sanh vì mê chân tâm theo vọng cảnh để cho loài trâu dê tham sân si dày đập tan nát vườn hoa chân tâm tươi đẹp ấy. Ý này giống như lời một hiền đức Việt Nam đã nói khi có người đến hỏi

đạo: “Vườn ngự xác xơ hoa cỏ rôi. Mà nay hôm sớm mặc trâu dê!”. (Kim cốc hoang sơ hoa thảo loạn. Nhi kim hôn hiệu nhậm ngư dương!).

(2) Lộ bàn là cái chóp nhọn có chiếc đĩa tròn hình như cái mâm hứng sương, gắn trên nóc chùa tháp. Ý câu này nói: “Đã tham thiền ngộ bản tâm, nên thêm niệm Phật cầu sanh về Tây Phương, cho sự giải được thêm đảm bảo chắc chắn”.

NGÃU CẢM

Lần trông mái tóc điểm màu sương
Tự xét thân ni chẳng cứu trường
Một kiếp đã thành chi sự nghiệp?
Trăm năm còn có mấy thân hồn?
Chóng tìm nơi lập nhà an ổn
Chớ mãi cam lòng chốn tử môn
Cõi ngọc không xa về có lối
Đài sen quy hướng lễ Từ Tôn.

Thanh, Liên Ân đại sư

LÝ THỊ

Lý thị là mẹ của Lý Canh Hiên ở huyện Võ Thành, Sơn Đông. Tánh bà điềm tĩnh, ít nói cười, sự ăn mặc đồ ngon tốt xấu vẫn an phận không kén lựa đòi hỏi.

Sau 30 tuổi, bà trường trai thờ Phật, đem hết việc nhà giao phó cho con trai và dâu. Khi có người quen thân đến thăm, sau vài câu chuyện hàn huyên, liền tạ

lui về phòng niệm Phật không dứt. Chẳng bao lâu đứa con trai, rồi cháu nội nối tiếp nhau chết yểu. Lý thị ban sơ có vẻ thương tiếc đau buồn, kể lại ngăn dứt tình cảm, vẫn lần tràng niệm Phật như cũ. Do đó hàng xóm đều cười thầm, đôi ba kẻ lại tới ngay trước mặt kêu ngạo cho là bà già u mê. Lý thị trước sau vẫn điềm nhiên không buồn giận. Có người gạn hỏi: "Bà niệm Phật mãi như thế để làm gì?". Lý thị đáp: "Tôi rất chán cõi Ta Bà như ác này, nguyện khi mãn phần được sanh về thế giới Cực Lạc, thoát khỏi kiếp luân hồi khổ lụy mà thôi".

Lúc gần trăm tuổi, bà vẫn còn tỏ tai sáng mắt, bước đi vững mạnh như thường. Một hôm, sau thời lễ niệm tối xong, bà bỗng gọi đứa cháu dâu bảo: "Đêm nay có việc phiến nhọc đến con, nên nán chậm lại sự nghỉ ngơi theo thường lệ!". Cô cháu dâu chỉ vâng dạ lơ là, chẳng mấy lưu ý. Nhưng trước khi đi ngủ thử lại dò thăm, thì bà đã ngồi xây mặt về Tây, tắt hơi mãn phần lúc nào không biết. Bấy giờ nhằm ngày mùng 4 tháng 8 năm Dân Quốc thứ 3, Lý thị thọ được 96 tuổi.

Lời bình:

Khách đến viếng thăm, sau vài câu hàn huyên rồi từ tạ lui về phòng lần chuỗi.

Con trai và cháu đích tôn chết non mất người thừa tự, trước lộ vẻ đau tiếc kể lại ngăn dứt tình cảm lo tu hành. Người xung quanh ngạo báng là u mê, vẫn điềm nhiên niệm Phật không buồn giận. Qua mấy điểm trên,

đủ thấy rõ trong đời sống, Lý thị đã từng trải nhiều cảnh gian khổ, nên tâm rất nhàm chán cõi Ta Bà, tha thiết cầu sanh Tây Phương một cách không thối chuyển.

Theo kinh giáo, các pháp đều như huyễn, thì khởi tâm nhàm chán hay sanh niệm mến ưa, cũng còn chưa hợp lý. Nhưng đó là chỗ tu của bậc thượng thượng căn, trình độ đã khế ngộ với chân tâm. Ngoài hạng trên, nếu chính mình chưa được như thế mà chấp lý cầu cao, tất khó vãng sanh về Cực Lạc. Cho nên khi xưa Trí Giả đại sư đã nêu hai hạnh Yêm ly và Hân nguyện làm điểm thiết yếu cho sự vãng sanh.

Nhân tiện, xin nhắc lại câu chuyện hiện thật ở Việt Nam. Một cư sĩ tu đã lâu, có thể gọi là từng nghiên tầm thông hiểu nhiều kinh điển đại thừa. Hôm nọ, ông đến chùa hỏi một vị hòa thượng: "Bạch ngài! Các pháp đều do tâm, sự vui khổ cũng do tâm chấp theo ngoại cảnh. Thế tại sao ngài lại còn niệm Phật cầu sanh Tây Phương để làm gì?". Vừa lúc ấy ánh nắng mai xuyên qua cửa sổ, chiếu vào chỗ ghế ông đang ngồi. Vị cư sĩ vội đứng lên nhắc chiếc ghế tránh sang một bên. Thấy thế, hòa thượng cười bảo: "Nắng có một chút mà ông còn không chịu được, nói gì là các pháp do tâm!". Vị cư sĩ đỏ mặt im lặng, rồi đề cập sang chuyện khác.

TRẦN THỊ

Trần thị là vợ của Diệp Vĩnh Xương, ở huyện Vụ Nguyên, tỉnh An Huy. Bà bầm tánh từ ái, hay làm việc ân huệ, mến ưa sự sạch sẽ. Lúc 40 tuổi, vì con trai lớn bị chứng suy lao, bà cầu khẩn Phật, phát nguyện ăn chay trường. Song đứa con bởi tội chướng nhiều duyên phước kém, công đức của bà chưa đủ sức cứu vãn, nên bệnh nó chỉ tạm dứt rồi kế mãi phần. Do duyên con trai thân mến yếu vong, Trần thị xét nghĩ chán kiếp người vô thường, cưới vợ lẽ cho chồng, đem hết việc nhà ủy thác cho thứ nam và dâu, phần mình chuyên lo tu hành trì trai giữ giới.

Bà thường ở riêng một gian tịnh thất, trong đó thờ cúng Quán Âm đại sĩ. Sớm hôm Trần thị kính thành lễ bái, niệm hồng danh A Di Đà và thánh hiệu Quán Thế Âm. Sự hành trì cứ liên tục như thế suốt vài mươi năm, không ngày nào bỏ sót. Bà thích hạnh bố thí, hay cứu kẻ khốn cùng cấp nạn, có ai đến xin đều vui vẻ tùy phần giúp đỡ, và khuyên họ nên niệm Phật để mau thoát khổ.

Vào tháng 10 niên hiệu Dân Quốc thứ 5, Trần thị qua đời. Đêm sắp từ trần, bà bảo quyến thuộc rằng: "Con cháu cứ yên nghỉ, ta sẽ sanh về Tây Phương, đừng lấy làm kinh lạ!". Nói xong vẫn niệm Phật mãi không thôi. Trong thân quyến hãy còn chưa tin, nhưng đến sáng lại thăm chùng, thì thấy bà ngồi ngay thẳng hướng về Tây an tĩnh mà vắng sanh rồi. Hôm sau nhập

liệm, khi đốt y phục cũ và khăn tắm, bỗng đâu ánh sáng năm sắc nổi hiện lên trên ngọn lửa. Trong đó lại hiện rõ một đóa hoa sen to lớn tươi đẹp, hai bên có hai con rồng đoanh vây. Những người trông thấy đều kinh lạ, thở than khen ngợi. Bà thọ được 73 tuổi.

CÁT PHU NHƠN

Cát phu nhơn nguyên là vợ của Thái sử Trịnh Ngoạn ở Trường Sa. Quan Thái sử nghiên cứu nội điển tinh tường, thông hiểu rất sâu về Phật pháp.

Đến tuổi trung niên, phu nhơn thường hay đau yếu. Trịnh Thái sử để cho bà ở riêng một gian lầu, lo việc tu trì. Tại nơi đây, phu nhơn hằng chuyên niệm Phật, quanh năm chân không bước ra khỏi cửa, mọi việc có hai đứa thị tỳ giúp đỡ. Hành trì lâu ngày, ban đêm tuy bà tĩnh tọa trong bóng tối, song vẫn thường thấy một vùng ánh sáng chẳng rõ từ đâu phát ra. Tuy không hỏi việc bên ngoài, nhưng mọi sự phu nhơn đều biết trước. Đôi khi rảnh rỗi, quan Thái sử giảng luận về Phật lý cho nghe, bà đều lãnh ngộ sâu sắc hơn người thường.

Mùa xuân năm Kỷ Mùi thời Dân Quốc, phu nhơn dự biết ngày giờ lâm chung, nói với Trịnh Thái sử rằng: "Tôi xin tạm biệt vãng sanh về Cực Lạc, sau khi đắc pháp nhãn rồi, sẽ nương thuyền đại nguyện trở lại hóa độ cõi Ta Bà". Đúng thời đã định bà ngồi mãn phần, hương lạ bay thơm đầy thất.

Lời bình:

Chúng sanh do bị trần duyên che lấp nên lạc mất nguồn chân tâm trong lặng sáng suốt của mình, khi dứt trần niệm, ánh sáng của tự tâm sẽ phát sanh. Và khi tâm thanh tịnh, trí huệ thần thông cũng từ nơi đó mà hiển hiện. Cát phu nhơn thấy bạch quang, biết trước mọi việc, hiểu sâu Phật lý, đều do bà thức ngộ cảnh trần như huyễn, rũ sạch muôn duyên, một lòng niệm Phật, tâm được thanh tịnh, nên những diệu dụng sẵn có mới phát hiện ra vậy.

ÂU DƯƠNG AN NHƠN

Âu Dương An Nhơn nguyên là mẹ của cư sĩ Vương Tích Phiên ở Hồ Bắc. Tánh bà cần kiệm dùi hiền, ít nói cười, quanh năm lo việc trong nhà, chân ít khi bước ra khỏi ngõ. Bà thường giữ Quan Âm trai, chưa biết niệm Phật.

Mùa đông năm Kỷ Mùi, thời Dân Quốc, An Nhơn bỗng vương bệnh ho. Sau khi điều trị tạm lành, sự ẩm thực của bà lần lần kém giảm. Đến mùa hạ năm Canh Thân, An Nhơn không nuốt được một hạt cơm, chỉ uống toàn nước chín.

Vương Tích Phiên thương mẹ tuổi già tuyệt thực, tất khó sống lâu, liền đến chùa thỉnh chư tăng lại nhà thay phiên vì mẫu thân sám hối. Vừa đâu giữa đường gặp cư sĩ Man Tâm Như khuyên nên buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật thì bệnh có thể lành. Tích Phiên về nhà đem điều ấy thuật lại với An Nhơn, bà

nghe xong liền tin sâu và phát nguyện thực hành. Nhưng khổ vì bệnh lâu khí suy, nên niệm Phật không thành tiếng.

Ngày mùng 4 tháng 7, Tích Phiên nghĩ đến bệnh của mẹ mỗi ngày thêm nặng, khí lực càng yếu, e niệm Phật không kiến hiệu, tất khó sanh về Tây Phương. Vì thế ông liền sang chùa An Quốc ở Hoàng Châu, kính thành cúng dường Tam Bảo, thỉnh Tế Phong hòa thượng và chư tăng cử hành Phật lễ tại nhà. Sau khi hòa thượng khai đạo xong trở về, chư tăng luân phiên nhau tụng niệm. Tám giờ tối hôm ấy, An Nhơn bỗng yên ổn ngủ say đến nửa đêm mới tỉnh, gọi Tích Phiên đến bảo: "Mẹ nằm mơ thấy có hai người dùng kiệu chở đem đi tới một vùng thẳm địa rộng rãi bao la, đường sá bằng phẳng, cảnh vật đẹp tươi. Thoạt có bà lão mặc áo xanh hiện thân, trạng mạo giống như đức Quán Thế Âm, dẫn mẹ đi qua chiếc cầu đá, tới một ao sen to rộng không thấy bờ mé. Trong ao hoa sen trắng đỏ đua nhau tươi nở. Hương thơm thanh khiết nhẹ nhàng. Hai người khiêng kiệu đem mẹ để trên một hoa tòa lớn. Mẹ vừa khen: "Đẹp thay cảnh trí nơi đây", bỗng chợt thức giấc. Lúc tỉnh dậy, cảm thấy cõi này như ướ, thân này thật ô trược nặng nề!". Tích Phiên nghe nói, thỉnh chư tăng niệm Phật thêm một tạng để làm trợ duyên cho mẹ sanh về thẳm phẩm. Ông cùng tất cả gia quyến cũng luân phiên tụng niệm theo đại chúng.

Từ đó mỗi khi An Nhơn nằm nghỉ, đều thấy bà lão áo xanh dẫn đến ao sen. Đôi khi trong giấc ngủ, bà bỗng kêu lên thành tiếng: "Ôi! Hoa sen to đẹp quá!". Đến 12 giờ khuya đêm 19, Phật tạng viên mãn, An Nhơn nói: "Trước nhà có vị hòa thượng đến!". Giây phút lại bảo: "Mai nhằm ngày thượng kiết, mẹ sẽ vãng sanh về Tây Phương!". Tích Phiên nghe nói, liền vội vã dự bị hậu sự. Hôm sau, mọi người trông thấy dung sắc của Âu Dương An Nhơn bỗng trở nên tươi tốt khác thường. Tai mắt bà đột nhiên tỏ sáng hơn lúc bình nhật. Bà chỉ đằng xa nói: "Chỗ kia có con kiến to, coi chừng đạp trúng nó!". Lại bảo: "Hòa thượng chùa An Quốc đã tới, mau ra thỉnh vào để ngài trợ duyên cho ta sanh về Tây Phương". Người nhà ra xem, thì Tế Phong hòa thượng quả nhiên từ xa đi đến. Sau khi dùng tạm chén trà xong, hòa thượng liền lại bên giường An Nhơn trì chú niệm Phật.

Đến 8 giờ tối, Âu Dương An Nhơn bỗng ngồi dậy ngay thẳng, mắt trông nhìn lên hư không, lạng lẽ không lay động. Người nhà lại dò xem thì bà đã vãng sanh.

BẢN PHỤ

Ở huyện Từ Khê tỉnh Triết Giang có một bản phụ, chưa được rõ tên họ. Nhà bà quá nghèo, con trai lại bất hiếu, nên thường bị nó la rầy mắng chửi.

Một hôm sau khi bị con thét mắng, bà khổ sở khó nhẫn nại, sang tỏ bày than khóc với vị tăng ở chùa gần bên. Vị tăng bảo:

- Bà đã biết khổ, sao không bán nó đi!

Bà phụ đáp:

- Ai mua sự khổ, làm sao mà bán?

Tăng sĩ nói:

- Nếu bà chí thành chuyên niệm hồng danh đức A Di Đà, cầu sanh Tây Phương, thì khi mãn phần chắc chắn được Phật tiếp dẫn về cõi Cực Lạc. Từ đó sẽ vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, thuần hưởng những điều vui. Đó gọi là cách bán khổ!

Bà thưa:

- Mẹ con tôi cùng ở chung một gian chòi lá, góc nhà là bếp nấu ăn, dưới giường còn làm chuồng lợn. Cảnh hỗn tạp như thế như vậy, làm sao niệm Phật?

Vị tăng đáp:

- Không ngại chi! Đức Như Lai đại từ đại bi, tùy duyên phổ độ, chỉ dụng tâm thành chí không nệ hình thức. Vậy lúc rảnh bà hãy tới chùa lễ bái, còn khi ở nhà chỉ thường chuyên niệm Phật cầu nguyện vãng sanh cũng được.

Bà phụ vâng theo lời dạy, vì lòng tha thiết mong thoát khổ nên niệm Phật không xen hở.

Ba năm sau, vài tháng trước khi qua đời, bà bảo con rằng:

- Đến ngày tháng ấy, mẹ sẽ sanh về Tây Phương. Vậy con chớ nên đi vắng, phải ở nhà lo hậu sự cho trọn tình mẫu tử !

Đưa con tỏ vẻ không tin, bà liệu biết nên sau lại dặn dò đôi ba phen nữa. Vài hôm trước khi bàn phụ mẫu phần, đưa con bỗng nghe mùi hương lạ, tỏa thơm bát ngát. Chạy tìm xem khắp xung quanh chẳng thấy ai đốt hương, nó ngạc nhiên không biết mùi thơm từ đâu đến. Bỗng nhớ tới lời mẹ dặn, đưa con nghĩ biết đâu là sự thật, bèn ở nhà chờ. Đến ngày kỳ hạn, nó thấy mẹ nấu nước tắm gội, thay y phục sạch sẽ. Xong xuôi bà ngồi nơi giường, xây mặt về phương Tây niệm Phật một lúc rồi tắt hơi. Lúc ấy nhằm vào khoảng năm Dân Quốc thứ mười.

(Phụ ký: Lúc ở chùa núi Phật Đảnh, chính tôi nghe ngài Định Tây pháp sư thuật lại chuyện này. Tiếc vì khi ấy bận việc, nên chưa kịp hỏi rõ tên họ và ngày tháng vãng sanh của đương sự. Tăng sĩ Đức Sum ghi).

Lời bình: Than ôi! Biên trần lênh láng, ngát cao sóng nghiệp dập dồn. Cõi tạm mong manh, chìm nổi kiếp người khổ lụy! Xét như bản phụ, tánh linh đã sẵn, bởi mê nên lạc bước luân hồi. Vực khổ thăm sâu, duyên phước bỗng gặp môn huyền diệu. Niềm bi cảm ba năm tinh tấn, ngày lâm chung ngát tỏa hương thơm. Hướng Tây Phương một dạ khẩn thành, rời huyễn chất

bước lên lầu ngọc. Thế mới biết Di Đà nguyện lớn, thuyền độ sanh chẳng bỏ một ai. Lại rõ thêm Tịnh Độ pháp môn, sen trắng phẩm hiện đời tất được. Áo vàng hoa sẵn đẹp, còn đợi kẻ quyết tâm.

TIÊU HIÊN ỨC PHẬT

Từ xưa có nói: “Đời người trăm tuổi, ít kẻ bảy mươi”. Dung tăng này đến sáu mươi tuổi, mới xuống tóc, may được dự vào hàng thanh chúng. Nay đã đến bảy mươi, thân tàn chẳng còn bao lâu nữa, chỉ trong hôm sớm mà thôi! Bình thời tuy cũng tụng kinh niệm Phật, song còn hận mình chướng nặng, chưa được nhất tâm. Nhân duyệt chương Đại Thế Chí trong kinh Lăng Nghiêm, thấy nói: “Nếu kẻ nào nhớ Phật niệm Phật, thì hiện tiền hoặc trong tương lai, quyết định sẽ được thấy Phật”. Đọc xong lời này, bỗng ngẫu cảm viết thành mấy bài sơn kệ, mệnh danh là Tiêu Hiên ỨC Phật. Mục đích những bài sau đây chẳng ngoài ý cảnh giác khuyên tấn mình và người trên đường tu Tịnh đó thôi.

Tổng, Tuyết Khê sơn tăng.

I

Phăng phăng theo sóng nghiệp duyên trôi
Thoáng chốc bảy mươi đã đến rồi!
Há chẳng trước nay thường nhớ Phật?
Muốn từ tuổi muộn giục thêm roi!
Quét trừ cảnh ý trong trong lặng
Khêu hẩn đèn tâm sáng sáng soi

Quyết định thân này cho thấy Phật
Nói cười thoát tục lại đài ngôi.

II

Những từ kinh sử học văn chương
Hoa gấm từng mong mở rộng đường
Tác bóng buông xuôi dòng thế thủy
Chuỗi ngày ngoảnh lại cuộc phù vân!
Cảnh Phật chiều mai tưởng niệm cần
Kiệt khách tài nhân đâu vắng tá?
Hoàng hôn cỏ ấy khắp hoang phần!

III

Sắc tài danh lợi mối oan sâu
Vườn tục ai mơ huyễn mộng lâu?
Đất tạm từ nay không tái hội
Trời Tây về lại cõi thiên thu
Mẹ con ví được đồng tâm cảnh
Gió bụi chi cần bước viễn du! (1)
Suy thanh từ đây thôi chẳng hỏi
Song hồ đẽm cỏ lặng tiềm tu.

IV

Ba gian nhà cỏ cảnh thanh bản
Việc tốt chi bằng nhớ Phật hơn?
Muôn sự rồi tan gương lộ vỡ
Một đời câu niệm ý tâm cần

Dưới từng nhấc chén trà xuân đậm
Bên đá lặn trăng ánh nguyệt tân
Đóng cửa lòng mơ về cõi tịnh
Đài sen chất ngọc gởi tinh thần!

(1) Kinh Lăng Nghiêm nói: “Phật nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời chẳng cách xa nhau”.

MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

Hán:

58. Nhứt cú Di Đà

**Loại như toán hỏa
Mộc noãn yên sanh
Tạm đình bất khả.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Như cọ gỗ lấy lửa
Gỗ nóng khói phát sanh
Chớ tạm dừng lần lựa.

Lược giải:

Thời xưa ở Ấn Độ, khi muốn lấy lửa người ta cọ hai thanh gỗ khô vào nhau. Cọ đến khi nào gỗ nóng phát sanh ra khói, mới để đồ dẫn hỏa vào, tự nhiên lửa

bắt phùng cháy. Nếu cọ nửa chừng, hoặc đến lúc đã nổi khói mà bỏ dở tạm dừng, thì gỗ sẽ lần lần nguội đi không phát ra lửa được.

Sự hành trì câu A Di Đà cũng như thế. Khi chúng sanh ở Ta Bà phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi ao báu ở Tây Phương đã nở hiện một búp sen. Nếu hành giả mỗi ngày đều tinh tấn trì niệm, hoa sen ấy sẽ lần lần to lớn. Như nửa chừng bỏ dở, hoa sen cũng lần khô héo rồi tàn. Bởi đóa sen chín phẩm nơi liên trì, đều do công đức của hành giả mà thành tựu. Ngày kia công hạnh thành, báo thân mãn, thần thức của đương nhơn sẽ gởi vào thai sen đó mà hóa sanh. Cho nên người tu tịnh nghiệp chớ nên niệm Phật nửa chừng rồi bỏ dở, hoặc biếng trễ lần lựa tạm dừng. Vì trễ sót như thế tất nhiên thai sen sẽ hỏng.

Viết đến đây, bút giả nhớ lại độ trước có được cô Diệu Thuần ở quận Ba Tri tỉnh Bến Tre, thuật lại cho nghe điềm mộng như sau:

- Bạch thầy! Con nằm mơ thấy đến một ngôi chùa, trước chùa có ao to rộng, nước trong suốt, các đóa hoa sen nhiều sắc, hoặc lớn hoặc nhỏ đua nhau tươi nở. Gần bờ ao có một hoa sen to lớn độ bằng chiếc mâm thau tròn. Nhưng đóa hoa ấy lại bị cái chụp úp lên. Con lại gần đỡ cái chụp thì hoa sen tan rã từng cánh rồi tàn rụng. Lúc ấy, giữa hư không bỗng có tiếng nói: "Hoa sen đó là của liên hữu Minh Phúc!". Sau khi tỉnh giấc, sáng ra con đem điềm mộng thuật lại cho đạo hữu

Minh Phúc ở tiệm vàng tại bản quận nghe. Đạo hữu tỏ sắc lo sợ bảo: "Chết rồi! Thầy dặn tôi mỗi ngày niệm Phật tối thiểu phải một ngàn câu. Tôi tinh tấn đã được vài năm, nhưng gần đây vì công việc quá bẽ bộn, nên suốt ba tháng nay biếng trễ không niệm một câu nào. Bây giờ chị thấy hoa sen héo rụng, và chư vị đã mách bảo như thế, tôi phải sám hối gắng tinh tấn lại mới được!". Thừa thầy! Con đã biết hoa héo rụng là do Minh Phúc giải đãi, nhưng chưa rõ tại sao lại có cái chụp ấy?

Bút giả đáp:

- Chiếc chụp tượng trưng cho Ngũ Cái nói về phương diện chung, hoặc Ngũ Dục về phương diện riêng. Ngũ Cái là: tham, sân, si, nghi, hối. Ngũ dục là: sắc đẹp, tiền của, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng sanh thường bị những điều trên che đậy, làm cho tham đắm si mê, không biết tỉnh ngộ tu hành. Minh Phúc tất bị một hoặc nhiều phần trong các điều ấy che mờ, nên mới biếng trễ không niệm Phật, khiến cho hoa sen công đức phải héo tàn. Nhưng từ đây nếu biết giác ngộ gắng tu thì đóa hoa sen khác sẽ tiếp tục mọc lên, thay cho đóa hoa trước. Đừng nên e ngại rằng nó tàn rồi mất hẳn, mà phớt bỏ sự tu trì. Khi xưa cô thị nữ của bà Kinh Dương phu nhân, trước tiên cũng giải đãi nên hoa sen héo tàn, sau giác ngộ tinh tấn, hoa lại mọc lên tươi tốt. Kết cuộc cô được vãng sanh Cực Lạc, cô trở về báo mộng cho phu nhân biết.

Hán:

59. Nhứt cú Di Đà

**Toàn thân đánh đái
Nhơn mạng vô thường
Quang âm bất tái!**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đem toàn thân đội trái
Mạng người rất vô thường
Tháng ngày không trở lại.

Lược giải:

Cổ nhơn đã bảo: Trên đường tiến tu đạo giải thoát, có bốn điều khó:

- Điều thứ nhất là: thân người rất khó được. Khi xưa đức Phật đã nói với ngài A Nan: "Chúng sanh được thân trời, người ít như đất nơi móng tay. Đọa bốn ác thú nhiều như đất miền đại địa". Đọa vào các nẻo như: Tu La, bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục, bị nhiều nỗi thống khổ và nghiệp ác làm chướng ngại đường tu đã đành, nhưng sanh lên cõi trời cũng bị sự vui khiến cho mê đắm khó tu nữa! Thế nên duy có thân người mới dễ tiến tu đạo giải thoát mà thôi. Người xưa đã từng diễn tả sự khó được của thân người qua mấy câu thi như:

Ngàn năm cây sắt đơm hoa dễ

Một mất thân người khó lại sanh!
(Thiên niên thiết thọ khai hoa dị
Nhứt thất nhơn thân tái phục nan!)

Hoặc:

Tam đồ một đọa trăm ngàn kiếp
Lại cỗi nhơn thiên chẳng hẹn ngày!
(Tam đồ nhứt đọa bá thiên kiếp
Tái xuất đầu lai hữu kỷ thời!)

Thân người đã khó được như thế, nhưng làm thân người mà không tàn tật, không sanh nơi Biên Địa, được ở nơi trung tâm văn hóa đạo đức cũng là điều khó. Và đây là cái khó thứ hai.

Dù được ở miền Trung Quốc có văn hóa đạo đức, nhưng không dễ gì được gặp và nghe hiểu Phật pháp. Bởi chánh pháp như hoa Ưu-đàm-bát-la, rất lâu mới nở hiện nơi cõi đời. Đây là điều khó thứ ba.

Lại tuy được gặp và nghe hiểu Phật pháp để tu hành, nhưng còn điều thứ tư rất khó là không dễ gì thoát khỏi tam giới, dứt hẳn nỗi khổ sống chết luân hồi. Bởi nhân loại phần đông nghiệp nặng căn tối, chướng duyên rất nhiều, kiếp sống lại vô thường ngắn ngủi, mới vừa thấy đó, bỗng lại mất đi.

Nay chúng ta hân hạnh được thân người, lại rất may mắn gặp môn Tịnh Độ là pháp cực nhiệm mầu, một đời có thể đởi nghiệp vãng sanh thoát vòng sống chết, thì phải đem toàn thân mà gánh vác thọ trì, đừng nên lần lựa hẹn chờ, hoặc thờ ơ biếng trễ. Tại sao thế.

Vì bóng quang âm thấp thoáng như thoi đưa, tuổi xuân không trở lại, mạng người thoát còn thoát mất không biết đâu mà lường. Khi xưa có thiên sinh hỏi một vị tôn đức: "Bạch ngài! Thế nào là sự tiên tu của hành giả?".

Vị tôn đức đáp:

"Thấy nói Kinh Kha xưa dũng mãnh.

Một đi thà chết chẳng quay về!".

(Kiến thuyết Kinh Kha lữ.

Nhứt hành cánh bất hồi).

Hành giả đem toàn thân trải đội một câu A Di Đà, cũng phải như thế.

Hán:

60. Nhứt cú Di Đà

Như cứu đầu nhiên

Tận thập phần lực

Kỳ thượng phẩm liên.

Việt:

Một câu A Di Đà

Như cứu lửa cháy đầu

Giốc mười phần công lực

Cầu thượng phẩm sen màu.

Lược giải:

Hành nhưn khi xưa đã cho biết: "Học đạo như dong thuyền nước ngược, không tiến nổi tất trôi lui" (Học

đạo như nghịch thủy hành chu, bất tiến tắc thoái). Bởi trên đường tu, hành giả gặp nhiều chướng duyên trong và ngoài, nếu không mạnh mẽ cố gắng tự chủ trương, tất không làm sao tiến triển nổi. Mà muốn làm chủ thân tâm cùng ngoại cảnh, thắng dẹp muôn duyên để tiến đạo, phải dùng hết mười phần năng lực mới mong đạt được kết quả. Về môn Tịnh Độ, nếu muốn cầu phẩm sen bậc thượng, dĩ nhiên cũng phải như thế. Trong bức thư gửi cho một Phật tử hỏi đạo, Ấn Quang pháp sư nói:

"Theo kinh nghiệm xưa nay, nhiều hành giả chỉ mong cầu bậc thượng, nhưng phần nhiều chỉ được trung, cầu bậc trung lại rớt xuống bậc hạ. Nếu người không phát tâm thẳng tiến, tu hành lơ là, hy vọng mình dự vào Hạ Hạ phẩm cũng tốt, thì làm sao bảo đảm sự vãng sanh?"

Trên đây cũng là điểm suy nghĩ chung cho hàng liên hữu vậy.

Hán:

61. Nhứt cú Di Đà

Diệu viên chỉ quán

Tịch tịch tĩnh tĩnh

Vô tạp vô gián.

Việt:

Một câu A Di Đà

Môn Chỉ Quán màu tròn
Lặng lặng tĩnh tĩnh niệm
Không xen tạp nổi luân.

Lược giải:

Người mới tu lúc niệm Phật lắng nghe vào trong, dứt các tạp vọng, gọi là Chỉ. Khi phát khởi trì câu hồng danh với các tâm trạng khác nhau tạm gọi là Quán. Những tâm trạng khác nhau ấy như thế nào? Có lúc trì câu hồng danh với ý tha thiết, như con nhớ mẹ, như lữ khách lâu năm hoài vọng cố hương. Đây gọi là Chí Thiết niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý sám hối, bởi nghĩ mình từ vô thủy kiếp đến giờ vì mê lầm tạo nhiều tội chướng, nay hết sức hổ thẹn ăn năn. Đây gọi là Sám Hối niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý thương cảm, vì nghĩ mình nghiệp chướng sâu dày chìm đắm trong vũng bùn lầy ngũ dục ác nơ, nay cầu mong sự cứu vớt nơi đáng đại từ bi. Đây gọi là Bi Cảm niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý lo sợ, bởi nếu rời Phật lực tức sớm muộn cũng sẽ bị đọa vào ba đường ác, chịu vô lượng nỗi khổ sống chết luân hồi. Đây gọi là Bối Tâm niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý phẫn phát, tự trách hờn, như một nho sinh sẵn đủ trí huệ tài ba, thi văn mãi tiếp, bởi cậy tài nên khinh suất mãi thi rớt, cam chịu cảnh nghèo hèn. Đây gọi là Phát Phẫn niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý nhằm chán lẽ loi, như bậc cao sĩ sống giữa cảnh xung quanh các đồng nhưn tranh đua sắc tài danh

lợi, phi thị hơn thua, gièm pha phỉ báng giết hại lẫn nhau, riêng mình chỉ còn biết nương gần với Phật, bởi cõi trần man mác, ấy ai là bạn tri âm? Đây gọi là Cô Tịch niệm.

Niệm Phật với các tâm cảnh như trên, tuy tạm gọi là có Chỉ, có Quán, nhưng chưa được xưng là Diệu Viên bởi chưa đến mức tròn trặn nhiệm màu. Hành giả dụng công lâu ngày, tâm niệm vắng lặng dứt hết muôn duyên, nơi câu Phật hiệu gồm đủ phước, huệ, hạnh, nguyện, giải thoát, sáu ba la mật, không và sắc dung thông, mới gọi là Diệu. Trong bất thân tâm, ngoài dứt trần giới, chẳng thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, không còn lẫn mức cách biệt giữa chúng sanh và Phật, giữa cảnh cùng người, tất cả đều dung hợp rộng rãi, bao la, mới gọi là Viên. Nơi tâm cảnh ấy, điềm thanh tịnh lặng lặng không tán loạn là Chỉ, điềm sáng suốt tĩnh tĩnh không hôn trầm là Quán. Niệm như thế không xen tạp, hằng nối tiếp nhau, gọi là Diệu Viên Chỉ Quán.

Hán:

**62. Nhứt cú Di Đà
Hiển lộ chỉ bình
Trực để bảo sở
Bất trụ hóa thành.**

Việt 62:

Một câu A Di Đà
Lối hiểm đều san bằng
Thắng về nơi bảo sở
Không trụ cảnh hóa thành.

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, nơi phẩm Hóa Thành Dụ, đức Thế Tôn có nói đại khái như sau:

"Một vị Đạo Sư hướng dẫn đoàn người vượt qua đoạn đường hiểm trở xa độ năm trăm do tuần, để đến nơi Bảo Sở là chỗ có nhiều châu báu. Nhưng giữa đường đoàn người ấy mỗi mệt thối tâm, xin muốn lui bước trở về. Đạo Sư nghe nói thương xót, dùng phương tiện biến ra một Hóa Thành cách đó ba trăm do tuần và bảo: "Các ông hãy cố gắng đến thành ấy tạm nghỉ sẽ hết nhọc mệt!". Đoàn người vui mừng tiến tới Hóa Thành, cho rằng mình đã đến nơi, đã được chỗ an ổn. Khi đạo sư thấy họ đã nghỉ ngơi xong, liền diệt mất Hóa Thành và bảo: "Vừa rồi là Hóa Thành không phải cảnh thật. Ta vì thấy các ông mỗi mệt bỏ dở công khó muốn lui trở về, nên thương xót phương tiện hóa hiện ra. Nay đã sắp gần tới Bảo Sở các ông nên cố gắng gia công tiến bước..."

Theo thí dụ trên, Đạo Sư chỉ cho đức Như Lai. Đoàn người chỉ cho hành giả tiến tu theo chánh pháp. Đường năm trăm do tuần, chỉ cho sự hiểm nguy khổ nạn trong Ngũ thú luân hồi là: Thiên, nhơn, bàng sanh,

ngạ quỷ, địa ngục. Trông đây không kể A tu la và thần tiên, vì hai đạo này nhiếp vào các nẻo kia. Như A-tu-la thì có thiên A-tu-la, Nhơn A-tu-la, quỷ A-tu-la, súc A-tu-la. Tiên thì có thiên tiên, quỷ tiên cho đến súc tiên, chẳng hạn như hồ tiên cho đến long tiên v.v... Nếu phối hợp với các thừa, thì năm trăm do tuần là sự trải vượt qua năm thừa gồm: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát còn kể trong giai đoạn hiểm nguy, vì nếu không nhờ sức Phật gia bị, tất bị u trệ, khó nổi tiến lên Phật quả. Nhưng đây là luận rộng thêm đó thôi, thật ra đường hiểm năm trăm do tuần chỉ cho Ngũ thú thì thiết cận hơn.

Tiếp tục theo lời dụ, Bảo Sở chỉ cho Phật Quả Vô Thượng Đẳng Giác. Cách ba trăm do tuần, chỉ cho sự vượt khỏi Tam Giới. Hóa Thành chỉ cho quả vị giải thoát phiền hoặc ba cõi của hàng Nhị Thừa Thanh Văn, Duyên Giác. Tổng kết đại ý, đức Thế Tôn muốn nói trong giáo pháp của Ngài, chỉ duy một Phật thừa, không có sự chia riêng hai thừa như tiểu thừa và đại thừa, hoặc ba thừa như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa. Những thừa trên đều toàn giả lập, quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ là Hóa Thành huyễn tạm mà thôi.

Đối với pháp Tịnh Độ, có người không hiểu rõ môn này, lầm cho Cực Lạc là Hóa Thành, chẳng phải Bảo Sở. Thật ra Hóa Thành cùng Bảo Sở là cảnh giới tu

chúng của tự tâm, không cuộc hạn nơi quốc độ. Xin nói rõ lại, Hóa Thành là cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác; Bảo Sở là cảnh giới Phật. Môn niệm Phật đưa chúng sanh về Cực Lạc, để mau tiến lên cảnh giới Phật, chứng thành Phật quả. Đó là đường lối thẳng tắt tiến về Bảo Sở; chớ đâu phải trụ nơi Hóa Thành. Đúng ra Ta Bà và Cực Lạc đều là huyễn cảnh, nhưng Ta Bà có vô lượng khổ nạn chướng duyên, Cực Lạc đủ vô lượng duyên lành tiến đạo. Bởi thế chư Phật đều khuyên nên cầu vãng sanh để dễ tiến tu, không còn bị thối chuyển mà thôi. Chính mình còn thuộc giới phàm phu đầy đủ nghiệp lực mà cho Cực Lạc là Hóa Thành, cam ở cảnh Ta Bà vô lượng chướng duyên hiểm nạn, rất khó được giải thoát, đó là Bảo Sở đấy ư? Thật là lầm lạc và đáng buồn cười lắm vậy!

Câu "Lối hiểm đều san bằng" hàm ý nghĩa: Khi công phu niệm Phật thuần thực, từ cõi Phàm Thánh Đồng Cư ở Ta Bà sanh về cảnh Phàm Thánh Đồng Cư nơi Cực Lạc thì đã thoát khỏi sự luân hồi trong đường hiểm Ngũ thú thuộc Tam Giới, lại thường được gần gũi Phật cùng chư Bồ Tát, không còn bị chướng ngại và bị thối chuyển trên đường Vô Thượng Bồ Đề. Tóm lại một câu niệm Phật có công năng mau nhiệm san bằng tất cả hiểm nạn trên đường tu, đưa hành giả tiến mau về Bảo Sở, nên Triệt Ngô thiên sư mới tỏ bày khen ngợi!

Hán:

63. Nhứt cú Di Đà
Như thủy thanh châu
Phân vân tạp niệm
Bất đoạn tự vô.

Việt:

Một câu A Di Đà
Như ngọc lắng trong nước
Ngàn muôn tạp niệm rồi
Chẳng dứt tự thành không.

Lược giải:

Hạt châu Thủy Thanh có công năng lóng nước đục thành trong. Câu niệm Phật cũng thế, không luận vọng niệm nhiều ít, hành giả cứ chuyên chú giữ chắc sáu chữ hồng danh lâu ngày, tạp niệm tự nhiên tan mất. Điểm đáng lưu ý trong đây là không nên khởi tâm dứt trừ vọng niệm. Vì vọng niệm vốn như huyễn, cố tình muốn dẹp, nó lại càng tăng. Một nhà hiền triết đã nói kinh nghiệm này qua câu: "Càng muốn đè nén, chính là cố tâm làm cho nó thêm phát khởi." (Tương dục án chi, tất cố hưng chi).

Khi xưa có một Tú Tài đến phỏng đạo nơi bậc cao đức, vị Thiền sư này hỏi: "Cư sĩ tên họ chi?". Tú Tài đáp: "Thưa, đệ tử nữ danh Trương Chuyết". Chữ Chuyết có nghĩa là vụng về. Thiền Sư nghe xong bảo: "Vớ đạo khéo còn chẳng có, huống chi đến vụng!". Tú

Tài nghe qua liền ngộ vào Bất Nhị pháp môn, làm kệ trình lên rằng:

Ánh linh lạng chiếu khắp hằng sa
Phàm thánh nguyên lai bản tánh ta
Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện
Sáu căn vừa động bị mây lòa
Dứt trừ phiền não càng thêm bệnh
Tìm tới Chân Như cũng vẫn tà
Tùy thuận các duyên không trở ngại
Niết Bàn sanh tử tợ không hoa.

Theo ý hai câu luận bài kệ trên, phiền não vốn là không, là huyễn, cứ mặc nhiên giữ chánh niệm, nó sẽ tự tiêu tan. Nếu khởi ý dứt trừ thì phiền vọng lại hóa thành có. Chân Như là thể tánh tự nhiên, biết lạng lẽ dung hợp với tự nhiên, tánh Chân Như sẽ hiển lộ. Nếu khởi tâm tìm tòi xu hướng, tức có niệm phân biệt, trái với thể bản nhiên, đó chính là tà vọng. Để bổ túc ý trên, xin ghi thêm lời của Đàm Hư đại sư, một bậc cao tăng cận đại thuộc giáo phái Thiên Thai bên Trung Quốc.

Đây Phật Tổ quê hương
Xứ xứ hiện phong quang
Nước non miền đất rộng
Ứng tự có biên cương
Động vật tùy sanh trường
Thực vật tự phô trương
Nắng mưa tùy đôi tiết
Tháng năm tự đoán trường

Vinh hư muôn tượng hiện
Là tự thể chân thường
Nếu cố ý cầu toàn
Trở lại bị tổn thương!

Hán:

64. Nhứt cú Di Đà
Đốn nhập thử môn
Kim xí phích hải
Trực thủ long thôn.

Việt:

Một câu A Di Đà
Ngộ vào đủ công năng
Kim xí rẽ nước biển
Bắt thẳng lấy rồng ăn.

Lược giải:

Trong kinh Khởi Thế Nhân Bản có đoạn nói:

"Đại bàng kim xí điều là giống chim ăn thịt loài rồng. Khi muốn thọ thực, chim này tùy theo khả năng của loại thai, noãn, thấp, hóa, dùng cánh quạt nước biển sâu nhiều ngàn do tuần, bắt lấy các loài rồng thuộc thai, noãn, thấp, hóa mà ăn thịt. Kim xí là loại chim cao nhứt trong hàng phi cầm, có sức thần thông biến hóa. Rồng là sanh vật tối linh trong biển cả, cũng có nhiều uy lực thần thông".

Trên đây ví hiệu năng môn niệm Phật như thần thông của kim xí điều. Các công đức mà môn này thu được như thủ đắc loài rồng là sinh vật tối linh. Kinh Hoa Nghiêm có nói đến môn tam muội sâu màu hàm chứa vô lượng tam muội gọi là Vô Biên Hải Tạng Môn. Liên Trì đại sư đã so sánh bảo: "Niệm Phật tam muội cũng thế, ngộ vào môn này tức sẽ ngộ nhập Vô Biên Hải Tạng Môn, sẽ thủ đắc vô lượng tam muội". Vì thế Tổ Triệt Ngộ mới trình thuật lại ý nghĩa ấy qua bài kệ trên.

Hán:

65. Nhứt cú Di Đà
Trần duyên tự đoạn
Sư tử du hành
Dã can kinh tán!

Việt:

Một câu A Di Đà
Sạch trần duyên phiền não
Như sư tử dạo chơi
Kinh rã bày chôn cáo!

Lược giải:

Chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, vì mê Chân Tánh khởi tham sân si, đắm sâu trong vũng bùn lầy ngũ dục. Do đó nên gây ra vô lượng trần duyên phiền não,

kết thành sức nghiệp tự ràng buộc lấy mình. Một hiền giả đã than: "Tâm đắm nhiễm của con người như vực sâu không đáy, như biển rộng mênh mông. Đem dâng hết sắc đẹp trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng dục. Hiến khắp hết tiền của trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng tham!". Bởi thế, tuy gặp thắng duyên bước lên đường tu, nhưng nghiệp tham sân si trong muôn kiếp không dễ gì trừ dứt. Nhưng nếu hành giả chí tâm giữ một câu Phật hiệu, dù chẳng khởi niệm dứt trừ nghiệp hoặc, trần duyên phiền não cũng sẽ tự tiêu trừ.

Tại sao thế? Bởi phiền não là vọng niệm hư huyền, Phật hiệu là chánh niệm chân thật. Vọng niệm như chồn cáo, chánh niệm như sư tử. Chánh niệm khởi lên, vọng niệm tự diệt, như sư tử ra khỏi hang, các loài chồn cáo đều kinh hãi tan rã bỏ chạy. Vọng niệm như nhà tối muôn năm, chánh niệm như ngọn đèn to sáng, diệt ngay tất cả sự tăm tối. Cho nên nếu nhiếp tâm nơi chánh niệm, tất vọng niệm tự trừ. Ngoài điều ấy ra, sáu chữ hồng danh là kết tinh công đức phước huệ của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng a tăng kỳ kiếp. Cho nên, Phật hiệu có công năng diệt nghiệp rất mau chóng.

Trong Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát đã khai thị: "Môn niệm Phật tam muội hay dứt trừ tất cả phiền não nghiệp chướng đời này cùng đời trước. Các tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm, mà không thể trừ nghiệp sân. Có môn trừ được nghiệp sân, song không thể trừ nghiệp si. Có môn trừ được nghiệp sân, si mà

không thể trừ nghiệp tham, sân, si. Có môn trừ được tham, sân, si, nhưng chẳng thể trừ những tội nghiệp đời trước. Niệm Phật tam muội có thể trừ sạch nghiệp tham, sân, si, cùng tất cả trần duyên phiền não và tội chướng đời trước.

Lại nữa, niệm Phật tam muội hay sanh trí huệ phước đức rộng lớn, có thể độ chúng sanh. Chư Bồ Tát nếu muốn độ sanh mà tu các môn tam muội khác, tất kết quả rất chậm kém. Bởi các môn tam muội khác, phước đức không bằng niệm Phật tam muội. Tại sao thế? Vì Phật là đấng Pháp Vương, phước huệ đều viên mãn, nên vô lượng phước đức trí huệ của hành giả, tất phải từ nơi Phật mà tăng trưởng và thành tựu mau chóng.

Lại nữa, do vì niệm Phật luôn, tâm không rời Phật, nên hành giả thường được gặp chư Phật...".

Những lời khuyên dạy trên, chúng tỏ niệm Phật hay trừ sạch trần duyên phiền não.

Hán:

66. Nhứt cú Di Đà

Khiên trực niệm quá

Nhứt đạp đáo đễ

Hương tượng độ hà.

Việt:

Một câu A Di Đà

Thẳng chắc niệm nơi lòng
Một phen đạp tận đáy
Nhu hương tượng qua sông.

Lược giải:

Trong kinh, đức Phật có thí dụ một đoạn như sau:

"Do chỗ bị động, nên bầy dã thú tìm đoạn sông cạn để lội sang khu rừng khác. Khi vượt sông, các loài thú nhỏ như chồn thỏ chỉ bơi khơi khơi trên mặt nước. Những thứ bậc trung như hươu, nai lúc lội sang, chân đạp được nửa chừng mực nước. Còn loài voi cao lớn là hương tượng thì chân bước đạp tận đáy để vượt qua sông. Chúng sanh tu theo ba thừa của ta hóa đạo cũng lại như thế, tùy theo căn cơ của mình mà vượt biển sanh tử sang đến bờ Niết Bàn. Hành giả tu theo pháp tiểu thừa như loài thú nhỏ. Tu theo pháp trung thừa như loài bậc trung. Tu theo pháp đại thừa như loài thú cao lớn là hương tượng đạp tận đáy sông, nghĩa là đạp thấu suốt chiều sâu của Lý Tánh mà vượt qua biển luân hồi sống chết...".

Dẫn thí dụ trên để so sánh, Tổ Triệt Ngô cho môn niệm Phật là pháp đại thừa. Nếu hành giả trì câu hồng danh một cách thẳng chắc, dứt tất cả phiền não, không còn phân biệt năng sở trong ngoài, tức sẽ khế hợp với lý tánh, đi sâu vào Thật Tướng Niệm Phật. Kẻ ấy như con hương tượng chân đạp tận đáy, vượt sông một cách vững vàng chắc chắn.

Hán:

67. Nhứt cú Di Đà

**Vô tướng tâm Phật
Quốc độ trang nghiêm
Cảnh phi ngoại vật.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Cảnh Vô tướng tâm Phật
Cõi nước đẹp trang nghiêm
Không phải là ngoại vật.

Lược giải:

Hành giả tu Tịnh Độ do chuyên trì câu hồng danh, lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, sẽ chứng vào niêm Phật tam muội. Đây là cảnh Vô tướng tâm Phật. Vô tướng không phải trống rỗng, chẳng hàm tướng trạng chi, mà chính vì các tướng sanh diệt như huyễn không có tự thể chắc thật, nên gọi là Vô. Tâm Kinh nói: "Huyễn sắc tức chân không, chân không tức huyễn sắc", chính là ý này. Tâm Phật có nghĩa: Tâm tức Phật, Phật tức Tâm, chân tâm là Phật cảnh, Phật cảnh là chân tâm.

Thế thì cảnh chánh báo, y báo trang nghiêm ở cõi Cực Lạc, cùng tất cả quốc độ khắp mười phương, đều chính là cảnh giới của chân tâm, của tâm mình, không phải vật chi ngoài khác. Cho nên những kẻ bảo: "Niêm

A Di Đà, nguyện sang Cực Lạc là tìm cầu bên ngoài, chẳng hướng về tự tâm", đó là quan niệm sai lầm, chưa hiểu rõ chân tâm, cũng như pháp môn Tịnh Độ.

Hán:

68. Nhứt cú Di Đà

Vô vi đại pháp

Nhứt dụng đơn đề

Kiểm ly bảo hạp.

Việt:

Một câu A Di Đà

Pháp vô vi đại bảo

Hằng ngày một niệm chuyên

Gương linh rời hộp báu.

Lược giải:

Trong danh từ Vô Vi, chữ Vi có nghĩa: khởi làm hay tác động. Vì các tướng động chuyển trong mười phương thế giới đều sanh diệt như mộng huyễn, như bọt bóng, không có thật thể, nên gọi Vô Vi. Đừng lầm hiểu Vô Vi là rỗng không, chẳng có tướng trạng hay tác động chi cả mà sai lạc. Cho nên trong kinh nói: "Bồ Tát tuy thị hiện vô biên quyền thuộc, mà tâm hằng không quyền thuộc. Tuy thật hành sáu độ cùng tất cả việc lành, mà không thấy mình hay làm và có các pháp đề tu. Tuy độ vô lượng chúng sanh, mà không thấy mình là người hóa độ và những chúng sanh được độ".

Đó là hạnh Vô Vi. Hạnh Vô Vi như thế mới gọi là đại pháp lớn rộng và quý báu.

Nơi đây Triệt Ngô đại sư dạy: "Người tu Tịnh Độ khi niệm Phật không thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, câu hồng danh là pháp tu niệm; dứt tất cả phiền não vọng tưởng, trong quên thân tâm, ngoài tan ngoại cảnh. Hằng ngày đề khởi chuyên niệm như thế, sử dụng câu hồng danh như bậc kiếm sĩ rút gươm thiêng sắc bén ra khỏi vỏ hộp báu, vật chi xúc phạm đến đều bị chém đứt tan. Hành trì như thế tất sẽ chứng vào pháp giới Vô Vi rộng lớn, nhập Không Huệ đà ra ni vậy".

Hán:

69. Nhứt cú Di Đà

Vô lậu chân Tăng

Tuyệt sơn dược thọ

Hiểm đạo minh đăng.

Việt:

Một câu A Di Đà

Thành vô lậu chân Tăng

Cây thuốc nơi non Tuyệt

Đường hiểm ngọn minh đăng.

Lược giải:

Kinh nói: "Trong dãy Tuyết sơn có cây thuốc tên là Dược Vương. Người đau bệnh ôm thân cây liền lành mạnh. Nếu uống được chút ít chất nhựa cây thì trọn đời không bệnh". Lại ở Tuyết sơn có nhiều thứ thuốc quý lạ. Theo kinh Hiền Ngu, khi xưa đức Thế Tôn đã dùng gió thổi đưa chất thuốc tiên nơi non Tuyết vào mắt của năm trăm người mù, khiến cho họ đều được sáng tỏ. Trong quyển Lục Đạo Luân Hồi Tập có dẫn sự việc một người đi ngang qua núi Tuyết, nhân đói ăn thứ dược thảo lạ, bỗng nói và hiểu được sáu môn thổ ngữ của dân chúng và các xứ quanh vùng. Chẳng riêng gì núi Tuyết, mà ở các danh sơn khác cũng có nhiều thứ thuốc tiên. Một độ, bút giả đọc quyển Nam Nhạc Ký, thấy nói một đạo sĩ vào núi này hái thuốc, chợt thấy một bàn tay trắng đẹp sáng mịn mọc ra từ vách đá. Biết đó là thứ tiên dược, đạo sĩ liền cắt lấy để vào giỏ. Đi một đoạn, ông ta bỗng nghĩ: "Loại thuốc tiên này biến hóa, nếu không ăn liền nó sẽ ỉn mất!". Quả nhiên khi xem lại thì bàn tay ấy đã không còn.

Trong đây, Tổ Triệt Ngô so sánh sáu chữ hồng danh như thuốc tiên ở Tuyết sơn, như ngọn đèn sáng nơi khoảng đường tối tăm nguy hiểm. Thuốc tiên ngoài công năng trị lành các bệnh, còn có thể khiến cho người đói xác phàm phu thăng thành tiên thánh. Ngọn đèn sáng nơi đường hiểm, ngoài công dụng soi tỏ để hành khách khỏi lạc lối, còn có thể khiến cho họ khỏi sa hầm sụp hố, tránh những tai nạn chết người. Câu Phật hiệu

lại cao siêu hơn, có thể khiến cho hành giả trở thành bậc chân tăng vô lậu, thoát vòng luân hồi, chứng ngôi Vô Thượng Đăng Giác. Chữ "Lậu" có nghĩa: sa lớt, là biệt danh của nghiệp phiền não. Bởi có phiền não tất phải rớt lớt vào vòng sống chết luân hồi trong ba cõi. Vô lậu chỉ cho thể tánh sáng suốt, dứt hết phiền não, không hệ lụy vào nẻo luân hồi. Chứng được thể tánh này mới gọi là bậc chân tăng. Mà muốn chóng thành bậc Vô Lậu Chân Tăng tất phải niệm Phật.

Hán:

70. Nhứt cú Di Đà

Mãn Bàn Na độ

Liệt phá xan nang

Hân phiền bảo tỵ.

Việt:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ Bồ Thí độ

Phá toang túi sển tham

Tuôn cho đồng châu báu.

Lược giải:

Chúng sanh sở dĩ không bồ thí được để tạo duyên phước, là vì còn nghiệp bợn sển tham lam. Khi chuyên niệm Phật, nghiệp ấy sẽ tiêu trừ, hành nhưn được tròn đầy hạnh thí xả, cả bên trong lẫn bên ngoài. Bên ngoài

là thí xả mọi thứ tiền bạc của cải, lần lượt cho đến vợ con, cung thành đất nước. Bên trong là thí xả nghiệp tham sân si, lần lượt cho đến đầu, mắt, tay, chân, như đức Thích Tôn khi còn tu Bồ Tát hạnh. Bồ thí như thế mới tròn đủ Đàn ba la mật.

Hán:

**71. Nhứt cú Di Đà
Mãn Thi La độ
Đô nhiếp lục căn
Viên tịnh Tam Tụ.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ Trì Giới độ
Nhiếp hết cả sáu căn
Tròn sạch đủ Tam Tụ.

Lược giải:

Cổ đức bảo: "Phật chế tất cả giới để trị tất cả tâm. Nếu không tất cả tâm, cần chi tất cả giới?". Qua lời trên, giới luật chỉ là phương tiện để ngăn trừ nghiệp hạnh xấu ác của chúng sanh. Mà sở dĩ có nghiệp hạnh xấu ác là do còn tâm phiền não nhiễm ô. Nếu nhiếp cả sáu căn chuyên trì Phật hiệu thì nghiệp chướng bên trong sẽ lần lần tiêu tan, hạnh xấu ác bên ngoài lần lần được trừ dứt. Và hành giả cũng sẽ lần lần được trong

sạch thân tâm, tròn đầy cả Tam Tự Tịnh Giới. Tam Tự Tịnh Giới là: Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới và Nhiêu Ích Hữu Tình Giới. Nhiếp Luật Nghi Giới có công năng đưa người tu vào khuôn mẫu luật hạnh, trừ những điều lỗi lầm tội ác của ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nhiếp Thiện Pháp Giới khuyến tấn hành giả làm tất cả điều lành. Nhiêu Ích Hữu Tình Giới khiến cho người con Phật được tròn đủ hạnh nguyện cứu độ chúng sanh. Đủ ba tự trên, Thi ba la mật mới được viên mãn. Môn niệm Phật là nhân nhiệm mầu để mau thành tựu Giới độ ấy.

Hán:

**72. Nhứt cú Di Đà
Mãn Sẵn-đề độ
Nhị ngã tướng không
Vô Sanh Nhẫn ngộ.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ nhẫn nhục độ
Tướng Nhị Ngã không còn
Pháp Vô Sanh được ngộ.

Lược giải:

Sở dĩ hạnh Nhẫn Nhục khó được thành tựu, vì chúng sanh còn có tướng Nhị Ngã. Nhị Ngã tướng là

Nhơn Ngã tướng và Pháp Ngã tướng, tức mỗi chấp có Ta và Pháp. Nếu chuyên niệm Phật, nghiệp chướng mau tiêu trừ, lần lần hành giả sẽ được tâm không, thấy Ta, Người và Pháp đều như huyễn, chẳng thật có. Khi ấy đâu còn chấp có người cùng pháp là nguyên nhân gây nên sự bức não, và ta là kẻ hay nhân, bởi hành giả đã thoát khỏi ranh giới của Ngã, Pháp; chân tâm dung hợp khắp mọi nơi. Chùng ấy đương hơn sẽ chứng ngộ vào Vô Sanh Pháp Nhân, tròn đầy Sẵn-đề ba la mật.

Hán:

73. Nhứt cú Di Đà

Mãn Tỳ-lê độ

Bất nhiễm tiêm trần

Trực đạp huyền lộ.

Việt:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ Tinh Tấn độ

Lòng không nhiễm mảy trần

Bước thẳng lên huyền lộ.

Lược giải:

Khi tu hành mà còn thấy mình có tinh tấn, tức chưa đạt đến mức cứu cánh của tinh tấn, vì còn chấp Ngã và Pháp. Muốn tròn đầy Tỳ-lê-da ba la mật, phải thoát ly quan niệm đó, tuy hằng tinh tấn không gián đoạn mà

chẳng thấy mình có tinh tấn. Hai vị đại sĩ đã đạt đến cảnh giới này nên được tôn hiệu là Thường Tinh Tấn và Bất Hưu Tức Bồ Tát.

Khi hành giả niệm Phật đến mức tâm trong sạch rỗng rang, không còn nhiễm một mảy trần, tức đã đặt bước lên con đường huyền vi, vào cảnh giới cứu cánh của Tinh Tấn độ vậy.

Hán:

**74. Nhứt cú Di Đà
Mãn Thiên Na độ
Hiện chư oai nghi
Tang thậm khô thọ?**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ thiên độ lý
Hiện trong các oai nghi
Cây khô có gì quý?

Lược giải:

Liên Trì đại sư đã bảo: "Niệm Phật và tham thiên chỉ là một, không khác nhau!". Tại sao thế? Bởi Thiên Na có nghĩa: Tĩnh Lự. "Tĩnh" thuộc về Định, về Chỉ, về Tịch, thể hiện công đức vắng lặng. "Lự" thuộc về Huệ, về Quán, về Chiếu, thể hiện công đức sáng soi. Khi hành giả niệm Phật đến mức dứt bật muôn duyên,

tâm yên lặng sáng suốt, thể hiện công năng tịch chiếu, trong ấy đã bao gồm Thiên Định rồi. Đó cũng gọi thật hành. Thiên-na ba la mật, nghĩa là đương như đã tiến bước vào cảnh giới chân thật của Thiên Định.

Thuở xưa đã có bà lão cất ngôi tịnh thất cho một nhà sư ở để tham thiền, thường cung cấp cho bốn sự cúng dường đầy đủ. Sau hai mươi năm, muốn thử xem trình độ sự tu hành đã đến mức nào, bà lão dặn cô con gái lúc đem cơm nước đến dâng, hãy thỉnh linh ôm lấy vị sư và hỏi: "Hiện thời tâm của thầy ra sao?". Cô gái thật hành y như lời mẹ dặn, được nhà sư đáp: "Tâm của tôi lúc này như cây khô nướng gộp đá lạnh trong ba tháng mùa đông, không một chút hơi nóng động nào cả!". (Khô mộc ý hàn nham. Tam đông vô noãn khí). Bà lão nghe cô gái thuật lại lời ấy liền than: "Uổng công ta khó nhọc trong hai mươi năm, kết cuộc chỉ cúng dường cho một kẻ phàm phu!". Rồi đốt thất, đuổi nhà sư đi.

Trong bài kệ trên ý Tổ Sư muốn nói: "Lúc tu Tịnh Độ đến mức tâm yên lặng sáng suốt thì dù khi hiện các oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, mặc áo, niệm Phật, tụng kinh; trong ấy đã đầy đủ Thiên Định độ. Như thế còn hơn hạng Khô Thiên bám chặt lấy cảnh giới Thiên Không như cây chết khô chẳng có chi là siêu xuất cả!".

Hán:

75. Nhứt cú Di Đà
Mãn Bát-nhã độ
Cảnh tịch tâm không
Vân khai nguyệt lộ.

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ Bát-nhã độ
Cảnh thanh vắng lòng không
Mây tan vàng nguyệt lộ.

Lược giải:

Ấn Quang pháp sư nói: "Với câu niệm Phật, nếu có một phần kính thành thì tiêu một phần tội nghiệp, sanh một phần phước huệ". Được mười phần kính thành, sẽ tiêu mười phần tội nghiệp, sanh mười phần phước huệ. Cho nên khi niệm Phật, hành giả sẽ tùy tâm mà được tiêu trừ nghiệp chướng, phát huy trí huệ của công đức Bát-nhã. Hành trì lâu ngày, người ấy sẽ tiến đến mức tâm cảnh rộng không sáng lạng, và sẽ lần lần đầy đủ Bát-nhã độ. Hiện tượng ấy ví như mây tan hiện ra vàng trắng trong sáng chiếu rọi khắp nơi, cảnh và ánh trăng đều lạng lẽ trong trạng thái dung hàm không còn phân biệt.

Hán:

76. Nhứt cú Di Đà

**Tưởng tịch tư chuyên
Vị ly Nhẫn Độ
Dĩ tọa bảo liên.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Tâm lặng tưởng nhớ chuyên
Tuy chưa lìa Nhẫn độ
Đã ngồi tọa bảo liên.

Lược giải:

Bài kệ trên, hai câu trước ý nghĩa đã rõ ràng, duy hai câu sau, riêng một số độc giả chưa khỏi có điều nghi vấn. Theo Ấn Quang pháp sư, tác dụng nghiệp thức của chúng sanh không thể nghĩ bàn! Có người tuy còn ở Ta Bà, mà một phần thân thức đã hiện thân ngồi nơi hoa sen cõi Tịnh Độ. Có người đang còn sống mà nghiệp thức đã hiện thân thọ tội nơi địa ngục dưới Âm Ty. Chuyện Cứu Pháp Hoa và Kinh Dương phu nhơn trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, thân chơi Cự Lạc, thấy trước Dương Kiệt, Từ đạo cô, Tôn Trung đã ngồi nơi hoa sen, là điều chứng minh cho hai câu: "Tuy chưa lìa Nhẫn độ. Đã ngồi tọa bảo liên" vậy. Nhẫn độ chính là cõi Ta Bà, vì Ta Bà có nghĩa "Kham Nhẫn". Chúng sanh ở cõi này phải có sức nhẫn nại mới chịu đựng nổi với những cảnh chướng ác xung quanh.

Hán:

**77. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Duy tâm chi diệu
Pháp chỉ như nhiên.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Lý duy tâm mẫu nhiệm
Pháp hợp lẽ thiên nhiên.

Lược giải:

Câu hồng danh mà chúng ta đang hành trì, là kết tinh công đức của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng vô biên kiếp về trước. Cho nên khi chúng sanh khởi tâm niệm một câu Phật hiệu, theo nhân quả của lý "các pháp do tâm tạo", trong vô hình tự nhiên có ánh sáng và hoa sen phát hiện mà mắt phàm thường không thể nhìn thấy. Tuy nhiên cũng có vài trường hợp do tâm chí thành nên hoa sen hiện rõ, có thể mục kích được với đôi mắt thường. Bởi thế hành giả mới chứng biết được lý ấy.

Nhắc tới điều này, bút giả bỗng nhớ lại chuyện thầy Thiện Lộc, thân phụ sư cô Diệu Châu, ở ngôi am sau chùa Vạn Đức tại Thủ Đức, đã thuật lại cho các liên hữu biết. Một đêm nọ vào khoảng tám giờ tối, thầy

đang quì chí tâm niệm Phật theo thời khóa đầu hôm, bỗng thấy từ cạnh bàn Phật ở ngay trước mặt mọc ra một búp hoa sen đỏ to bằng cái tách. Vừa trì niệm vừa nhìn kỹ từng chi tiết, thầy thấy cuống hoa uốn lượn cong, búp sen ngửa lên, rồi lần lần theo tiếng Phật hiệu nở to ra bằng chiếc đĩa bàn. Độ mười lăm phút sau, đóa hoa ấy biến mất. Đây là một trong nhiều chuyện hiện thật mà chư liên hữu ở khắp mọi nơi đã mục kích và trần thuật lại.

Để nói rộng thêm, câu niệm Phật chẳng những có công đức hiện ra tướng hoa sen, mà còn hiện đủ các tướng thuộc chánh báo, y báo ở cõi Cực Lạc. Trong các truyện vãng sanh, có vị trước giờ phút thọ chung, đại chúng bỗng thấy mặt đất xung quanh bỗng hóa thành ra vàng ròng. Có vị đang nằm bệnh, tràng phan, lầu các hiện trong tảng băng để gần bên giường. Có vị đang niệm Phật, thân tướng trang nghiêm của đức A Di Đà hoặc chư Bồ Tát hiện giữa hư không, bay trên ngọn đèn lưu ly. Có vị trong khi trì niệm, chợt nghe mùi hương lạ bay thơm cùng khắp. Công đức trang nghiêm thanh tịnh của câu niệm Phật tùy tâm hiển hiện, đại khái là như thế.

Hán:

**78. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Phàm tình bất tín**

Diệc như kỳ nhiên.

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Phàm tình không tin tưởng
Cũng là lẽ tất nhiên.

Lược giải:

Như trên đã nói: Do công đức của câu Phật hiệu, theo lý duy tâm tạo, tự nhiên có hoa sen, ánh sáng hoặc các tướng đẹp lạ khác phát hiện. Nhưng các điều ấy tiếc thay, phần đông phàm phu không tin hiểu và công nhận. Sở dĩ như thế là vì sự thấy biết của họ còn cuộc hạn trong tâm lượng cạn hẹp của phàm tình. Âu đó cũng là lẽ tất nhiên.

Hán:

**79. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Quyết định bất tín
Chân cá khả liên !**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên

Nếu quyết không tin nhận
Đáng thương thật kém duyên!

Lược giải:

Trong các kinh luận về Tịnh Độ, nhiều nơi Phật và chư Tổ đã nói công đức niệm Phật hay trừ tội chướng, sanh phước huệ, hiện ra hoa sen, ánh sáng. Từ xưa đến nay các hành giả tu Tịnh nghiệp, lúc thức tỉnh hay trong giấc mơ, đã thấy hiển hiện điều này, và cũng đã thuật lại rất nhiều. Đó là lý chiêu cảm của nhân lành quả lành, kẻ chưa tin phải theo lời giải thích và điều minh chứng mà phát lòng tin. Nếu còn quyết định không tin nhận, thì thật đáng thương kẻ ấy quá nông cạn, nhiều nghiệp chướng, kém phước duyên, cam chịu khổ mãi trong vòng luân hồi sáu nẻo.

Hán:

**80. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Trực nhiên bất tín
Dĩ nhiệm thức điên.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Dù cho không tin tưởng
Cũng đã nhiệm thức điên.

Lược giải:

Tiếp theo ý trên, dù cho những kẻ chưa hiểu biết, hoặc đã nghe giải thích và chứng minh rõ ràng về công đức niệm Phật mà còn cố chấp không tin nhận thì câu Phật hiệu cũng đã ghi vào ruộng Tàng thức của kẻ ấy rồi! Khi hạt giống câu hồng danh đã nhiễm vào Hàm Tàng thức, ngày kia trong một hoàn cảnh nào đó nó sẽ phát hiện. Và nhân đó đương nhơn sẽ được độ thoát, bất quá phải chịu khổ luân chuyển trong thời kiếp lâu xa mà thôi. Về điểm này, một bậc tôn đức đã bảo:

"Khen, chê cũng nhờ độ thoát.

Tin, nghi đều đến Liên Bang"

(Tán, báng câu mộng giải thoát.

Nghi, tín cộng nhập Liên Bang).

Thuở Phật còn tại thế, có ông lão đứng trăm tuổi mới đến chư tăng xin xuất gia. Các hàng trưởng lão từ ngài Ca Diếp, Xá Lợi Phất, đến chư đại đức khác đều không thấu nhận, vì các vị nhận định xét thấy ông không có căn lành. Khi đức Thế Tôn đi khát thực trở về thấy ông lão khóc, Ngài quán biết liền chấp thuận cho xuất gia. Chư tỳ kheo hỏi duyên có, Phật đáp: "Đạo nhân bậc A-la-hán của các ông chỉ thấy biết sự việc trong vòng tám muôn bốn ngàn kiếp về trước và về sau mà thôi. Nhưng trước khoảng thời gian đó lâu xa, ông lão này là kẻ tiêu phu đi đốn củi, bị cộp rượt, sợ hãi leo lên cây phát thanh niệm một câu "Nam Mô Phật". Do chủng tử nhân lành đó, ngày nay ông mới gặp ta hóa độ

và sẽ được giải thoát". Ông lão là Phước Tăng tỳ kheo, Phật giao cho ngài Mục Kiên Liên khâu làm đệ tử, không bao lâu chúng được quả A-la-hán.

Tóm lại, ảnh hưởng của câu Phật hiệu rất nhiệm mầu sâu rộng, chẳng những kẻ nghe danh hiệu Phật sanh lòng vui mừng, tin nhận, khen ngợi và thật hành đều được giải thoát, mà người nghi ngờ khinh báng nhái giọng niệm theo để chê bai, khi thọ ác báo rồi cũng nhờ chủng tử công đức ấy gây nhân duyên đắc độ về sau. Cho nên bài kệ:

"Thà ở cõi Địa Ngục.

Được nghe hồng danh Phật.

Không mong sanh Thiên giới.

Chẳng biết hiệu Như Lai"

như trong kinh nói rất là xác đáng.

TĂNG CẢM

Thích Tăng Cảm quê ở Tỉnh Châu, thường tụng trì hai thứ kinh: Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà. Lâu ngày sư mộng thấy thân mình sanh ra hai cánh:

Cánh bên mặt là văn kinh A Di Đà. Cánh bên trái là văn Quán kinh. Lúc ấy chợp cánh muốn bay, mà thân còn nặng chưa vượt lên được.

Tụng tiếp hai năm, Tăng Cảm mộng thấy lông cánh thêm dài, bay lên được nhưng còn nặng nhọc chưa thể đi xa. Lại tụng tiếp hai năm nữa, mộng thấy tự tại bay đi không còn trở ngại. Sư liền hướng về phương Tây

bay đến thế giới Cực Lạc, thấy đức A Di Đà và hai vị Bồ Tát bảo: "Do sức người tụng kinh, nên nay mới được tới miền biên địa cõi Tây Phương. Vậy hãy trở về Ta Bà, mỗi ngày tụng đủ 48 biến. Như thế sau 1000 ngày, người sẽ được sanh về thượng phẩm ở Cực Lạc".

Tăng Cảm tỉnh giác, y theo lời dạy mà tu hành, ba năm sau tự biết trước thời khắc quy Tây. Lúc sư viên tịch, nơi chỗ nằm bỗng mọc lên bảy cành hoa sen. Trong một tuần hoa vẫn tươi đẹp không rũ héo. Hàng đạo tục nghe chuyện lạ, đều đến xem rất đông.

ĐẠO THUYÊN

Thích Đạo Thuyền đọc xong bộ Trí Độ Luận, rất tôn ngưỡng Long Thọ Bồ Tát. Sư liền viết lời kệ khen ngợi phát nguyện rằng:

Thắng đại sĩ Long Thọ,
Chứng Sơ Hoan Hỷ địa.
Sanh về cõi Cực Lạc,
Phụ giúp A Di Đà.
Tiếp dẫn người niệm Phật,
Mười phương đến vãng sanh.
Xin rủ lòng thương xót,
Dìu dắt tới Liên thành!

Đạo Thuyền lại tạo tượng Long Thọ đại sĩ cao ba thước một để cúng dường và chuyên lòng cầu nguyện. Một đêm, sư mộng thấy vị sa môn thân tướng cao lớn trang nghiêm đến bảo: "Ba năm sau người có thể sanh

về cõi Cực Lạc!". Đạo Thuyên thưa: "Con hãy còn bốn sư và sanh mẫu, nếu xả báo thân trước e không tròn đạo". Vị sa môn nói: "Thế thì hãy chờ ta bạch với đức A Di Đà Thế Tôn, rồi sẽ trở lại cho người biết". Ba đêm sau, sư lại mộng thấy vị sa môn ấy bảo: "Ta vì người bạch với Phật. Ngài dạy rằng: Thầy của người 12 năm sau sẽ viên tịch, còn mẹ người sau 20 năm mới mãn phần. Đức Thế Tôn tặng thọ cho người sống thêm 23 năm nữa, sau thời gian ấy người sẽ được sanh về Cực Lạc thế giới". Đạo Thuyên bạch: "Cha mẹ cùng thầy bạn của con có được sanh về Tịnh Độ chăng?". Sa môn đáp: "Nếu đồng tâm phát nguyện tu hành, quyết sẽ được vãng sanh, chớ nên nghi ngại!". Sư mừng rỡ lại hỏi: "Tôn đức là ai?". Vị sa môn đáp: "Ta là Long Thọ. Vì người tạo tượng ta cầu nguyện, nên đến đây báo cho người biết!".

Về sau thầy và mẹ của Đạo Thuyên đều mãn phần đúng thời kỳ Phật đã báo trước. Sư cũng viên tịch 23 năm sau, vào ngày rằm tháng giêng. Lúc Đạo Thuyên xả thọ, có áng mây tím che phủ am, đầy trời âm nhạc rền vang thanh diệu. Đây chỉ lược thuật, điềm lành của sư còn có rất nhiều.

GIÁC CHIẾU

Thích Giác Chiếu, chưa được rõ xuất xứ, trụ nơi viện La Hán, trấn Thâu Thành, tại một huyện ở Giang

Bắc. Trọn đời sư giữ giới hạnh tinh nghiêm, chuyên tu về Tịnh Độ.

Một đêm vào tháng mùa đông, năm Dân Quốc thứ 12, Giác Chiếu nằm mơ thấy đến chỗ xa lạ, trước mặt có tòa núi to lớn cao chón chở che ngăn. Sư vẫn bình thản đi chậm rãi vừa thâm niệm Phật. Thoạt nhiên núi non biến mất cảnh trí mở rộng, có ánh sáng lớn soi đến thân mình, ao sen cây báu hiện ra trước mắt. Giác Chiếu bỗng thấy một vị trưởng giả hiện thân nói: "Đây là Tây Phương Cực Lạc thế giới, ông có muốn về chăng?". Sư đáp là mình nguyện vãng sanh, lại ước hẹn với vị trưởng giả rằng: "Cuối tháng này tôi sẽ thỉnh cầu Hoằng Thai pháp sư trụ trì bản viện. Khi mọi việc sắp đặt xong xuôi, tất sẽ đến đây!". Nói xong cảnh chợt tan biến, sư liền tỉnh giấc.

Bảy giờ Hoằng Thai pháp sư đang làm chủ hội kỳ niệm Phật 7 ngày, tại chùa Vĩnh Ninh ở Diêm Thành. Khi tiếp được thư của Giác Chiếu gọi đến, kỳ thất cũng vừa hoàn mãn, ông vội vã trở về La Hán viện để đảm trách Phật sự. Quả nhiên vào giờ Thìn ngày mùng 4 tháng chạp, Giác Chiếu tự vào ngồi trong bảo khám, day mặt về Tây mà viên tịch. Trải hơn 2 giờ, cả mình sư đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng. Lúc làm lễ trà tỳ, đại chúng đều thấy trên ngọn lửa hiện ra một áng tường vân, từ từ bốc lên cao bay thẳng về Tây Phương.

TRƯỜNG LINH

Thích Trường Linh, người huyện Trấn Hải tỉnh Triết Giang, vào tuổi trung niên mới đến xuất gia tại một ngôi chùa ở Mâu Sơn. Năm sau, sư thọ giới sa di nơi chùa Phổ Đà. Kế tiếp tới Phổ Ninh Tự thọ tỳ kheo giới.

Ban sơ, Trường Linh tỏ ra rất có đạo tâm. Nhưng sau vì lãnh trụ trì một ngôi chùa nhỏ, không ai quản thúc, nên tự do lui tới giao tiếp với bạn bè xấu ác. Rồi dần dà sư nhiễm quen thói hư, phóng đãng chơi bời, lãnh đạm tụng kinh mướn, đua lợi tranh danh, cho đến ăn thịt uống rượu.

Lúc lớn tuổi, sư nghĩ lại việc cũ, sanh lòng ăn năn hổ thẹn. Được tin Liễu Thanh hòa thượng ở sơn am gần chùa Phổ Đà, tổ chức hội niệm Phật chuyên tu Tịnh Độ. Trường Linh khẳng khái xếp lại mọi việc, mang y bát đến tham dự. Sau khi nghe Liễu công thuyết pháp chỉ dạy, sư mới biết đường lối của Tịnh tông, liền dứt bỏ hết tập quán xấu, một lòng tin sâu nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Năm Dân Quốc thứ 20, hàng nhơn sĩ ở Đại Sơn thỉnh Trường Linh đến trụ trì chùa Siêu Quả núi Bồng Lai thuộc mặt biển phía Tây Bắc Phổ Đà Tự, để hướng dẫn chư thiện tín tu hành. Lúc ấy, sư đã suy yếu lại lớn tuổi, thỉnh thoảng hay phát chứng suyễn. Sang năm Dân Quốc thứ 21, vào ngày mùng 8 tháng 7, Trường Linh dự biết ngày lâm chung, bảo chúng rằng: "Xin thỉnh vài vị tăng tới niệm Phật, giúp tôi sanh về Tây

Phương!". Khi chư tăng đến, sư lại nói: "Hiện sắp tới rằm Trung ngươn, xin trước tiên nên hành khoa Chân tế, để làm lợi vui cho khắp kẻ âm người dương". Sau ba ngày pháp sự viên mãn, sư liền thỉnh chúng sang ngọ thất thương lượng về cách thức trợ niệm, rồi tự cử xướng trước, mọi người đều niệm theo đến hết một cây hương. Sáng sớm ngày 12, Trường Linh bảo nấu nước trầm đàn, tự tắm gội sạch sẽ, xong đắp y cầm cụ, nhờ người dìu lên đại điện, niệm hương lễ Phật, rồi trở về ngọ thất. Khi cho người khiêng chiếc bảo khám tới xong, sư vào trong ngòi ngay thẳng, gương mặt lộ vẻ tươi cười, nói: "Trước xin cảm tạ các vị đã gần gũi chiếu cố đến tôi trong mấy tháng. Sau nguyện mong tất cả đều cố gắng niệm Phật, để cùng nhau tái hội ở Liên Bang! Lúc này so với thuở bình thời chẳng đồng, nên vì tôi niệm đủ 16 chữ: "Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật". Chúng đáp tuân mạng, rồi cử xướng trì niệm.

Trường Linh cũng chấp tay niệm theo, hiện nét tươi sáng vô tả! Được một lúc sư buông tay trái xuống để lật ngửa trên đầu gối, tay mặt vịn vào vách bảo khám, sẽ cúi đầu mà viên tịch, thân tâm an vui, không lộ một chút chi thống khổ.

Bảy giờ đúng ngọ ngày 12 tháng 7. Sư hưởng thọ được 60 tuổi.

Lời bình:

Đức Thế Tôn bảo: "Kẻ tạo tội Ngũ nghịch, Thập ác, lúc lâm chung chí tâm niệm hồng danh A Di Đà mười niệm đều được vãng sanh". Điều trên đây tuy do hạt giống niệm Phật kiếp trước đã đến thời kỳ thành thực, nhưng cũng toàn nhờ sức tín nguyện hạnh trong hiện đời cảm thông với từ lực của đức A Di Đà nên mới được như thế. Sư Trường Linh nhiều năm cầu thả may trong cảnh muộn biết hồi đầu, khi lâm chung được điềm tốt, âu cũng là một loại như các vị: Hùng Tuấn, Duy Cung đó ư? Hai vị tăng thuật lại chuyện này là Hựu Quán và Nguyệt Tịnh có nói: "Đại chúng ở chùa Pháp Võ non Phổ Đà hơn vài mươi năm nay, tuy nghe Ấn Quang đại sư hoằng dương khen ngợi pháp nhiệm mầu đặc biệt đời nghiệp vãng sanh của môn Tịnh Độ, song hãy còn nửa tin nửa ngờ. Đến khi thấy sư Trường Linh, một người đã tạo nhiều tội mà được vãng sanh, mới không còn nghi lời thiết thật của đức Thế Tôn đã nói trong Quán kinh, cùng điềm chỉ dạy của Ấn Quang trưởng lão.

Do đó toàn thể chư tăng ni thiện tín ở vùng hải đảo non Phổ Đà, đều cảm động phát tâm tự tu và hoằng dương môn Tịnh Độ, để làm thỏa mãn bản hoài ứng thể của chư Phật.

THÍCH NỮ NĂNG KHAI

Tỳ kheo ni Năng Khai, cư ngụ tại Giang Bắc, trụ trì chùa Thiên Hậu thuộc Sơn Đông Hội Quán ở Diêm

Thành. Bình sanh ni sư chuyên tu Tịnh Độ, giữ luật hạnh đúng như thanh quy. Bôn sư của Năng Khai là Học Như cũng tu tịnh nghiệp, sau khi viên tịch môn đồ làm lễ thiêu hóa, bới tro tàn tìm được ba viên xá lợi to sáng và hai thanh bảo kiếm sắc xanh biếc. Ni sư mục kích điềm lành ấy, càng thêm tinh tấn tu hành.

Mùa thu năm Dân Quốc thứ 12, Năng Khai mộng thấy đức Văn Thù mách bảo cho biết trước ngày giờ vãng sanh. Sau khi tỉnh giấc, ni sư họp đại chúng lại niệm Phật mấy ngày rồi tọa hóa. Có điềm ly kỳ là lúc ni sư viên tịch, nơi đỉnh đầu hơi nóng bốc lên như khói, phát ra âm thanh tựa nước sôi trào và những tiếng nổ nhỏ liên tiếp.

THÍCH NỮ ĐỨC THÀNH

Tỳ kheo ni Đức Thành nguyên là con gái của Phương Tập, một hàng quan thân giàu sang ở An Khánh. Khi mới lên 9 tuổi, cô đã xin cha mẹ cho vào xuất gia nơi am Tịnh Thất tại bản thành. Năm 25 tuổi được thọ giới Cụ túc.

Bình sanh Đức Thành giữ luật hạnh trang nghiêm, đối đãi hòa nhã với tất cả mọi người. Lúc tuổi trẻ, cô lễ bái và trì tụng kinh Kim Cang, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm cùng các kinh điển đại thừa khác. Khi đã cao niên, ni sư chuyên tinh niệm Phật, sự tu hành hôm sớm rất siêng cần, dù trải tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ. Ngoài ra ni sư còn tùy hỷ làm các công đức, đê xướng

Phật pháp, quyền tiền xây dựng trường học, kiến lập Liên xã, lãnh nữ chúng niệm Phật tu hành. Đức Thành lại thường thỉnh các vị pháp sư đến giảng kinh, hoặc mời hàng cư sĩ diễn thuyết về Phật lý. Vì thế một vùng An Khánh chánh pháp lần lần hưng thịnh, dân chúng hướng về đạo Phật rất đông.

Mùa xuân năm Dân Quốc thứ 21 (1932), ni sư đóng cửa nhập thất, chuyên tâm niệm Phật. Trong cơn định tĩnh, Đức Thành thấy bốn chữ: Ngã, Bi, Thường, Tịch to lớn sáng rỡ, lại nghe Phật gọi pháp danh của mình báo cho biết ngày giờ vãng sanh. Lúc ra thất, ni sư liền họp chúng lại sắp đặt về hậu sự. Sang đầu tháng sau, quả nhiên Đức Thành viên tịch. Lúc trà tỳ được mấy viên xá lợi, trong đó có một hạt dài độ nửa tấc mộc, chiếu ra năm sắc, người xem đều khen ngợi cho là hy hữu.

Ni sư thọ 65 tuổi đời, được 41 hạ lạc.

NHỚ VỀ TỊNH ĐỘ

I

Từng nghe bạch hạc vốn tiên cầm,
Trăng sáng bay về gởi hảo âm.
Muốn nhắn tin xa hàng bạn đạo,
Đề ai hiểu rõ mối hoài tâm!
Thúy lâu cảnh bích mơ trời ngọc,
Ngân hải đài kim nghĩ lối tâm.
Khả ngón phù sinh dường mộng huyễn,

Cõi trần chỉ ngại lưới duyên thâm!

II

Lưu ly đất báu tử kim tràng,
Phỉ thúy lầu cao cửa ngọc nhân!
Quyển quyền văn chương khen chẳng hết,
Thân tâm hướng lễ ý hằng sang.
Phượng loan chợp cánh hàng hàng múa,
Anh vũ đưa hơi tiếng tiếng vàng.
Thanh mộng còn tham say giấc đẹp,
Lầu xa trống điểm giục canh tàn.

Sở Thạch thiền sư

III

Sen Phật hiện trong biển lửa hồng,
Bạn chi tám giáo lại năm tông?
Mỗi câu hằng tịnh ma xa lánh,
Muôn niệm đều như Phật cảm thông.
Kiếp bụi mê căn lần sạch gốc,
Đời tu tinh tấn đến tròn công.
Chỉ ưng quyết chí toàn thành tựu,
Vì bởi hàm linh thể tánh đồng.

IV

Phàm phu trí kém quán chưa rành,
Chỉ giữ trì danh tất vãng sanh.
Cõi trược chí tu như chẳng đổi,

Trời Tây đài báu tự ghi danh!
Đầu dao mật dính trần mau nhiễm.
Mặt nước bèo trôi đạo khó thành.
Về gấp thôi chi lần lựa nữa,
Đằm sen hương lạ sắc tinh anh.

Tĩnh Am đại sư

V

Đông tây xuôi ngược bước phong trần,
Ngoảnh lại phù sinh mấy chục xuân!
Niệm Phật những mơ miền bích thảo,
Cuối đầu hướng đến nẻo hoa tân.
Ai thương Đỗ Vũ sâu non nước,
Ta mến Di Đà niệm thiết thân!
Chẳng học cao tăng nguyên chuyển độ,
(chuyển kiếp độ sanh)
Chỉ mong Cực Lạc được làm dân.

VI

Muốn nương liên quốc gởi tinh thần,
Niệm Phật đường lâm bệnh mãn phần!
Thân sợ sa lầy mong khỏi vực,
Ý như chạy giặc nghĩ đào sanh!
Bích sa đến động ba đào thắm,
Hồng thụ về trời cỏ biếc xuân.
Mây rắng tàn dương nhìn lối cũ,
Mưa hoa nhạc báu khác phàm trần!

TRƯƠNG NGUƠN THỌ

Trương Nguơn Thọ quê ở Tịnh Châu, gia thế làm nghề sát sanh. Sau khi cha mẹ mãn phần, ông giữ giới sát, chuyên niệm hồng danh A Di Đà Phật để cầu siêu độ cho song thân.

Nguơn Thọ lại tạo tượng A Di Đà cao ba thước mộc, hằng ngày cúng dường lễ bái. Một đêm ông nằm mộng thấy nhà cửa bỗng sáng suốt rực rỡ, trong vùng ánh sáng có hơn hai mươi người đều ngồi trên tòa sen. Hai người trong số đó, gọi Nguơn Thọ bảo: “Chúng ta là cha mẹ của con, bình sanh tuy cũng niệm Phật, nhưng vì nghiệp sát quá nặng nên khi chết đọa vào Khiếu Hoán địa ngục. Tuy đọa địa ngục song nhờ sức niệm Phật nên sắt nóng cùng nước đồng sôi đều biến thành mát mẻ như nước. Hôm trước có vị sa môn cao ba thước mộc đến nói pháp. Chúng ta cùng đồng nghiệp hơn hai mươi người tỏ ngộ Phật lý, đồng được thoát ly địa ngục. Hiện thời tất cả sắp sanh về Tịnh Độ. Do nhân duyên đó nên đến mách bảo cho con biết!”.

Nói xong, tất cả đồng bay về Tây Phương.

TIỂU VƯƠNG

Tiểu Vương nguyên là gia nô của cư sĩ Tôn Hậu Tại quê quán tỉnh Hồ Bắc. Vì y vốn họ Vương, lại

thuộc thân phận thấp nhỏ của một đứa ở, nên mọi người đều gọi là Tiểu Vương. Tôn cư sĩ gia thế thờ Phật, sau dời về cư ngụ ở Thượng Hải. Tiểu Vương cũng đi theo chủ.

Giúp việc lâu năm nơi nhà Tôn Hậu Tại, được ảnh hưởng về sự tu hành, Tiểu Vương cũng lần lần thấm nhuần, rồi phát tâm niệm Phật. Y vốn có tật cà lăm, nói năng chậm chạp, khó khăn, nên ban sơ niệm Phật không thành câu. Song với tâm chí thành, y vẫn cố gắng trì tụng. Như thế được mấy năm, một đêm Tiểu Vương mộng thấy có người nắm lưỡi của mình kéo ra thật mạnh, tâm sáng sốt cảm giác rất đau. Khi tỉnh giấc, tật cũ dứt trừ, nói năng lanh lẹ thông suốt, câu niệm Phật cũng rõ ràng rành rẽ. Do đó lòng tin nguyện của y rất sâu thiết, sự trì niệm càng chuyên cần. Tiếp tục tu hơn hai năm, thì không thấy Tiểu Vương niệm Phật nữa. Có người hỏi duyên cớ, y đáp: "Tôi niệm Phật đã thành một khối, nay không niệm mà vẫn tự niệm, nên không cần phát ra tiếng, chỉ khởi ý giữ cho câu hồng danh thầm liên tục chẳng dứt đoạn mà thôi". Mọi người nghe nói cũng không mấy lưu tâm, để cho y tùy tiện. Tình trạng mặc niệm như thế, lại tiếp tục thêm năm độ xuân thu nữa.

Một hôm Tiểu Vương gọi đứa con trai mười lăm tuổi, đang ngụ cư ở học đường về nhà bảo: "Hôm nay cha sắp đi, con nên giúp sức niệm Phật để tiễn đưa một lần cuối!". Mọi người thấy y vẫn bình thường, chẳng tỏ

ra chút chi đau yếu, đều không tin, chỉ nhìn nhau mỉm cười. Tiểu Vương biết ý, bảo: "Tôi nói thật đấy, chẳng phải là lời đùa cợt bông lông đâu!". Có kẻ hỏi: "Chú nói đi, mà đi về nơi nào?". Đáp: "Về nhà!". Lại gạn hỏi: "Nhà nào, ở đâu?". Đáp: "Quê nhà cũ, tức là thế giới Cực Lạc ở Tây Phương!". Trong ấy có một vị sanh lòng tin bảo: "Con của chú hãy còn nhỏ dại, nên lưu lại thêm ít năm nữa để chiếu cố, nó mới có thể thành lập được!". Tiểu Vương nói: "Thời tiết đã đến, tôi không thể lưu trụ, thôi mọi việc đều phó cho nhân duyên!". Nói xong, bảo con đồng thanh niệm Phật với mình. Mọi người đều đứng yên, lặng lẽ nhìn xem sự thể diễn tiến ra sao? Lúc ấy Tiểu Vương ngồi ngay thẳng trên giường niệm Phật. Kế đó bỗng hắt hơi hai tiếng, hiện tướng 'ngọc trợ hạ thù', rồi nhắm mắt đi thẳng. (Tức là hai dòng nước mũi trắng đặc thòng xuống, một biểu tượng của bậc xả thân thăng hóa).

Hôm sau vào buổi chiều tối, cư sĩ Tôn Hậu Tại cho đem di hài làm lễ thiêu hóa nơi chùa Lưu Vân. Lúc cử hỏa, đồng củi liền bùng cháy, khói trắng xông thẳng lên hư không. Trên ngọn lửa hiện ra một đóa sen to lớn sáng rỡ chập chờn, càng lúc càng đẹp rõ, cho đến khi lửa tắt. Sáng ra kiểm lại, trên tro xương cũng hiện nét tướng hoa sen rành rành in như vẽ. Bảy giờ nhằm năm Dân Quốc thứ mười sáu.

VIÊN BẢO TRỊ

Đồng tử Viên Bảo Trị nguyên là con trai của cư sĩ Viên Nghiêu Niên ở Yên Kinh. Nghiêu Niên làm quan Chánh án, học rộng hiểu nhiều, nghiên cứu sâu về Phật lý, hết lòng tin nhận thật hành.

Vợ ông là Trương thị cũng xuất thân từ nhà vọng tộc, tánh hiền thực, thông lẽ nghĩa thi thơ, nét hạnh được nhiều người khen ngợi.

Bảo Trị sanh vào ngày mùng 6 tháng 7 năm Dân Quốc thứ 12. Hạ sanh vừa vài tháng, đồng tử đã thông tuệ khác hơn trẻ em thường, gọi được hai tiếng cha mẹ. Mỗi khi thân phụ vắng mặt đi xa, em bò quanh giường cha kêu khóc mãi. Kế tiếp vì chức vụ Nghiêu Niên thuyên chuyển về Tân Giang, đem cả gia đình đi theo, càng ngày lời nói và cử động của em đều khác lạ. Khi đồng tử được 3 tuổi, mẹ viết đại tự từng chữ lên trên tấm giấy dạy cho học, dạy bảo qua một lần liền ghi nhớ, lần lượt thông thuộc hơn vài trăm chữ, nhiều phen thí nghiệm vẫn không sai lầm. Duy có điều khi gặp hai chữ: Phụ, Mẫu em đọc xong liền để trên mấy chữ khác. Người xung quanh lấy làm lạ hỏi, em đáp: "Phụ, Mẫu là cha, mẹ phải nên tôn kính!". Mỗi khi đồng tử ăn bánh in, trên bánh có 4 chữ nổi: Trương Chánh Dĩ Ký thì để chữ Trương lại không dùng, bảo ăn cho hết, em lắc đầu nói: "Đó là họ của mẫu thân, không nên ăn!". Hạnh hiếu thuận của đồng tử phát xuất từ thiên tánh, đại để là như thế.

Nghiêu Niên kính tin ngôi Tam Bảo, thường khuyên dạy cho đồng tử hiểu mấy chi tiết về môn Tịnh Độ như:

- Niệm hồng danh đức A Di Đà sẽ được sanh về Tây Phương.

- Cõi Cực Lạc trang nghiêm ra sao?

- Nghi thức niệm Phật như thế nào?

Khi chăm chú nghe xong, em liền im lặng tỏ vẻ tôn sùng cảm động. Từ đó về sau mỗi ngày đồng tử đều lễ Phật trì niệm không thiếu sót. Tuy còn bé, Bảo Trị có thể tụng chú Quán Âm, xưng danh hiệu đức Thích Ca Mâu Ni và Tây Phương Tam Thánh. Tiếng của em thành khẩn trong trẻo rõ ràng, tràng chuỗi thường chẳng rời tay, khi nằm ngủ cũng không buông bỏ. Sau bữa cơm tối, như cha mẹ có việc chưa kịp lên Phật đường trì niệm, đồng tử liền đến níu áo mời thỉnh thôi thúc song thân mau đi niệm Phật. Mẫu thân dạy bảo đừng nên giết hại vì chúng sanh đều ham sống sợ chết, giết nó là bất nhơn, lại mang khổ báo. Do đó mỗi khi lên ngôi ăn, đồng tử liền chỉ vào hỏi: "Món này có phải là sát sanh không?". Sau khi bảo rõ từng món đều toàn đồ chay, em mới vui vẻ ngồi ăn. Mỗi bước đi, em rất lưu ý tránh loài trùng kiến, thấy người nhà bố thí giúp cho hạng già cả ăn xin liền lộ sắc vui mừng, lại thường ưa chấp tay chiêm ngưỡng tượng Phật.

Mùa hạ năm Bính Dần, Nghiêu Niên dẫn con đi lễ Phật nơi chùa Cực Lạc. Bảo Trị chiêm ngưỡng khắp

các tôn tượng dường như có vẻ cảm động, gập chur tăng tụng kinh lại hoan hỷ lắng nghe, lưu luyến không muốn rời đi. Đứa em bé của đồng tử chết non, có người nói: "Em con đi đâu rồi?". Đáp: "Em sanh về cõi Cực Lạc!". Kế lại nói tiếp: "Bảo Trị cũng muốn đi theo nữa!". Ông nội nghe nói la rầy, nhưng đồng tử vẫn bảo: "Chẳng bao lâu con cũng sẽ đi!". Lời này dường như phát xuất từ tánh linh dự biết trước.

Buổi chiều tối ngày 26 tháng 6 năm ấy, Bảo Trị bỗng cảm bệnh ói mửa, không nói điều chi khác, chỉ kêu: "Con đi đây! Con đi đây!". Người nhà vây quanh niệm Phật, đồng tử cũng chấp tay niệm và nói: "Phải niệm to tiếng, niệm Phật cho nhiều!". Hôm sau hơi thở em yếu dần, thần sắc đổi khác. Nghiêu Niên thỉnh tượng Di Đà tiếp dẫn để trước mặt, rồi an ủi khuyên con chí tâm niệm Phật. Đồng tử đáp tiếng rất nhỏ tỏ ý vâng lời, đoạn mỉm cười nằm nghiêng bên mặt hướng về tôn tượng. Người nhà vẫn tiếp tục luân phiên trợ niệm.

Độ hơn 4 giờ chiều ngày 27, Bảo Trị an nhiên vãng sanh. Đến tối đánh đầu của em vẫn còn nóng ấm. Mọi người đều nghe mùi hương lạ thơm ngát đầy nhà. Bảy giờ đồng tử mới chỉ được 4 tuổi. Mục kích cảnh tượng ấy, từ đó về sau Nghiêu Niên càng thêm lòng tin tưởng, chuyên tu Tịnh Độ pháp môn.

VƯƠNG DI THIỆN

Cư sĩ Vương Di Thiện, tự Tích Hiên, pháp danh Liên Đài, người ở huyện Thiệu tỉnh Triết Giang. Tánh ông thuần hậu chân thật, sớm đem việc nhà giao phó cho con để chuyên tâm niệm Phật. Ông hành trì theo pháp môn Tịnh Độ như thế, gần suốt ba mươi năm.

Tháng bảy năm Bính Dần (1926) thời Dân Quốc, Di Thiện vướng chứng cảm nhẹ. Ban sơ ông chẳng để tâm nhưng bệnh dây dưa đến ngày mùng năm tháng chín, bỗng trở nên nguy kịch. Di Thiện có ý lo, bảo thỉnh tám liên hữu trong đoàn trợ niệm luân phiên đến nhà xưng hồng danh Phật gần bên giường. Ông cũng sẽ động môi giữ pháp Kim Cang trì niệm theo, thần ý rất thanh sáng, ứng đối như thường, chỉ nói: "Lần bệnh này chắc không qua khỏi, nhưng tôi tuyệt nhiên chẳng sợ chết. Duy phiền các vị gắng trợ niệm để giúp cho mau được vãng sanh, nơi tâm nguyện đã đầy đủ!". Trước tiên lúc mới bệnh, ông nằm mơ hai lần thấy đức Quán Thế Âm hiện thân, song chưa nói ra. Tới khi đau nặng lại thấy nữa. Trong giấc mơ, Di Thiện ai cầu Bồ Tát sớm đến tiếp dẫn. Đại Sĩ an ủi bảo: "Người có thể vãng sanh, nhưng công hạnh còn kém ít, sau khi về Tây Phương phải tu thêm. Chờ tới thời, ta sẽ đến tiếp dẫn!". Kế đó ông mộng thấy đóa hoa sen

xanh còn non nhỏ, nên nhứt tâm niệm Phật không xen hở. Tới đêm mùng mười, bệnh chuyển nguy, lại mơ thấy sen xanh đởi thành đóa kim liên rất to lớn. Lúc tỉnh giấc, trong lòng có phần an ủi. Nửa đêm ấy, Di Thiện mấy lần hỏi trời sáng chưa, và nói: "Ngày mai tôi sẽ vãng sanh, xin cho mời Liên Hàng cư sĩ tới đây để được gặp mặt lần chót!". Sáng ra người nhà liền gọi điện thoại mời, gần trưa Liên Hàng mới đến thì thấy các bạn đồng tu đang vây quanh giường niệm Phật. Cư sĩ lại gần giường bệnh nói: "Tôi tới đây trợ niệm, liên hữu nên nhứt tâm trì danh để được chánh niệm vãng sanh!". Di Thiện tuy nghe song chẳng đáp được, chỉ sẽ gật đầu. Bảy giờ thân nhân đã dự bị tắm gội thay y phục mới và mặc áo tràng cho ông hoàn tất. Người xung quanh chỉ thấy ông động môi thầm niệm Phật, hơi thở vẫn điều hòa không vội gáp. Giây phút lại có cư sĩ Đơn Thích Chi đến, đánh khánh cùng cao tiếng trợ niệm.

Trải độ nửa giờ sau, hơi thở của Di Thiện yếu dần, gương mặt hiện ra sắc vui tươi. Lúc ấy người nhà lớn nhỏ đều đứng xung quanh cầm hương đồng niệm. Một đứa cháu trai mới chín tuổi cũng tay mặt cầm hương, tay trái để nơi ngực cao tiếng niệm Phật, lại trải qua nửa giờ, ông mới lặng lẽ tắt

hơi như vào thiên định, yên ổn mà vắng sanh. Hai giờ sau đánh đầu còn nóng. Ông thọ được bảy mươi bốn tuổi.

LẠI TƯỜNG LÂN

Lại Tường Lân, người thời Dân Quốc, ở huyện Hưng Quốc tỉnh Giang Tây. Ông bẫm tánh chất phác quê mùa, trọn đời làm nghề nông, ăn mặc đơn giản, không tham cầu danh lợi. Đến hơn 60 tuổi, đưa con trai duy nhất mãn phần. Tường Lân phải nhọc nhằn canh tác để bảo đảm sự sống cho dâu và cháu nội.

Trong khoảng tuổi già, lại gặp cảnh khổ, ông sanh niệm nhằm chán cõi trần, hằng mong tìm đường giải thoát. Được người cháu họ là cư sĩ Lại Thiên Dung thường giảng cho nghe về pháp môn Tịnh Độ, ông phát tâm ăn chay trường và niệm Phật, chuyên chí cầu vắng sanh. Nhưng vì bình thời ưa thích uống rượu để mua vui giải muộn, nên phần tửu giới Tường Lân còn chưa giữ được. Lại Thiên Dung đến chơi, nhiều lần khuyên giải về sự lỗi lầm họa hại của nghiệp rượu, ông tỉnh ngộ nguyện gắng sức răn chừa. Ban sơ khi mới kiêng rượu, Tường Lân cảm thấy thân mình tay chân ngứa ngáy khó chịu, trong người rã rời mỗi mệ. Do sự lập tâm kiên quyết, nên lần lần trạng thái ấy dứt hẳn, thân thể khỏe mạnh, thần chí thanh sáng, công phu niệm Phật càng tinh cần. Lâu ngày sức niệm thuần thực, tuy làm việc có khi từ sáng đến tối, mà sự trì niệm của

Tường Lâm vẫn không gián đoạn. Người trong thôn áp gặp mặt ông đều niệm Phật chào gọi, ông cũng đáp: "A Di Đà Phật".

Đầu tháng 8 năm Dân Quốc thứ 18, Tường Lâm cảm bệnh, hai chân phù thũng, đi đứng có vẻ khó khăn. Vài giờ trước khi thọ chung, ông bảo đưa cháu nội đặt bàn hương về Tây dâng hương cúng lễ, và nói: "Cảnh Tây Phương rất đẹp, cháu hãy nhìn xem hoa sen nở thật nhiều! Ngày hôm nay ông sẽ về thế giới Cực Lạc". Đứa cháu nói: "Hai chân ông bị sưng, làm sao đi được?". Tường Lâm đáp: "Tâm đi chứ không phải thân đi!". Quả nhiên trời vừa xế bóng, lúc đứa cháu đang đốt hương dâng thêm, ông ngồi xây mặt về Tây niệm Phật mà vãng sanh. Trong đám tang có sư Phổ Minh và cư sĩ Thiên Dung đến tham dự. Người hàng xóm nghe tin đều khen ngợi, tề tựu đông đảo. Ông thọ được 70 tuổi.

TÀO VÂN TÔN

Cư sĩ Tào Vân Tôn pháp danh Liễu Nghĩa, người ở huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Ông nhà nghèo, sanh nhai bằng nghề buôn bán, tánh hiếu thuận, ưa bố thí làm lành. Vì thuở bé mồ côi bị thất học, nên lúc gia tư đã hơi khá, ông xuất tiền xây cất trường học, rước thầy dạy dỗ để giúp trẻ em trong vùng.

Thân mẫu ông là Đàm thị tin Phật, từng phát nguyện triều lễ chùa núi Phổ Đà và Cửu Hoa, song chưa kịp đi mà đã tạ thế. Vì muốn làm tròn tâm nguyện

của mẹ, nên vào tháng hai năm Quý Mão thời Quang Chử nhà Thanh, Vân Tôn sắm cúng phẩm đi triều lễ thánh tích núi Cửu Hoa. Xong việc đó, kế tiếp lại triều lễ non Phổ Đà. Khi đổ thuyền lên bộ, đến rừng Tử Trúc Lâm, ông thấy mẫu thân ngồi nghiêm nhiên nơi trong, liền mừng rỡ kêu gọi chạy vội đến, bỗng hình tượng chợt tan biến. Ông bi cảm đứng thương khóc. Một vị tăng ở trong chùa, thấy thế làm lạ bước ra thăm hỏi. Sau khi biết được nguyên do, tăng sĩ bảo: "Đó là đức Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân để an ủi lòng hiếu cảm của ông. Thế thì việc hoàn nguyện thay cho mẹ của ông, đã được ngài chứng giám!". Sau khi lễ điện Lạc Già xong xuống thuyền trở về, Vân Tôn thấy trên mặt biển nổi hiện đóa hoa sen ngàn cánh. Trên hoa có đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi kiết già, tướng tốt trang nghiêm kỳ diệu. Mục kích cảnh tượng, ông mừng thương lẫn lộn, sanh lòng tin rất thiết sâu.

Về sau, khi được gần gũi Ấn Quang pháp sư, Vân Tôn mới biết pháp môn Niệm Phật. Ông từng đến chùa Lô Sơn ở huyện Cửu Giang, cùng các chùa khác tổ chức những kỳ Phật thất và đề xướng pháp môn Tịnh Độ. Mùa hạ năm Quý Sửu ông xả cúng nhà ở sửa sang lại thành ngôi Niệm Phật Lâm. Đến mùa hạ, năm Kỷ Ty, lại kết lập hội Đông Lâm Liên Xã, lấy nơi đây làm trụ sở. Vân Tôn cùng với vị sư trụ trì ký vào quy ước đem trú xứ này cúng dường cho mười phương Tăng,

mở đón tiếp chúng các nơi, tự ông đảm nhiệm chịu phần kinh phí. Qua cuối đông lại trừ định cất ngôi điện các thờ thánh tượng đức Văn Thù. Khi vật liệu xây cất như ngói gạch, gỗ đá vừa đầy đủ, tượng cũng đã thỉnh về, thì ông lâm bệnh.

Sang xuân Canh Ngọ, vào ngày mười chín tháng hai, nhằm lễ vía đức Quán Thế Âm, Vân Tôn mời các vị cư sĩ tập họp lại và nói: "Văn Thù Bồ Tát đã hứa ba hôm sau sẽ đến rước tôi về cõi Cực Lạc, xin mời chư vị đúng kỳ hạn đến trợ niệm để đưa nhau lần cuối cùng!". Các cư sĩ nghe nói lấy làm kinh lạ. Trước khi lâm chung, ông gọi con trai lớn là Thiên Chương, nấu nước cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, ông lại phú chúc bảo: "Thời kỳ vãng sanh của cha đã đến không thể lưu lại được. Mọi sự kiện nơi Đông Lâm Liên Xã cùng việc kiến tạo điện các đức Văn Thù, con phải nối chí duy trì và hoàn thành chớ nên trễ sót!". Nói xong ngõ lời già biệt các liên hữu, ngồi kiết già ngay ngắn và cầm chuỗi niệm Phật giây lát, rồi mãn phần giữa tiếng xung niệm hồng danh của đại chúng.

Bảy giờ nhằm tiết Xuân phân năm Dân Quốc thứ mười chín (1930). Ông thọ được sáu mươi ba tuổi.

TRẦN SÂM HIÊN

Trần Sâm Hiên, người huyện Trấn Hải tỉnh Triết Giang, làm nghề buôn bán, từng thành lập công ty tàu

đò Nguyên Ích đưa rước hành khách ở bên Hộ. Ông rất tin Phật pháp, tánh khoan hòa ưa bố thí.

Khi có người đến cầu giúp đỡ, liền sốt sắng xuất tiền của không lộ nét khó khăn. Vì sự cứu tế lợi sanh, lắm khi mang nợ cũng chẳng lấy làm hối tiếc.

Một đêm Sầm Hiên mộng thấy đạo chơi nơi pháp hội, chợt nhẹ nhàng bay lên hư không, phút chốc đã đến trước Phật. Đức A Di Đà bảo: "Mạng số của ngươi vẫn còn mười năm. Nhưng vì e ngươi bị trần lụy làm mê, nên ta dùng thần lực rút ngắn tuổi thọ và đưa ngươi tới đây để nhắc nhở. Vậy phải gắng tinh tấn chớ nên biếng trễ!". Ông nghe xong bỗng tỉnh giấc. Từ đó Sầm Hiên dụng công niệm Phật rất chuyên thiết, chẳng kể ngày đêm. Mùa hạ năm sau, trước khi xả báo thân, ông cảm bệnh nhẹ, gọi gia nhơn bảo: "Phật đến rước tôi!". Rồi mỉm cười mà qua đời. Lúc bấy giờ khí hậu nóng bức, đình thi mấy ngày mà không có mùi hôi, đầy nhà thơm ngát hương lạ. Mặt ông hiện kim sắc, thân thái y như sống, đánh đầu nóng đến ba ngày sau.

Bấy giờ nhằm năm Dân Quốc thứ mười chín.

VƯỜN THƠ TỊNH ĐỘ

I

Xem khắp kinh văn với luật nghi
Nơi nơi đều khuyến niệm A Di!
Một câu tiêu hết muôn đời nghiệp

Hà huông nhiều năm mãi tụng trì?

II

Song trắng, trà cúc, cảnh nhàn tu
Ngày tháng năm qua với số châu
Mười ngón lần tràng không rảnh rồi
Phù sinh dám để phí công phu.

III

Thiện Đạo tiếc than nay đã khuất!
Thiếu Khang vắng bóng đại từ bi!
Đem tiền dụ trẻ từng câu Phật
Trai gái đều khuyên khắp tụng trì.

IV

Di Đà sáu chữ phỉ bình sanh
Mỗi tối trì vang ước mấy canh
Đôi bóng nghĩ thương ngoài thế cuộc!
Dưới trăng, trước gió lại kinh hành.

V

Hàng cây, ao báu, nhạc thanh hòa
Đôi bên cầu vàng lại nổi qua
Chợt thấy hóa sanh tân Phật tử
Sen hồng nở cánh, tiếng chim ca!

Bắc Sơn đại sư

VI

Tây Phương Cực Lạc chúng đều tôn
Khuyên khắp người đời học diệu môn
Có miệng bớt duyên trò chuyện nhảm
Một câu Phật hiệu độ thần hôn.

Nhất Nguyên đại sư

VII

Chuỗi hạt một tràng đen nhánh nhánh
Như Lai ngang đáng hiện đoàn đoàn
Xoay vắn tịnh niệm theo nhau mãi
Thâu lại buông ra chỉ một ban.

Cổ Âm pháp sư

VIII

Sáu chữ chân kinh nghĩa rộng xa
Tổng trì nào khác kệ đà đà?
Những từ nhắm lối Tây Phương thẳng
Giết hết Đài Sơn chỉ lộ bà. (1)

Liên Trì đại sư

(1) **Đài Sơn chỉ lộ bà** : Bà lão chỉ đường đi non Ngũ Đài. Sự tích đại lược như sau: Một thiền sư đi Ngũ Đài sơn, giữa đường gặp bà lão nơi quán trà, hỏi: “Thưa bà, đường nào đến non Ngũ Đài để lễ đức Văn Thù?”. Bà lão một bậc phi thường bảo: “Cứ nhìn lối thẳng mà đi!”. Thiền sư không hiểu đó là cơ ngữ khai thị về tự tánh, nghe xong cứ mặc nhiên lầm lũi tiến bước. Bà lão quả to: Ủa? Khéo cho vị sư này!”. Trong đây, ý Ngài Liên trì muốn nói: Niệm Phật chính là Vô Thượng thiền, những cái không chỉ đường, hay

chỉ đường như lão bà, đều giết bỏ hết: tức là thể nhập chân tâm, diệt các ý niệm đó. Ngay lúc bà lão nói, nếu ở vào trường hợp của đại sư, có lẽ ngài đáp lại bằng một tiếng hét.

IX

Đời mạt tình người hiểm đáng kinh!
Di Đà sáu chữ chớ xem khinh
Một lòng niệm đến quên thân cảnh
Bất giác thần chơi tựa các quỳnh!

X

Một muôn câu Phật giữ thường quy
Mỗi tối sơ canh lại tụng trì
Gối mộng có cầu sang Cực Lạc
Thân này đã tựa bích liên chi!

Cư sĩ Trầm Lăng Thanh

DIỆP CỬU THÀNH

Cư sĩ Diệp Cửu Thành pháp danh Huệ Cơ, người huyện Dư Dao tỉnh Triết Giang, ông từng theo cha đi đó đây tập nghề buôn bán từ thuở nhỏ. Sau khi thân phụ từ trần, Cửu Thành thu dọn công việc trở về quê nhà an dưỡng. Trong sự giao tế, ông được tiếng khen là người tinh tường sáng lẽ.

Trên bước đường học Phật, trước tiên Cửu Thành được cư sĩ Hà Mai Sơn trao tặng cho quyển Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam. Sau khi xem xong, ông phát lòng tin, gia nhập vào Phật học hội ở Dư Dao. Lâu ngày được Hà cư sĩ và các bạn đồng tu nhắc nhở, lòng tín nguyện của ông càng thêm bền chắc. Thời bấy giờ hàng phụ nữ địa phương này còn tập quán mê tín, nghĩ rằng niệm một câu Phật sẽ được phước báu một đồng tiền. Cửu Thành cùng cháu là cư sĩ Chiêu Không thường giảng diễn hết sức giải thích điều sai lầm ấy. Do đó nữ chúng ở Dư Dao mới biết sự lợi ích niệm Phật được sanh về Tây Phương, nên tu Tịnh Độ mỗi ngày càng thêm đông. Kế tiếp nhân các cư sĩ tỉnh Tịnh Quyền pháp sư đến Phật học hội giảng về kinh điển đại thừa, Cửu Thành hiểu biết càng sâu rộng thêm, tin chắc cõi Tây Phương quả thật có, cảnh ngũ trược dễ chìm mê, lòng ưa chán lại thâm thiết hơn. Mỗi buổi sáng ông đều thức dậy sớm trì niệm, sự tu tập hàng ngày đều có định khóa. Đối với việc giới sát phóng sanh, ông tuân hành rất cẩn mật.

Mùa hạ năm Đinh Mão thời Dân Quốc, Cửu Thành mới chánh thức thọ Tam quy với Bảo Tịnh pháp sư. Đến năm Canh Ngọ, nhằm ngày vía Địa Tạng lại thọ thêm Ngũ giới. Sang tháng chín ông bị bệnh hạ lỵ thuốc thang điều trị không công hiệu, liền quyết ý gác bỏ muôn duyên, ở riêng trong một gian tịnh thất chuyên tâm tinh tấn niệm Phật. Đêm mười chín tháng ấy, trong

khi tịnh niệm, Cửa Thành bỗng thấy cảnh giới Cực Lạc màu đẹp trang nghiêm, hiện ra tỏ rõ. Giây lâu thẳng tướng mới ảm, song ánh sáng vẫn còn rạng rỡ trước mắt. Cách vài đêm sau lại trông thấy nữa. Lúc đó bệnh trở nặng, ông tự biết mình không qua khỏi. Các liên hữu cùng Chiêu Không cư sĩ đến viếng thăm, an ủi sách tấn. Cửa Thành nói: "Mỗi ngày tôi đều cầu Quán Thế Âm Bồ Tát gia bị cho nghiệp chướng mau tiêu trừ, tịnh duyên sớm thành tựu!".

Vài hôm sau, ông gọi hai con trai lại dặn dò hậu sự, dạy thỉnh các bạn đồng tu mỗi ngày đến trợ niệm. Lại bảo vợ rằng: "Từ giờ phút này, tôi chỉ để tâm cầu Phật tiếp dẫn. Khi tôi sắp mãn phần, đừng cho dâu con lại gần, vì e chướng ngại đến sự vãng sanh!". Đêm trước khi lâm chung, hai cư sĩ Hà và Lý hướng dẫn đoàn liên hữu trợ niệm. Cửa Thành vẫn theo đại chúng thâm trì danh niệm Phật. Bảy giờ sáng hôm sau, Hà cư sĩ thấy sắc mặt ông hơi đổi khác, liền cảnh giác rằng: "Thời khắc này rất khẩn yếu, phải nên gắng sức!". Đại chúng đều đứng vây quanh to tiếng niệm Phật, Cửa Thành sẽ động môi thâm niệm theo. Độ mười lăm phút sau, thấy môi miệng chẳng còn máy động, một liên hữu sẽ dò thăm, thì ông đã tắt hơi. Bảy giờ nhằm ngày hai mươi mốt tháng mười một, năm Dân Quốc thứ mười chín. Ông hưởng dương được năm mươi lăm tuổi.

Lời bình:

Kinh nói: "Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng đến khắp mười phương nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật!". Cho nên nếu kẻ nào chí tâm thanh tịnh niệm hồng danh A Di Đà, do duyên cơ cảm sẽ thấy ánh sáng đó, và cũng nương theo quang minh ấy mà được thấy Phật hoặc cõi Tịnh Độ. Sự mục kích ánh sáng và cảnh Tây Phương của Diệp Cửu Thành, chứng tỏ cõi Cực Lạc có thật, không phải là lời thí dụ, hoặc cõi phương tiện giả lập để khuyến dẫn người tu.

PHAN TRINH QUẾ

Phan Trinh Quế, người huyện Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông. Ông nhà nghèo, lúc thiếu thời thường theo bọn vô loại kéo bè lũ ăn chơi, tung hoành phá rối khắp trong vùng ấy.

Trong khoảng hai năm Canh Thân, Tân Dậu thời Dân Quốc, nhân cư sĩ Phan Đối Phù đi quyên tiền xây cất chùa Tịnh Cư ở Tế Nam, Trinh Quế nghe giảng nói pháp môn Tịnh Độ, liền một lòng quy hướng. Kế được xem quyển Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, ông sửa đổi tâm hạnh, trường trai giới sát, gắng sức làm lành và tùy phương tiện giúp đỡ người. Trước kia ngày nào cũng say sưa, nhưng từ khi ăn năn cải hối, một giọt rượu cũng không thấm vào môi. Mỗi ngày ông đều quý niệm Phật một cây hương, lấy đó làm thường khóa. Bảy giờ gặp lúc bệnh hoạn, thấy cảnh khổ do nghiệp sát diễn ra

rất thâm, mỗi khi trì tụng ông đều quý sám hối tiên thiên, lệ rơi theo tiếng.

Mùa đông năm nọ, Trinh Quế cảm thấy sức khỏe kém dần, trong người thường đau nhức mỗi nhọc. Dây dưa đến tháng ba năm sau bệnh tăng nguy kịch. Song ông cũng cố gắng giữ câu Phật hiệu, căn dặn người nhà, đừng rối động lo thương, làm cho mình mất chánh niệm. Một hôm, ông bỗng tự nói: "Vừa rồi, có hai vị đồng tử tướng mạo thanh đẹp hiện đến trước mặt, thốt lời khen ngợi, rồi lấy tay xoa nơi đầu tôi!". Lại một ngày, Trinh Quế bảo vợ: "Mau nấu nước cho tôi tắm gội và đem y phục mới để thay đổi, vì tôi sắp ra mắt Tây Phương Tam Thánh". Xong mọi việc, vừa ngồi lại giường, ông bỗng nói: "Tây Phương Tam Thánh đã quang lâm đến!". Rồi thôi thúc đôi ba phen, bảo vợ mau đốt hương. Kế đó chấp tay bảo: "Tôi quyết định được sanh về Cực Lạc!". Nói xong liền mất phần. Lúc ấy ông vừa được 40 tuổi.

ÂU DƯƠNG TRỤ

Âu Dương Trụ tự Thạch Chi, hiệu Liễu Nhứt cư sĩ, người ở phủ Tân Hội, tỉnh Quảng Đông. Buồi thiếu thời ông học Nho, chủ trương việc thay đổi pháp chế cho nước giàu dân mạnh, hằng lấy điều này làm chí hướng. Sau thấy nền chánh trị nhà Thanh càng lúc càng rối bời không cương kỷ, biết chẳng thể làm chi được,

nên lòng nguội lạnh đối với việc quốc gia, theo Dương Nhân Sơn cư sĩ học Phật.

Sau khi quy y Tam Bảo, ông hướng về Tịnh Độ, mỗi ngày hằng niệm hồng danh Phật, kiêm tu môn quán thứ 13 trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Thạch Chi có lập một khu tiểu viên nơi trấn Long Hoa tại Thượng Hải, thường đóng cửa để tu niệm. Lâu ngày pháp quán thành, lúc nhắm hay mở mắt đều thấy thảng tướng hiển hiện. Do đó ông cực lực đề xướng môn tu của mình, khi luận biện thường cao hứng vỗ bàn, vẻ mừng rỡ lộ ra nét mặt dường như cho rằng tất cả việc đáng quý thuộc thế gian và xuất thế gian, không chi hơn Tịnh Độ. Thái độ thành khẩn ấy đã cảm được nhiều người hưởng ứng niệm Phật cầu vãng sanh. Mẹ của Thạch Chi là Châu Thái nghi như giữ tiết thanh trinh, sương cư đã mấy mươi năm, lúc tuổi già do ông khuyến tấn, cũng tu trì không xen hở.

Vào niên hiệu Tuyên Thống năm đầu, Âu Dương Trụ ngồi niệm Phật rồi lặng lẽ qua đời. Khi lâm chung cảm hiện điềm lạnh rất nhiều. Tập sách nhỏ Quyết Định Sanh Tây Phương Nhứt Khóa của ông viết ra được lưu hành rất rộng. Ông rất chú ý đến việc giới sát hộ sanh. Muốn cho mọi người bớt nghiệp sát, hướng về đạo Phật, ông cùng các đồng bạn nghiên cứu cách nấu chay đủ tánh chất vừa bổ dưỡng vừa ngon miệng, rồi viết sách quảng bá khắp nơi. Để chứng minh điều ấy, Thạch Chi còn lập một tiệm cơm chay tại Thượng Hải,

lấy tên là Công Đức Lâm, được hàng nhân sĩ trong và ngoài nước tán thưởng. Từ đó phong trào ăn chay và lập các tiệm cơm gọi là Tổ Thực Quán, lần lượt nổi lên khắp các thành phố lớn trong nước. Công đức lợi sanh của ông thật sâu rộng.

Trước khi lâm chung, Thạch Chi cảm bệnh nhẹ, mỗi ngày chỉ niệm Phật không một lời đề cập đến việc nhà. Có người hỏi: Phải sắp xếp gia sự như thế nào? Ông ngẫu nhiên đáp thành lời kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn, bọt, bóng
Duy niệm Phật sanh Tây
Mới là điều chân thật!
Quản chi đến việc trần
Mặc thanh, suy, được, mất!

Khi sắp mãn phần, trạng mạo của ông cực an lành, không lộ một nét thống khổ, chỉ sẽ động môi thâm niệm Phật cho đến lúc tắt hơi mới thôi. Mấy giờ sau khi thọ chung, đánh đầu hãh còn nóng. Ba hôm sau mới đại liệt, tay chân ông vẫn mềm dịu, gương mặt tươi tắn lộ sắc sáng nhuận. Đến ngày thứ 7, nơi gian lâu của Thạch Chi thường tu tịnh khóa, bỗng có một vàng khói sáng trắng như mây tỏa mùi thơm bát ngát, bay xung quanh rồi lan rộng ra, hơn một giờ mới tan. Khi đó trong nhà không có ai đốt hương cả. Gia nhon cùng những người phúng điệu đến gần linh cửu của ông, ai nấy đều nghe mùi hương lạ thơm sực nức. Lúc

sanh thời, bà vợ Thạch Chi hỏi rằng: "Trọn ngày ông chăm chăm tu tịnh nghiệp, có chi để làm bằng chứng chẳng?". Ông đáp: "Ngày sau tôi vãng sanh, sẽ phóng mây hương cho bà biết tin tức!". Ban sơ người vợ chỉ nghĩ là lời nói cho qua, đến bây giờ mới biết quả có ứng nghiệm.

TRẦN TÁNH LƯƠNG

Trần Tánh Lương tự Tích Châu, quê ở huyện Vô Vi, tỉnh An Huy. Ông là người thuộc giới thương chánh, tuổi trung niên mới sanh được một đứa con trai đặt tên là Thiện Thọ, bẩm sinh tánh khá thông minh, nhưng chẳng may lại yếu số vào lúc mười bốn tuổi. Tánh Lương tự nghĩ mình xưa nay giữ lòng nhân hậu thường làm điều phước đức, tại sao lại tuyệt tự, nên đối với việc nhân quả báo ứng hoàn toàn không tin. Bà bạn kế phối là Hồ phu nhân tánh hiền lành rất tin Phật pháp, biết mỗi chấp của chồng không thể giải thích, chỉ gắng sức âm thầm tu trì, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm để cầu tự. Không bao lâu cô có thai, nhưng lúc sắp sanh bỗng vươg nạn. Trong vòng hai mươi chín ngày, cô không thể ăn uống nói năng hoặc day trở, mình nóng hực như lửa, thân gầy tọ củi khô. Các hàng danh y Trung, Tây đều bó tay, tuyệt không còn hy vọng cứu sống.

Một đêm Hồ thị nằm mơ thấy bà lão cầm cành hoa sen cọng dài, phát từ đầu đến chân bảo: "Do túc nghiệp

người mới vương trọng bịnh, song cũng may nhờ biết tu niệm chí thành. Nay ta quét trừ nghiệp chướng và cho người một đứa con tốt!". Lúc đó cô cảm thấy thân tâm mát mẻ, kinh lạ vui mừng chợt tỉnh, thì bịnh dường như tan biến đâu mất, xuống giường đi lại như thường. Sáng ra liền sanh được một đứa con trai nặng cân khỏe mạnh, tướng mạo phương phi tốt đẹp. Sự kiện khác thường này làm cho Tánh Lương rất kinh ngạc! Nhưng sau khi hỏi han và nghe vợ thuật lại mọi chi tiết, ông mới tin sự lý nhân quả trong ba đời đều chân thật không phải hư vô. Nơi thâm tâm, ông rất cảm ơn đức từ bi rộng lớn của chư Phật, Bồ Tát. Từ đó vợ chồng cùng trường trai niệm Phật, quyết ý tu trì, cứu giúp người nghèo khổ hoạn nạn, cất chùa trai tăng, tất cả việc lành đều gắng hết sức tu hành. Biết việc Hồ thị dứt bịnh sanh con, chính do đức Quán Thế Âm cứu độ, nên Tánh Lương thường đến chùa núi Phổ Đà triều lễ Đại Sĩ. Vợ chồng đều quy y với Ấn Quang pháp sư, Trần Tánh Lương pháp danh là Liễu Viên, và vợ Hồ thị pháp danh là Liễu Thường. Khoảng Dân Quốc năm đầu, các chùa nơi núi Phổ Đà đều khiếm lương thực, và toàn vùng bị chánh phủ trưng dụng cho kiều dân người Đức ở. Tánh Lương bôn tẩu nhờ các bạn trong hàng quan liêu giúp đỡ can thiệp, nên kết cuộc nạn khỏi tai qua. Cư sĩ lại tự xuất của trùng tu tháp Đa Bảo và làm các Phật sự xây cất lại bản sơn để báo ân Tam Bảo.

Niên hiệu Dân Quốc thứ chín, vợ chồng và con cái năm người cùng thọ giới Bồ Tát nơi chùa Pháp Nguyên tại Bắc Kinh. Ba năm sau, Liễu Thường bỗng lâm bệnh. Vào ngày hai mươi tám tháng hai, đúng đang niệm Phật, cô bỗng thấy hai vị đồng tử cầm tràng phan có bốn chữ: "Tây Phương Tiếp Dẫn". Biết là điềm sắp vãng sanh, cô nhờ chồng thỉnh bốn vị tăng đến nhà giúp sám hối niệm Phật. Tới ngày hai mươi tám tháng sau, bệnh được an lành. Nhưng sang thượng tuần tháng tư, Liễu Thường lại thấy trong người không khỏe, tự biết quy kỳ sắp đến, liền một lòng niệm Phật cầu sớm vãng sanh. Vào bữa mừng năm, Tánh Lương thỉnh chư tăng đến nhà, bảo người trong gia thuộc hợp cùng đại chúng luân phiên trợ niệm cho ngày đêm tiếng Phật không dứt. Liễu Thường cũng thâm trì niệm theo. Sáng ngày mừng sáu cô bảo người nhà nấu nước cho mình tắm gội thay y phục. Đoạn cố gắng đến trước bàn Phật niệm hương lễ bái, rồi nhờ xây giường để mình nằm nghiêng bên hữu day mặt về hướng Tây. Khi nằm yên xong, cô chuyên tâm niệm Phật cho đến giờ Hợi, bỗng chợt ngồi dậy chấp tay nói: "Tây Phương Tam Thánh đã đến!". Lại bảo: "Còn thiếu ba ngàn câu Phật, niệm đủ tôi sẽ đi!". Lúc đó hàng tăng tục hơn ba mươi người đều lớn tiếng niệm hồng danh. Liễu Thường cũng cao tiếng niệm theo được một lúc gương mặt lộ nét tươi cười rạng rỡ mà qua đời. Khi ấy trong nhà bay thoảng

mùi hương lạ. Giờ Ngọ hôm sau nhập liệm, đánh đầu cô vẫn nóng, tay chân mềm dịu, hơi thơm hãh còn.

Khi Thiên Thọ, đưa con trai đầu lòng yếu số, vì gặp cầu tự, Tánh Lương cưới thêm cô thiếp là Sa thị mới mười bảy tuổi. Về nhà chồng được mấy năm cô nhờ sự huấn luyện, cũng khởi lòng tin chân chánh, quy y với Ân Quang pháp sư, pháp danh là Liễu Từ. Từ đó Sa thị giữ chắc năm giới, trường trai niệm Phật. Về sau Liễu Từ đau dây dưa mãi không lành, nằm trên giường bệnh suốt hai năm. Song lòng tín nguyện bền chắc, cô vẫn không rời câu niệm Phật. Ngày rằm tháng hai năm Dân Quốc thứ mười chín, nhằm lễ vía đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, cả gia đình cùng thỉnh chư tăng tập họp tại nhà, tu Đại Bi Sám Pháp. Vừa đến ngọ lễ sám xong, đưa con gái bung chén nước có trì chú Đại Bi cho Liễu Từ uống. Cô gượng ngồi dậy tay run rẩy tiếp lấy chén nước, tự nói thấy nước trong đó chao động phóng ra ánh sáng. Tánh Lương đứng một bên vội đỡ tay bung chén giùm. Lúc đó cô lại bảo thấy tay ông cầm hoa sen, e rằng thời khắc vãng sanh đã đến. Tánh Lương nghe nói liền ra ngoài thỉnh chư tăng vào phòng trợ niệm. Liễu Từ bỗng quì nơi giường cúi lạy nói: "Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từ cõi Cực Lạc phóng quang tới chiếu sáng khắp thân mình". Tánh Lương khuyên cô nên xả bỏ tất cả, chỉ một lòng chuyên cầu Đại Sĩ tiếp dẫn. Liễu Từ vâng lời chấp tay chúc nguyện: "Con đau bệnh chịu sự thống khổ đã nhiều, cầu cho người đời sớm được

giải thoát, xa lìa bệnh khổ. Xin Bồ Tát xót thương tiếp dẫn con về cõi Cực Lạc!". Quá ngộ hai giờ, cô nói: "Bồ Tát đã quang lâm! Xin thỉnh chư tăng ra ngoài, để con lau mình thay y phục". Nhưng khi vừa thay áo, cô lại bảo: "Đức A Di Đà đã đến từ xa, đang duỗi tay phóng quang tiếp dẫn, có Vi Đà Kim Cang theo hầu hạ, xin mau thỉnh chư tăng vào trợ niệm!". Lúc đó Liễu Từ không kịp mặc áo tràng vội ngồi kiết già chấp tay liên tiếp niệm A Di Đà Phật rồi nói: "Tôi đi đây!". Đoạn liền nhắm mắt lạng lẽ vãng sanh, hai tay vẫn còn chấp nơi ngực. Khi ấy tất cả người trong nhà đều nghe di hương bát ngát. Đến trưa hôm sau đánh đầu cô còn nóng, sắc mặt tươi tắn sáng nhuận hơn lúc sanh tiền.

Tánh Lương mục kích thân, tiếp do niệm Phật đều được điềm lành và chứng nghiệm vãng sanh một cách hiện thật, lòng tin càng thêm bền chắc. Sau khi ấy ông tu chỉnh ngôi tiền đường thờ cúng trang nghiêm như cảnh chùa am, để bảng hiệu Niệm Phật Cư Sĩ Lâm, thường tập hợp chư liên hữu lại cùng nhau tu trì sách tấn. Mùa đông năm Tân Mùi cư sĩ vương vịnh, sắm lễ thỉnh chư tăng chùa Thiên Phước đến lưu trụ tại Cư Sĩ Lâm, mỗi ngày vào phòng xưng hồng danh, để được thường nghe Phật hiệu thành tựu chánh niệm. Tới ngày mười một tháng ba năm Nhâm Thân (1932), vào lúc chánh ngộ, Tánh Lương nói: "Tôi thấy Phật, Bồ Tát tướng tốt trang nghiêm và hoa sen rất to đẹp!". Chư tăng cùng người nhà biết thời khắc Tây quy của ông đã

đến, đều họp lại phòng cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ cũng ngồi lần chuỗi sẽ niệm theo, tới quá Ngọ hai giờ yên lặng vắng sanh.

Chiều hôm ấy cư sĩ Từ Huát Như, bạn thân của Tánh Lương, cũng là vị Lâm trưởng, nghe tin cáo phó vội cho mời đoàn liên hữu cùng đến phúng điệu. Khi phái đoàn tới nơi thì đã tám giờ tối. Chư liên hữu đều thấy Tánh Lương vẫn còn ngồi kiết già ngay thẳng, tay cầm chuỗi, gương mặt tươi tỉnh như sống. Thử dò xem thì đánh đầu còn nóng, tay chân mềm dịu.

GIANG AM NAM

Giang Am Nam người ở Vụ Nguyên, tỉnh An Huy. Lúc lớn tuổi, do cư sĩ Giang Diệc Viên khuyên xem các kinh sách Tịnh Độ, ông mới phát lòng tín nguyện tu hành. Mỗi sớm hôm, Am Nam đều hướng dẫn hai đứa cháu nhỏ tụng kinh niệm Phật.

Đến tháng 3 năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, ông bị chứng ung thư phát bối. Ông tự biết mình không qua khỏi. Giang Am Nam càng gắng sức tinh chuyên niệm Phật. Do đó tuy bệnh nặng, cũng không cảm thấy bị quá dày vò thống khổ. Một đêm bệnh thể tăng nhiều, ông quyết xả bỏ tất cả, chuyên tâm trì niệm. Bỗng nhiên trước mắt mở hiện ra cảnh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trang nghiêm sáng đẹp không thể hình dung! Sau khi ấy, Am Nam gượng đau, viết thư gửi cho Diệc Viên, dưới đây trích phần đại khái:

"... Đệ đang bệnh nặng. Vào giờ Dần ngày 25 tháng 3, sau cơn sấm sét mưa to, trời bỗng sáng tạnh như ban ngày. Nhìn về phương Tây, đệ chợt thấy chân cảnh cõi Cực Lạc sáng rực rỡ rộng mênh mang, không biết đâu là bờ mé! Trong đó lầu các nguy nga, ao sen tươi đẹp, cây báu tháp ngọc, toàn là thất bảo trang nghiêm, nhiều cảnh lạ màu không làm sao tả xiết! Lúc ấy Phật ngồi giữa hư không bảo đệ lên tiếp kiến. Nhưng khi đệ vừa đến trước đức Thế Tôn, thì hình tướng và âm thanh của ngài bỗng xa nhỏ dần rồi tất cả chợt tan biến. Do đây, đệ càng tin chắc thế giới Cực Lạc ở Tây Phương là quả có và hiện thật..."

Từ đó Giang Am Nam càng siêng năng trì niệm. Ông lại dặn trước người nhà, khi mình sắp mất chớ thương khóc, nên đồng thanh xưng danh hiệu Phật, đợi khi thân thể hoàn toàn lạnh sẽ tấn liệm. Trong đám tang phải dùng thức chay tuyệt đối trừ bỏ rượu và đồ huyết nhục. Sang tháng 4, vào ngày 22, Giang Am Nam niệm Phật mà vãng sanh. Thân quyến lo việc trợ niệm và đám tang y theo lời di chúc.

Đồng thời cũng tại bản thôn, có người bà con của Am Nam là Giang Nhậm Thuyên, trước nay vẫn đồng tu Tịnh Độ. Năm Tân Mùi, Nhậm Thuyên cảm bệnh ngày thêm nguy kịch, song chẳng rời câu niệm Phật. Sang tháng 4 năm Nhâm Thân, vào ngày 23, ông bỗng chết ngất. Gia nhor vợ thỉnh vài liên hữu đến trợ niệm. Không bao lâu ông tỉnh lại, nói với người xung quanh

rằng: "Vừa rồi tôi bị dẫn đưa tới Âm ty, Diêm Vương xử rằng: do túc nghiệp đáng lẽ tôi phải đọa vào loài Nga quý, song vì biết quy y Tam Bảo niệm Phật tu hành, lại nhờ sức trợ niệm của gia nhơn và các liên hữu trong 7 ngày nay, nên nghiệp báo ấy tiêu diệt, được phóng thích cho trở về". Sáng hôm sau, Nhậm Thuyên dạy các con đứng chấp tay niệm Phật. Lại bảo vợ ngồi đối trước mình, rồi chậm rãi nói rằng: "Thánh chúng ở Tây Phương đã đến tiếp dẫn, hiện còn đứng giữa hư không. Tôi xin giã biệt và nguyện trong thân quyền từ nay đồng siêng cần tu niệm để cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang!". Nói xong ngồi ngay thẳng mà qua đời.

LÝ QUỐC TUYỀN

Bé Lý Quốc Tuyền nguyên là con của cư sĩ Lý Tây Canh, ở huyện Miên Dương tỉnh Tứ Xuyên. Em học hành không được sáng lắm, duy có điều khi thấy cha hôm sớm tụng kinh niệm Phật thì đặc biệt chú ý, thường lên ngồi xem nghe, Tây Canh vẫn để nguyên không ngăn cấm. Đồng tử cũng chẳng đợi cha dạy bảo, tự động tập lễ bái tụng niệm theo. Không bao lâu, em thuộc lòng chú Đại Bi. Từ đó mỗi buổi trưa đi học về, Quốc Tuyền đều đến trước bàn Tam Bảo lễ ba lạy, ngồi tụng chú Đại Bi ba biến, niệm Phật độ hơn trăm câu rồi mới xuống ăn cơm.

Mùa xuân năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, đồng tử theo ông nội đi du ngoạn danh lam thắng cảnh. Em

thường nhìn về phương Tây, hỏi ông rằng: "Núi Côn Lôn ở đâu? Cõi Cực Lạc cách đây bao xa?". Khi trở về nhà, một hôm lại đem câu kệ trong kinh Đại thừa hỏi cha, xin giải thích.

Ngày mừng hai tháng trọng hạ năm ấy, Quốc Tuyên bỗng vương chứng bệnh nóng lạnh nhức đầu, mấy phen điều trị không công hiệu. Đến ngày 12, em đòi ăn hạt sen tươi. Sáng sớm 13, có người bà con đem ba cành hoa sen và ba cái gương sen đến nói để cúng Phật. Đồng tử nằm ở trong phòng nghe biết, đòi lấy hạt sen ăn. Trong hai ngày 18 sang ngày 19, em đau bụng mỗi lúc thêm nhiều, xin cha tụng chú Đại Bi vào nước để uống, uống xong chứng đau bụng liền bớt.

Đêm ấy Lý Tây Canh lại tụng chú Đại Bi vào nước, định cho con uống. Niệm chưa xong biến thứ hai, ông bỗng thấy nơi đầu Quốc Tuyên hiện ra vàng hồng quang sáng rực lớn như cái đầu. Ánh sáng đỏ chói lên đầu màn giấy lâu mới tắt. Cư sĩ lại gần xem thấy con ngủ say, cũng lui trở về giường của mình nằm nghỉ. Giây phút Tây Canh mộng thấy có ba vị cao lớn mặc khôi giáp theo thời xưa đứng trước giường đồng tử, kế tiếp nghe tiếng con kêu đau bụng. Ông giật mình thức giấc lại thăm thấy thân sắc Quốc Tuyên đã bị biến đổi, vội gọi người nhà vây quanh niệm Phật. Đến gần sáng, đồng tử gượng ngồi dậy, to tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật một câu, liền tắt hơi. Hơn nửa ngày sau, đánh đầu em còn nóng ấm, gương mặt hiện ra hồng quang.

Qua ngày kể, liệm vào quan tài cũng không nghe mùi hôi, mặc dù lúc đó tiết trời đang nóng nực.

Tối mừng hai tháng bảy, người nhà theo tục lệ thế gian làm lễ Trừ ương, đem chăn nệm và y phục cũ của em ra đốt. Nửa đêm đó, bỗng nghe giữa hư không có tiếng âm nhạc dìu dặt nhiệm mầu. Sáng ra xét nghiệm lại, nơi các đồng tro đều hiện nét hoa sen tươi đẹp in như vẽ.

CHÂU TRIỆU PHÁP

Châu Triệu Pháp người ở phường Nghĩa Ô, tỉnh Triết Giang. Lúc tuổi trẻ ông nổi tiếng nơi nhà trường về văn chương lưu loát, học hành gồm ưu. Nhưng vì cảnh nhà thanh bần khó nổi tiến thân, ông đành gác bỏ việc khoa cử, làm nghề dạy học để nuôi sống.

Hơn 60 tuổi, Triệu Pháp lại phạm phải tật trùng thính, tai nghe lũng bùng. Khi đó ông mới xét tỉnh mộng đời, phát tâm học Phật. Cảnh nhà càng lúc càng khó khăn, lắm khi ông phải tụng kinh mượn để duy trì sự sống. Lúc rồi rảnh, lại chuyên tâm niệm Phật. Bà vợ của ông đã mù lòa từ trước, cũng theo chồng lo tu tịnh nghiệp.

Mùa hạ năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, đôi mắt của Triệu Pháp cũng tiếp theo mù lòa, vợ chồng phải chịu khổ sở sống trong cảnh tối tăm chật vật. Biết là nghiệp đời trước phát hiện, ông cam lòng ản nhẫn,

ngày đêm tha thiết niệm Phật không dứt, cầu được sớm sanh về Tây Phương.

Quang âm thắm thoát, đến sáng ngày mùng 1 tháng 9, Triệu Pháp bỗng gọi vợ bảo rằng: "Đêm vừa rồi, đức A Di Đà Thế Tôn hẹn trước tiết Trùng Dương, sẽ tiếp dẫn tôi về Cực Lạc. Bà nên chuẩn bị giúp sức trợ niệm để thêm kết duyên lành!". Bà vợ e dè đáp: "Ông thử xét nghiệm lại xem? Dù có thật cũng phải cẩn thận, chớ nên vội nói với người ngoài!". Triệu Pháp cũng hỏi mình lỗ lờ, lấy tay vả vào má để tự răn. Tới ngày mùng 3, ông lại ôn tồn khuyên vợ gia công niệm Phật và nói: "Hãy bền chí cố gắng tinh tấn, chớ nên thương buồn! Hai năm sau tôi sẽ theo Phật đến tiếp dẫn bà sanh về Cực Lạc! Xế mai vào giờ Mùi là thời khắc tôi quy Tây. Tới chùng đó bà chớ nên than khóc, gắng bình tĩnh niệm Phật trợ duyên". Dặn dò xong, liền cùng vợ lần đến Phật đường, khóa tụng như thường lệ.

Đúng Ngọ ngày mùng 4, dùng cháo trưa xong, Triệu Pháp nói: "Xin giã biệt, từ đây về sau tôi không còn ăn nữa!". Nói đoạn lên lễ Tam Bảo, rồi ngồi ngay thẳng niệm Phật, âm vận rất thanh nhuận. Sang giờ Mùi, thần thái an lành, ông chấp tay mỉm cười rồi nhắm mắt đi thẳng. Khi nhập liệm, đánh đầu hãy còn nóng.

Lời bình:

Rõ biên đời sóng khổ dập dồn, biết quay đầu tỉnh ngộ cố gắng tu hành, là điều đáng khen thứ nhất. Gặp

cảnh mù lòa nghèo khổ, cam lòng ăn nhẫn không trách buồn thối chuyền, vẫn tinh tấn tu niệm, là điều đáng khen thứ hai. Bởi thế cho nên, tâm thành cảm cách, Phật Thánh chứng tri, nghiệp chướng tiêu trừ, sớm về Cực Lạc. Thân như huyễn lần tan nơi trước độ, tướng đẹp nghiêm bỗng hiện chôn Liên Trì. Đông buồn tuyết lạnh trải qua, xuân sang oanh ca lại đến. Nỗi vui khổ cảnh trần như bóng mộng, nửa thương bi nửa tự mơ hồ. Duyên đẹp lành cõi ngọc rưới mưa hoa, mùi thanh dịu mùi pha giải thoát. Cảnh duyên của Châu Triệu Pháp đáng thương mà cũng đáng mừng vậy!

KIM VINH HIÊN

Kim Vinh Hiên người ở Lô Giang, tỉnh An Huy, nhân buôn bán thua lỗ ôm lòng uất ức, lần đến phát cuồng. Nhưng tuy thân kinh thác loạn, ông rất thích vào chùa đốt hương, kính thành lễ Phật.

Về sau có một vị thông hiểu nội điển là nữ sĩ Vương Kim Phạm, biết hiện tượng đó do túc nghiệp chiêu cảm, nên dạy cho biết pháp môn Tịnh Độ, và bảo phải niệm Phật sám hối cầu sanh về Tây Phương. Kim Hiên nghe nói vui mừng, liền trường trai niệm Phật. Mỗi buổi sáng sớm sau khi súc miệng rửa mặt xong, ông đều ngồi chấp tay hướng về Tây, cao tiếng xưng hồng danh A Di Đà. Ngoài ra, các thời khác cũng thường trì niệm. Có nhiều người hỏi: "Niệm Phật mãi như thế để làm chi? Có ích lợi gì?". Kim Hiên gạn lại:

"Cứ niệm như tôi đi rồi sẽ biết. Tại sao không chịu niệm, lại cứ hỏi tôi?". Khi đi ngoài đường thấy trẻ con chơi đùa, ông liền to tiếng xưng hồng danh, rồi khuyên chúng niệm Phật. Lũ trẻ cũng đùa lại, niệm theo. Người nơi chợ phố thấy Kim Hiên vừa đi vừa ngạo niệm Phật, đều chỉ trỏ cười ngạo bảo: "Xem kia, cái ông điên khùng!". Kim Hiên cũng quay lại cười ngạo nói: "Chính mấy người mới thật là điên khùng!".

Mùa thu năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, Kim Hiên nằm liệt giường bệnh, không ăn được chỉ uống nước trong, song vẫn niệm Phật không dứt. Vừa sang đông, ông bỗng nói: "Gấp gấp quy căn, tôi đi đây!". Người nhà đều cho là bệnh cuồng tái phát. Cư sĩ Từ Tử Diêu nhân đến thăm, nghe biết bảo: "Quy căn là trở lại nguồn gốc, ý nói lá rụng về cội. Hay là ông ta muốn quy y Tam Bảo, để sanh về Tây Phương chăng?". Kim Hiên nghe qua lộ sắc vui mừng nói: "Tốt lắm! Rất đúng!". Từ cư sĩ liền đi thỉnh Tế Lâm pháp sư đến truyền thọ Tam quy, đặt cho pháp danh là Kim Khiết. Trước đó Kim Hiên nằm nhắm mắt, chỉ còn hơi thở mong manh thoi thóp, nhưng đến lúc làm lễ quy y, tinh thần chợt tỉnh táo phấn chấn. Người nhà thử hỏi pháp danh, đều đáp rành rẽ.

Ba ngày sau, vào giờ Dậu, ông bỗng gọi vợ bảo: "Tôi sắp vãng sanh, cô nên phát tâm gắng chí niệm Phật!". Người nhà nghe nói, đều vây quanh đồng thanh trợ niệm. Kim Hiên gượng ngồi dậy, chấp tay hướng về

Tây, an lành mà thoát hóa, hưởng dương được 41 tuổi. Ngày kế nhập liệm, sắc diện ông tươi tỉnh như sống. Cô vợ nhân đó, sanh lòng tin ăn chay niệm Phật, mỗi buổi sáng đều hướng dẫn con cái trì tụng để truy tiên cho chồng. Hàng nhơn sĩ tại địa phương nghe thấy việc này, một số đông người phát lòng tín hướng.

KHUYÊN TU TỊNH ĐỘ

I

Di Đà thế lớn há nguyên không?
Mười niệm xưng danh chẳng uổng công
Chớ ngại cõi trần rồi vắng khách
Chỉ e lưới nghiệp vẫn trăm vòng
Muôn sông về biển bờ đâu ngập?
Trăm nước châu vua điện vẫn thông
Đễ đến không người, thôi đáng tiếc!
Việc chi còn mền cảnh lao lung?

Giải thích:

Liên tiếp tám bài thi trong đoạn này, đều là của Tỉnh Am đại sư. Để được dễ trực nhận, bút giả xin giải thích ngay từng bài:

Có kẻ hỏi: “Nếu khuyên mọi người vãng sanh hết, thì cõi này còn ai ở? Và nếu tất cả người đều về Cực Lạc, nơi đó đất đâu mà dung chứa?”. Đại sư đáp: “Chớ vội lo cõi này không người ở, chỉ e cho ngay trước mắt lưới nghiệp vây quần khiến liền bị sa đọa! Lại như muôn sông đổ về biển, biển đâu bị tràn ngập? Sư giả trăm nước đến châu

vua, điện Hàm Dương vẫn rộng thông. Cảnh Tịnh Độ tùy
nguyện lực của Phật biến hiện cũng như thế. Chỉ tiếc cõi
Cực Lạc dễ về mà người đời còn mền cảnh lao tù tam giới,
không chịu cầu vãng sanh đó thôi!

II

Người đồn Thiên Trúc chính Tây Phương
Thiên Trúc, Chi Na chỉ cách tường
Nghiệp ở cõi như bàn tịnh uest
Thân nơi nhà lửa luận viêm lương
Ba ngàn thế giới trong luân chuyển
Muôn ức càn khôn thật cố hương!
Đến đến chớ sâu đường cách trở
Niệm tâm vừa tịnh thấy Không Vương.

Giải thích:

Đương thời có nhiều kẻ lầm nhận cõi Tây Phương tức
Thiên Trúc, cách xứ Chi Na là nước Trung Hoa mười muôn
tám ngàn dặm. Lại có người luận mười muôn tám ngàn tức
chỉ cho Thập bát giới gồm sáu căn, sáu trần, sáu thức, diệt
mười tám giới sẽ thấy cảnh Tây Phương của tự tâm. Đại sư
đáp: 'Thiên Trúc với Chi Na chỉ cách tường vách nghĩa là
rất gần nhau, cũng đồng ở nơi cảnh nhà lửa ngũ trược của
Ta Bà, đâu phải là Cực Lạc? Còn luận về Cực Lạc tự tâm
tức Duy Tâm Tịnh Độ, thì chỉ nên để cho bậc đã đắc Vô
sanh nhẫn. Đối với phàm phu đầy nghiệp chướng, thân còn
ở trong nhà lửa mà vội không hóa sự như sạch, nóng mát
theo luận thuyết duy tâm, không chịu niệm Phật, tất bị xe
luân hồi quay, lửa tam giới đốt mà thôi. Chúng sanh nơi tam
thiên đại thiên thế giới còn ở trong vòng luân hồi. Chỉ cõi

Cực Lạc ngoài mười muôn ức Phật độ kia mới thật là quê hương, vì khi được về đó tất không còn bị nổi trôi luân lạc nữa”.

III

Ai rằng: mọi chỗ tức Tây trì
Cao, thấp, sạch, nhơ có ngại gì!
Nhà xí khi vào sao bịt mũi?
Vùng lầy quá bước vén xiêm y?
Ốm đau lắm, lại thương thân khổ
Nắng gió chiều, than trái tiết thì!
Chớ nói lời suông sai thật hạnh
Hồi tâm mau sớm niệm A Di.

Giải thích:

Có kẻ vịn câu nói của cổ đức: “Cao sơn bình địa tổng Tây Phương”, rồi bảo: “Chỉ cần tâm ta thanh tịnh, thì mọi nơi như núi cao đất bằng, các chỗ nhơ sạch đều là Tây Phương Tịnh Độ, là ao báu hoa sen cả, không có chi chướng ngại, cần gì phải cầu vãng sanh? Phải biết câu nói trên là cảnh giới của bậc đã chứng ngộ, phàm phu bắt chước theo chỉ thành ra lời nói suông vô ích. Chính những kẻ nói như thế, khi vào nhà xí còn bịt mũi, bước qua chỗ lầy lội phải vén áo xiêm, ốm đau vẫn thấy khổ, nắng gió mưa nhiều cũng than trách, có điều chi là vô ngại đâu?

IV

Thường chê niệm Phật việc người ngu
Công việc người ngu, Phật cũng tu!

Long Thọ biện tài đâu ngốc Hán?
Văn Thù trí huệ há phàm phu?
Từ chương nhã luận còn Cư Di?
Công cứ theo mình hỏi Đại Tô?
Nhấn kẻ thông minh nên nghĩ lại
Diêm La xét tội chẳng hồ đồ.

Giải thích:

Những vị thông minh có học thức thấy kẻ quê mùa cũng niệm Phật được, thường chê rẽ cho đó là lối tu của hạng ngu dốt. Nên xét nghĩ, như Thiên Thai Trí Giả tương truyền là hóa thân của đức Thích Ca, Vĩnh Minh đại sư là hóa thân của Đức Di Đà, hai vị đó đều là cổ Phật, mà còn tu Tịnh Độ để làm mô phạm hướng dẫn chúng sanh. Và các ngài như Văn Thù, Long Thọ, hai vị Bồ Tát ấy đâu phải là phàm phu, kẻ ngốc, mà vẫn khen ngợi cùng hành trì theo môn này. Lại còn như Bạch Cư Di, Tô Đông Pha, hai bậc văn hào từ chương tao nhã, kẻ chuyên niệm Phật, người thì đem Tây Phương công cứ luôn theo bên mình, là hạng người gì, ngu dốt hay trí thức? Vậy nên suy nghĩ, đừng vội phỉ báng mà mang tội.

V

Nếu nói sanh Tây còn thuộc vọng
Trụ nơi cõi trước há thành chân?
Đông tây chẳng chấp càng phi lý
Tịnh uế đều quên cũng pháp trần
Sanh vốn không sanh, sanh bốn cõi
Thấy như lìa thấy, thấy ba thân

Biết chẳng chân vọng nguyên đồng thể?
Mê ngộ đều do tại bản nhơn.

Giải thích:

Có kẻ lại bảo: “Bản tính vốn vô sanh, cầu sanh Tây Phương là còn thuộc vọng!”. Đại sư đáp: “Nói thế thì trụ mãi ở cõi này, lại thành ra chân thật hay sao? Nếu nói: Tôi không cầu sanh về Tây, không chấp trụ ở Đông tùy ý thọ sanh, lại càng phi lý. Vì chỉ có bậc pháp thân Đại Sĩ mới tùy ý thọ sanh được. Còn hàng phàm phu, nếu không cầu sanh Tây Phương để mau tiến tu giải thoát, tất phải theo nghiệp chịu luân hồi ở cõi này, rồi từ đó dễ tạo nghiệp bị sa đọa. Nếu lại bảo: Tôi không chấp tịnh uế, nên không cầu cõi sạch chán cõi nhơ! Khởi một niệm như thế cũng thuộc về pháp chấp rồi, làm sao nói là không chấp được? Cho nên bậc thức đạt, dù sanh về Tây Phương từ cõi Đồng Cư tiến lên Thường Tịch, mà vẫn thấy không sanh. Dù chứng ngộ ba thân, vẫn lìa sự thấy biết về chứng ngộ. Thế thì có gì trái với lý vô sanh vô chứng đâu?”.

VI

Chớ chấp Đàn Kinh bài bác Tịnh
Tổ cơ, lời Phật thảy viên dung
Mượn lời chỉ lý tuyên thiên đạo
Được ý quên lời hiển diệu tông
Thập thiện đều tu đâu phải tội?
Chư hiền đồng niệm há thành không?
Đông Tây một thể vô lai khứ
Pháp giới linh minh cõi đại đồng!

Giải thích:

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ có nói: “Người ở Đông Phương tạo tội cầu sanh Tây Phương, người Tây Phương tạo tội cầu sanh về cõi nào? Lời này chỉ là cơ phong của Tổ, mượn đó để đưa hành như ngộ thẳng vào chân tánh, chớ chẳng phải bác rằng không có Tịnh Độ, cùng bảo đừng nên cầu sanh. Kẻ thức đạt học đạo cần phải được ý quên lời, chớ nên chấp lời mà hại ý”. Đối với Phật, chư Tổ là hàng hậu lai. Phật còn khuyên niệm Di Đà cầu sanh, lẽ đâu Tổ lại bác? Lại nên biết, hành giả sanh về Tây Phương đều tu thượng phẩm Thập thiện, thì người Tây Phương đâu có tạo tội? Và chư Hiền Thánh xưa nay rất nhiều vị niệm Phật, hành động đó đâu phải nông nổi lầm lạc, hay luống uổng không hư?

VII

Niệm Phật quả như nên súc miệng?
Tụng kinh môi ngậm cũng ung cần!
Thuốc dùng trị bệnh, sao gây bệnh?
Lửa để điều thân, trở đốt thân!
Phàm niệm vẫn đầy, chê thánh niệm
Phật tình chưa khởi nói trừ nhân!
Lời xa hiện thật, khuyên ngưng lại
Lo gấp đời này thoát khổ luân!

Giải thích:

Khi xưa ngài Triệu Châu có nói: “Một chữ Phật ta chẳng thích nghe. Nếu niệm Phật một câu, phải súc miệng ba ngày!”. Nhiều kẻ vịn vào hai lời trên đây bảo: “Thiền sư

Triệu Châu vốn bậc danh đức, ngài đã nói như thế, tất niệm Phật là điều thấp kém lỗi lầm, không cần thiết!”.

Tĩnh Am đại sư gạn lại: “Nếu niệm Phật là lỗi lầm cần nên súc miệng, thì xưa nay các bậc cao đức cho đến chư tăng ni ở khắp tông lâm, lúc tụng kinh trong những thời khóa tụng, tất cũng ưng cần ngậm miệng đừng hé môi phải không? Và như thế, lý ấy có đúng chăng? Phải biết Triệu Châu đại sư là bậc chứng ngộ, muốn hướng dẫn hàng thượng thượng căn phá mối chấp kiến về Phật, nên mới nói những lời ấy, chớ đâu phải ý ngài cốt bác phá sự niệm Phật ! Đại khái, tất cả những cơ ngữ bên Thiên, lời ở nơi này mà ý ở điểm khác. Chẳng hạn như Tổ Quy Sơn nói: “Sau khi lão tăng viên tịch, sẽ chuyển kiếp làm con trâu ở dưới chân núi!”. Lời này đâu phải ý chỉ định chuyển kiếp làm trâu? Nếu nhận là thật, rồi cứ theo lời nói mà giải thích, thì đã sai lầm lại còn gây thêm tội lỗi. Ví như lửa có công dụng sưởi ấm điều hòa thân thể trong tiết lạnh, cho đến nấu chín thức ăn, nếu biết dùng thì rất lợi ích. Bằng trái lại, tất sẽ bị thiêu thân cháy nhà. Lửa trí huệ Bát nhã cũng thế, hay trị bệnh kiến chấp. Nhưng nếu chẳng biết dùng, lại trở nên gây bệnh, lạc vào lối chấp thiên không bác phá nhân quả, rồi sẽ bị sa đọa. Phần đông người học Phật thời mạt pháp đều là hạng trung, hạ căn, phạm tình phiền não đầy đầy. Nếu khinh chê phá không dùng đến thánh niệm xưng Phật danh để tiêu trừ nghiệp chướng, thì làm sao giải thoát? Trong tâm phiền loạn ấy, chính ngay Phật tính như câu hồng danh, mà còn chưa khởi sanh niệm lên được, nói chi đến việc cao siêu, dứt trừ Phật kiến? Luận cho cùng, với bậc thượng căn, khi niệm Phật không thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, chúng sanh kiến cùng Phật kiến đều rỗng không. Niệm

Phật như thế cũng đâu có chi trái với ý ngài Triệu Châu, mà bảo không cần niệm? Nhược bằng căn hạnh chưa được như vậy, tốt hơn là mặc dù còn chấp thấy Phật, cũng nên mau niệm Phật để thoát khỏi luân hồi, đừng nói những lời xa vời vô ích trái với hiện thật.

VIII

*Niệm Phật viên thông nhiếp sáu căn
Nhĩ căn ai bảo chiếm ưu phần?
Âm văn nếu chính viên thường thể
Danh tự đâu là khởi diệt nhân!
Dùng niệm niệm danh, danh vẫn thiết
Đem nghe nghe Phật, Phật càng gần!
Xét ra hai Thánh đều huynh đệ
Đồng giúp Di Đà tiếp vãng sanh.*

Giải thích:

Trong kinh Lăng Nghiêm, về phần Tuyến trách viên thông, đức Văn Thù có bình luận môn tu Niệm Phật của ngài Đại Thế Chí bằng mấy câu: “Các hành là vô thường. Niệm tánh vốn sanh diệt. Nhân quả nay sai khác. Làm sao được viên thông?”. Và kết cuộc Văn Thù Bồ Tát đã chọn lấy lời tu phản văn thuộc về Nhĩ căn của đức Quán Thế Âm với hai câu: “Phương này chân giáo thể, Thanh tịnh bởi âm văn”. Có kẻ khi đọc tới đoạn trên đây, chấp rằng: “Đức Văn Thù đã bình luận lựa chọn như thế, thì ngòi tịnh lắng nghe vào trong là môn tu cao siêu hơn cả, chẳng nên niệm Phật làm chi cả!”.

Đại sư giải thích: “Thật ra chân không vẫn ở ngay trong huyền hữu. Luận về phân tương đối phiến diện, thì các

hành đều vô thường sanh diệt. Nhưng bàn sâu đến chỗ viên dung toàn diện, chính các hành là thể chân thường tịch diệt. Cho nên tất cả môn tu của hai mươi lăm vị Thánh trong kinh Lăng Nghiêm, đều đủ ba nghĩa: Viên, thông, thường. Để chứng minh, như đức Văn Thù đã nói phần âm văn tức nghe tiếng là thể viên thường. Thế thì âm thanh danh hiệu A Di Đà, đâu phải là nhân sanh diệt? Và chính ngài cũng lại nói: “Thánh tánh vô bất thông. Thuận nghịch giai phương tiện”. Thánh tánh thấy đều thông, tất biết pháp nào cũng là viên thường. Như vậy đủ rõ tánh cách niệm danh hiệu đâu phải sanh diệt, chẳng qua tùy cơ nghi thuận nghịch mà nói thể thôi. Cho nên phải nhận thức chỗ bình luận của đức Văn Thù, thuận hay nghịch, hơn hoặc kém, cũng đều là phương tiện tùy cơ mà quyền nói. Bởi duyên kinh Lăng Nghiêm phần lớn khai thị về lối tu thiên theo không môn, đức Văn Thù phải tùy ứng theo đương cơ mà lựa chọn như thế, chớ chẳng phải pháp tu Nhị căn của đức Quán Thế Âm là cao siêu hơn hết đâu!

Lại còn nhiều bằng chứng như trong nhiều kinh đại thừa khác, Văn Thù Bồ Tát đã rất khen ngợi môn niệm Phật, cho niệm Phật tam muội là pháp công đức cao để tu tiến nhất. Môn niệm Phật nhiếp cả sáu căn, ý căn là chủ, năm căn kia thuộc phần phụ. Lối tu Nhị căn chỉ từ một cửa mà vào, niệm Phật thì cả sáu căn đều thâm nhập. Cho nên Nhị căn không nhiếp niệm Phật. Niệm Phật gồm nhiếp Nhị căn và thích hợp với cả ba cơ thượng, trung, hạ. Tóm lại, hai lối tu của đức Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí thật ra đều đồng đẳng, không phân cao thấp. Và hai ngài cũng là pháp hữu, cùng phụ bậc đức A Di Đà tiếp dẫn loài hữu tình mười

phương sanh về Cực Lạc, cùng thân thiết chẳng cách xa nhau vậy”.

Như trên, vì lòng từ bi Tĩnh Am đại sư đã dùng thi văn phá lối nhận thức sai lầm của một số đông người học Phật, để đưa họ vào con đường thẳng ịch. Chủ tâm của ngài chẳng phải có ý muốn đề cao Tịnh Độ hơn các môn khác, bởi lẽ ngài cũng là một đại thiên sư. Tập thi văn còn nhiều, bút giả chỉ chọn dịch và giải thích, mấy bài trọng yếu.

DU THỊ

Du thị nguyên là vợ của Tiêu Quân ở thôn Nam Khê, huyện Kiết An, tỉnh Giang Tây. Từ bé bà đã biết ăn chay niệm Phật. Về nhà chồng chưa được mười năm, chẳng may gặp phải cảnh góa bụa. Từ đó bà quyết giữ tiết hạnh nuôi con, sự tu trì càng tinh tấn. Đến gần trăm tuổi, sức khỏe và tinh thần của bà càng thêm kiên cường, tai và mắt vẫn còn tỏ sáng.

Năm Dân Quốc thứ 11, vào đêm 25 tháng giêng, Du thị nằm mơ thấy mình đến tòa đại điện trăm báu trang nghiêm, rất nguy nga tráng lệ. Trong điện có hằng muôn bậc thiện như y quan tướng mạo thanh đẹp khác trần, đang chấp tay chiêm ngưỡng một đấng Như Lai thân vàng cao lớn rực rỡ ngồi nơi liên tọa. Bà đến gần lễ bái, đức Phật bảo: “Ngày mùng một tháng 2 tới đây, người mới được vãng sanh Tây Phương. Hiện thời hãy tạm về truyền lời Ta khuyên dạy chúng sanh như sau:

Chớ tạo các điều ác,

Gắng làm những việc lành.
Sự nhân quả rõ ràng,
Mảy tơ không sai lọt!”

Tỉnh giấc, Du thị họp tất cả người nhà thuật lại diêm mộng và dặn kể từ sáng mai toàn gia đều phải trai giới niệm Phật, để giúp mình vãng sanh. Lại cho gọi đưa con gái thứ ba về để gặp nhau lần cuối. Từ hôm đó, bà trì chú niệm Phật ngày đêm không dứt. Đến mùng một tháng 2, giọng trì tụng lại càng rõ ràng cấp thiết. Gần nửa đêm hôm ấy, Du thị vén gọn vạt áo trắng, ngồi kiết già ngay thẳng, tiếng niệm từ từ nhỏ dần. Bỗng nhiên bà nhìn quanh khắp người nhà, rồi mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng.

Lúc tần liệm tay chân Du thị rất dịu mềm, sắc mặt rạng rỡ hơn khi còn sống.

PHÙNG NGHI NHƠN

Phùng Nghi Nhơn pháp danh Diệu Hòa, nguyên là vợ của cư sĩ Bao Bồi Trai. Tánh bà chán sự ồn ào ưa sạch sẽ vắng lặng. Năm 21 tuổi, sau khi vu quy, bà khéo thờ kính cha mẹ chồng, được tiếng khen là hiền hòa hiếu thuận.

Một đêm Nghi Nhơn nằm mơ thấy nhà hàng thịt trong xóm giết heo. Con vật bị giết đầu tiên là heo, kế đó lại là một phụ nhon. Bên cạnh có bà lão giúp cởi đồ trang sức và áo của phụ nhon, để tên đồ tể hành quyết. Nghi Nhơn quả rằng: "Tại sao dùng người làm heo để

giết ăn thịt?". Bà lão đáp: "Chúng ta thấy là người, nhưng kẻ hàng thịt nhìn là súc thú!". Tỉnh giấc hỏi thăm thì nhà hàng thịt vừa giết hai mạng sanh vật, con sau là heo cái, đúng như điềm mộng. Nghi Nhon hoảng hốt chợt tỉnh ngộ bảo: "Người cùng heo luân hồi đổi lớp mau lẹ thật không ngờ!". Từ đó bà thề không ăn thịt heo, hằng ưa chay tịnh và giữ giới sát, Nghi Nhon lại chiêu tập hàng phụ nữ cùng nhau lập ra Phóng Sanh hội. Cứ mỗi nửa tháng, cùng vào những ngày vía Phật, Bồ Tát, hội viên đều đóng góp tiền mua sanh vật để thả. Kế tiếp Bao Bồi Trai nghe hiểu chánh pháp, ăn chay trường thờ Phật, Nghi Nhon cũng nối chí theo chồng. Cả hai đều tích cực tu phước làm lành, thường cứu giúp các nạn dân trong cảnh chiến tranh, bão lụt.

Mùa thu năm Mậu Ngọ thời Dân Quốc, Nghi Nhon thọ Tam quy với Vi Quân hòa thượng, kiêm giữ giới Bát Quan Trai. Từ đó bà chuyên niệm hồng danh A Di Đà, phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Lúc rảnh lại trì chú tả kinh, mạnh mẽ tinh tấn, sớm hôm chẳng dừng nghỉ. Thường khi hành lễ, bà thấy tượng Phật lần lần cao lớn, thánh tượng Quán Thế Âm chớp chớp như muốn phóng ánh hào quang. Ngoài ra, còn nhiều điềm lành khác không thể thuật hết.

Mùa xuân năm Nhâm Tuất, Nghi Nhon vương bệnh. Đến tháng 5 nhuận, Bao cư sĩ thỉnh Toàn Lãng hòa thượng tới nhà truyền Ngũ giới. Trong khi thọ giới, Nghi Nhon thăm tưởng Thánh chúng khắp mười

phương vây quanh đạo tràng. Cuộc lễ xong, bà cảm thấy thân tâm thư thối, gọi người nhà bảo: "Thọ giới đã xong, tôi có thể chuẩn bị sanh về Tây Phương!". Lại dặn Bao cư sĩ sau khi mình mạng chung nên liệm với áo vải thô, dùng quan tài bằng thứ gỗ xấu. Từ hôm đó, Nghi Nhon bệnh lần thêm nặng. Người nhà thỉnh chur tăng đến trợ niệm, bà một lòng lắng nghe thâm niệm, mặt lộ sắc tươi vui. Sau khi ấy, Nghi Nhon bảo nấu nước cho mình tắm gội thay y phục. Mọi việc xong, bà nhờ gia nhon đỡ lên ngòì kiết già ngay thẳng. Kế đó đôi mắt chăm chú nhìn về Tây Phương như thấy cảnh tượng chi khác lạ. Giây phút hai tay Nghi Nhon kết ấn Di Đà tam muội, rồi lạng lẽ mà thoát hóa.

Sau chín giờ toàn thân bà mới lạnh hẳn, riêng đánh đầu còn nóng, tay chân mềm dịu, sắc mặt tươi vui. Bảy giờ nhằm tháng 6 năm Dân Quốc thứ 11. Nghi Nhon hưởng dương được 51 tuổi.

CHÂU PHU NHƠN

Châu phu nhon nguyên là chánh thất của Tri phủ Lý Chất Phu ở Ba Đông, và là mẹ của Lý Vân Nham, một nhon sĩ có danh trong vùng ấy. Tánh bà vốn hiền lành, biết chút ít văn nghĩa, nhưng rất sùng tín, thường hay đem việc nhân quả nói cho bạn bè thân thuộc nghe.

Năm Ất Ty thời Quang Chử nhà Thanh, bà phát nguyện ăn chay trường, tuy chưa được hiểu về Phật pháp, song mỗi ngày đều tụng kinh Cứu Khổ. Con cái

trong nhà đem lòng hiếu dưỡng theo đời, khuyên ép phu nhơn dùng mặ̃n, nhưng bà giữ chí chẳng nghe theo. Lại có vài phái ngoại đạo khuyên dụ bà vào đạo của họ, phu nhơn cũng thẳng thắn cự tuyệt.

Vào khoảng tháng 5 thời Dân Quốc thứ 11, cư sĩ Trầ̃m Ấm Châu và Lý Vân Nham vâng lời Định Từ lão cư sĩ thành lập hội niệm Phật tại vùng ấy, thỉnh chư tăng đến diễn giảng về kinh giáo. Phu nhơn nghe nói vui vẻ tham dự vào và chánh thức xin quy y Tam Bảo. Không bao lâu bà nhiễm bệnh, song mỗi ngày vẫn cố gắng niệm Phật không dám trễ sót. Đến lúc khí lực lần suy yếu, khó ra tiếng niệm thành câu, phu nhơn vẫn cố gắng động môi sẽ niệm thầm. Tình trạng như thế kéo dài suốt hai tháng, câu niệm chưa từng gián đoạn.

Ngày mùng bốn tháng 7, phu nhơn bỗng gọi các con đến nói: "Mẹ thấy một vị tăng sĩ tướng mạo đoan nghiêm, cầm tràng phan đứng lặng yên trước mặt!". Hôm sau vào lúc hừng sáng, bà lại bảo gia nhơn rằng: "Ngày nay ta sẽ quy Tây, tất cả nên cố gắng làm lành niệm Phật!". Vân Nham biết mẹ sắp vãng sanh, vội đi thỉnh cư sĩ Ấm Châu và vài bạn đồng tu đến. Khi các liên hữu vừa tới trước cửa, liền nghe trong nhà có tiếng than khóc. Ấm Châu vội bước vào bảo: "Tất cả nên im lặng đừng khóc, và đồng chấp tay niệm Phật!". Sau khi các liên hữu và người nhà xưng hồng danh được một lúc, phu nhơn bỗng mở mắt, ra tiếng niệm Phật theo. Được hơn mười câu, bà nín lặng an lành mà thoát hóa.

Ba hôm sau khi chôn cất xong, đêm ấy Lý Chát Phu vừa nhắm mắt mơ màng, bỗng thấy phu nhon thân tướng sáng rõ hiện đứng trước mặt, bảo: "Tôi đã được về cõi an vui, khuyên ông chớ lo buồn nghĩ ngợi. Điều cần thiết là nên khuyến khích Vân Nham và các con cháu trong nhà hãy cố gắng niệm Phật. Lại nên bảo mấy đứa dâu thể theo hạnh của tôi, đồng quy y Tam Bảo, niệm Phật tu hành. Đó là lời dặn tối yếu!".

Lời bình:

Trong Cổ Học Tinh Hoa có sự tích người tìm dê, vì nhiều lỗi rẽ nên lạc mất dê. Đây cũng là cái bệnh chung của hàng trí thức xưa nay, bởi hiểu biết rộng nên tu tập nhiều môn, rồi năng lực không theo kịp với ý muốn, kết cuộc chẳng thành tựu được môn nào cả! Châu phu nhon tuy văn nghĩa chỉ biết thô sơ, song nhờ bà có lòng sùng tín trước sau như một, không bị con cái ép nài, ngoại đạo cám dỗ, dù đau yếu cũng chẳng rời câu Phật hiệu, nên cuối cùng được kết quả vãng sanh. Cho nên giữa đời có điểm nghịch thường: "Người khôn sáng nhiều khi ám muội, kẻ tối dốt lại hóa thông minh", là điều trên đây vậy.

PHAN THÁI PHU NHON

Phan Thái phu nhon người vùng Đôn Hoàng thuộc tỉnh Cam Túc, nguyên là thân mẫu của cư sĩ Hạ Kế Tuyên. Bà bậm tánh từ huệ, ít nói cười, tuy sống giữa cảnh chồng con đều có chức phận cao sang, song trọn

đời chẳng thết yến tiệc vào ngày sinh nhật, không thích ngồi xe kiệu sang đẹp, chưa từng bước chân đến cửa hí viện, cho đến thân quyến chẳng để bày hội chúc khánh thọ ngũ tuần. Đại để lối sống của phu nơn rất cần kiệm đơn giản, tiếc từ tác vãi hạt cơm. Tuy nhiên với những kẻ cơ cùng, bà lại bố thí rộng rãi, từ tiền bạc cơm gạo y phục, đến vật dụng chăn nệm thuốc men, không chút chi luyến tiếc.

Về phần tự tu, phu nơn tụng kinh, trì chú, niệm Phật, giới sát, phóng sanh, có đặc điểm là rất thành khẩn tinh tấn. Sau khi quy hướng Phật pháp, bà xuất tiền thành lập cơ sở hội Sơn Đông Nữ Tử Liên Xã, được hàng phụ nữ dự vào tu niệm rất đông. Bà lại thỉnh nhiều kinh sách Phật chia tặng cho đồng đạo, để cho họ được hiểu biết thêm về chánh pháp. Về sau nghe tin tức thời cuộc lần lần không yên, phu nơn lộ vẻ lo buồn nói: "Do lòng người thù hận tham mê, gây nhiều trái oan tội lỗi, nên nước nhà mới ly loạn, dân chúng bị lầm than. Tình trạng này nếu ngoài đạo giác ngộ của Như Lai, tất không có phương pháp chi cứu vãn!". Do đó bà xuất ra một số tiền lớn, bảo con là Hạ Kế Tuyên quyên mộ thêm, thành lập ngôi đại già lam ở Tế Viên, thỉnh chư tăng về trụ trì, giảng diễn Phật pháp, làm nơi cho tín chúng câu hội nương theo tu tập.

Phu nơn chuyên chí phần tịnh nghiệp, mỗi ngày đều tụng Bát Nhã tâm kinh, trì chú Chuẩn Đề, và lấy ba muôn câu Phật hiệu làm định khóa, chẳng để cho thiếu

sốt. Đến năm Quý Hợi thời Dân Quốc, vào ngày 29 tháng trọng xuân, bà cảm chứng ho rồi phát nhiệt, bệnh thể lần tăng. Tới ngày mùng 6 tháng 3, cơn nóng bỗng giảm bớt, thần chí trở nên thanh sảng. Vào khoảng 10 giờ mai, sau khi ăn được chút ít cháo, phu nhơn gọi các con lại bảo: "Bệnh đã giảm nhiều, các con hãy lui ra tạm yên nghỉ, để cho mẹ tự ngồi tịnh niệm". Kế Tuyên tuy vâng lời song chẳng an lòng, rình nơi khe cửa xem, thấy bà ngồi lặng lẽ hướng về Tây, sắc diện rất hòa nhã. Không bao lâu, thần khí phu nhơn chợt biến đổi, gương mặt lộ hồng quang. Các con vội vào xem thì bà đã ngồi thoát hóa, hưởng dương được 55 tuổi.

Trước đó cô con gái là Thục Quân, nằm mơ thấy bên thềm nhà mọc lên một đóa sen sắc trong xanh như ngọc bích, to lớn bằng chiếc lọng. Cô còn nghi nan thì được mẹ cho biết đó là hoa sen công đức của bà. Khi tỉnh giấc, cô đến giường mẹ thăm bệnh và thuật lại điềm mộng. Vừa tới đoạn thấy hoa sen, phu nhơn liền nói: "Chính là hoa sen của mẹ đấy!".

Khi nhập liệm, đánh đầu của bà còn nóng, mặt lộ nét sáng suốt tươi cười.

TÀO NGHI NHƠN

Tào Nghi Nhơn, người ở Sào huyện tỉnh An Huy, nguyên là chị ruột của cư sĩ Tào Trạch Tây. Khi lớn lên, bà được cha mẹ gả về nhà họ Lý. Tánh Nghi Nhơn rất hiếu cần, vì muốn báo ân nặng song thân, bà phát

nguyện trường trai giữ giới. Sau khi được nghe biết chánh pháp, lại nguyện chuyên tu Tịnh Độ, niệm Phật cầu về Cực Lạc, để cứu độ hàng thân thuộc và tất cả chúng sanh.

Nghi Nhon tu niệm rất tinh cần, dù trải thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ. Khi gặp mọi người, bà đều khuyên họ ăn chay niệm Phật. Hạnh tinh tấn tự tu và khuyên người như thế, hơn 30 năm vẫn diễn tiến đều đều không thiếu sót. Mỗi ngày Nghi Nhon niệm Phật theo định khóa ba muôn câu, và cũng hơn 30 năm chân không bước ra khỏi ngõ. Trong hàng nữ lưu, sự tu như thế cũng đặc biệt hy hữu, có thể dùng hai lời sau đây để khen ngợi:

Ba vạn câu sen, ba chục xuân

Gót chân chẳng đạp ngõ hồng trần!

Lúc tuổi hơn thất tuần, một hôm Nghi Nhon bỗng cảm thấy bệnh. Vài ngày kể, bà tự nói thấy có hai đồng tử tay cầm tràng phan theo hầu Phật đến tiếp rước. Trong lúc đó gia nhon cũng đều thấy tường quang chiếu sáng cả nhà, lại nghe tiếng nhạc thanh thoai dìu dặt giữa hư không. Nghi Nhon chấp tay hướng lên không trung vái lạy, rồi bảo người nhà rằng: "Giữa hư không, lưới báu hiện ra giăng khắp, mỗi mắt lưới đều có một hạt châu hoặc bảo vật. Tôi tự nghĩ bình sanh không làm công đức chi nhiều, chẳng qua niệm Phật khuyên người hiếu thuận với mẹ cha, thương giúp kẻ nghèo khổ và không vọng ngữ mà thôi. Nay được về

cảnh đẹp vui là điều rất hân hạnh! Vậy mọi người phải cố gắng niệm Phật, cõi Cực Lạc quả có thật chớ nên nghi ngờ. Ngày rằm tới đây, tôi sẽ vãng sanh". Lúc đó chồng là Lý Quân đứng gần bên nói: "Xét theo âm lịch, ngày rằm này xung khắc với gia đình, không được tốt!". Nghi Nhon bảo: "Thế thì hãy chọn cho tôi ngày khác". Lý Quân nói: "Ngày mười tám chỉ khá. Hai mươi một mới là thật tốt". Nghi Nhon bảo: "Vậy ngày 18 tôi sẽ đi!".

Vừa hừng sáng hôm ấy, Nghi Nhon vội gọi người nhà bảo: "Mau đốt hương nến tiếp rước, vì Phật và chư Thánh chúng đã quang lâm!". Hương trầm vừa nóng cháy, thì bà đã ngồi yên lặng vãng sanh. Bấy giờ nhằm tháng 11 năm Dân Quốc thứ 12, Nghi Nhon thọ được 76 tuổi.

HÀ THÁI PHU NHON

Hà Thái phu nhon nguyên là thân mẫu của cư sĩ Vương Mạnh Phạm. Năm 20 tuổi bà về nhà họ Vương, thờ mẹ chồng rất có hiếu. Mùa thu năm Bính Thìn thời Dân Quốc, chồng mãn phần, phu nhon buồn thương gần như không muốn sống. Duyên may gặp Dã Khai hòa thượng ở Thường Châu thuyết pháp cho nghe, bà mới biết đường hướng giải thoát, dẹp nỗi u sầu. Từ đó siêng năng tu tịnh nghiệp, cầu sanh về Tây Phương.

Phu nhon trì niệm thường nhật đều có định khóa, không lúc nào trễ bỏ, bảy năm như một ngày. Trong

hai niên Tân Dậu sang Nhâm Tuất, bà bị đau nặng suýt chết, song tuy nằm bệnh nửa năm mà vẫn không rời câu niệm Phật. Mùa xuân năm Quý Hợi, bệnh cũ thỉnh thoảng lại tái phát, phu nhơn bảo Mạnh Phạm rằng: "Mẹ nghĩ muốn thành tựu tịnh nghiệp, tất phải dứt hẳn duyên đời!" Do đó cuối tháng 7, bà xin một gian tịnh thất trong chùa, phát nguyện nương nơi cảnh già lam tu niệm, mỗi tháng đóng tiền nguyệt phí để khỏi phạm đến của Tam Bảo. Sang tháng 8, phu nhơn tự biết mình không sống lâu, đưa tất cả y phục quý giá cùng đồ trang sức, bảo con là Mạnh Phạm đem bán lấy tiền để làm Phật sự. Bà mời một vị cao đức đến cúng dường, cầu xin thọ quy giới, được pháp danh là Hiền Úc. Kế lại sắm lễ thỉnh chư tăng trong chùa ngày đêm luân phiên trợ niệm, chính mình cũng niệm Phật theo. Đêm mùng 9 tháng 11, phu nhơn bảo Mạnh Phạm rằng: "Đối với người học Phật, không có chi gọi là chết mất, chẳng qua bỏ nơi này sanh nơi khác mà thôi! Khi mẹ sắp mãn phần, con phải chí thành niệm Phật, chớ lộ vẻ bi thương làm cho tâm mẹ rối loạn. Về phần con, hãy nên cố gắng tinh tấn, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi Hội Liên Trì. Chừng ấy mới là quyến thuộc chân thật!".

Đến khuya ngày 27, phu nhơn gượng đau ngồi lên ngay thẳng, chấp tay xưng hồng danh. Lúc đó gia quyến cùng chư tăng trong chùa tất cả hơn 30 người, đều cao tiếng trợ niệm. Trải độ hai giờ, tiếng niệm của bà lần yếu nhỏ. Trước khi vãng sanh, dường như

nghiệp chương tiêu trừ, túc mạng trí phát hiện, thấy được cảnh giới tốt, phu nhơn bỗng đọc lên bài kệ rằng:

Nhiều kiếp gieo nhân sen
Đời này mới thành thực.
Cần dứt hẳn trần duyên
Đừng cho còn tương tục!
Cảm Tây Phương Tam Thánh
Từ bi xa tiếp dẫn.
Từ đây sanh Liên Bang
Tu chứng quả vô sinh.
Thuyền từ khơi bể nguyện
Độ tất cả hữu tình.

Đọc xong mỉm cười mà qua đời. Sáng hôm sau, tay chân phu nhơn vẫn dịu mềm, đánh đầu hấy còn nóng.

TRẦM NƯƠNG

Trầm Nương là tiếng xưng hô của người hàng xóm để gọi vợ ông Trầm Bảo Tam, bình nhứt ưa thích sưu tầm nghiên cứu kinh sách nhà Phật. Sau khi được biết pháp môn Tịnh Độ là phương tiện siêu thắng kỳ diệu để độ sanh của mười phương Như Lai, ông liền phát tâm niệm Phật. Trầm Nương tánh cứng cỏi, thường mỉm cười dùng đủ lý lẽ bài bác cho chồng là mê tín.

Một đêm Nguyên Tiêu, nơi một trong hai ngọn nến đỏ lớn đốt để cúng Phật ở trung đường, hoa đèn bỗng kết nở thành hình đóa sen. Bảo Tam thấy thế kinh lạ, vội gọi gia nhơn và vài người láng giềng lại xem. Trầm

Nương lại cho là tin tưởng nhầm và nói: "Nếu ngọn nến kia cũng kết nở một đóa hoa y như thế, mới có thể khiến cho tôi tin được!". Việc khá kỳ lạ, trong vòng vài phút đồng hồ, nơi ngọn nến bên kia, cũng kết nở đóa sen y như bên này, một cách hết sức mau lẹ. Trên đóa sen lại hiện đức Quán Âm Đại Sĩ thân tướng trang nghiêm màu đẹp, mày mắt đều rõ ràng. Trầm Nương sững sờ kinh ngạc, đứng bất động giây lâu, rồi hổ thẹn quỳ xuống chí tâm sám hối. Từ đó cô mới phát lòng tin sâu thiết, niệm Phật theo chồng. Mỗi ngày cô hành trì đều có định khóa, dù cho lúc gặp việc cấp thiết mỗi mệ, cũng không gián đoạn.

Năm Dân Quốc thứ 10, Trầm Nương mang bệnh, vài ngày trước khi cô mãn phần, Bảo Tam thỉnh các liên hữu luân phiên đến trợ niệm. Trầm Nương cũng niệm theo, mong sao trong vòng bảy ngày, được nhất tâm bất loạn. Nhưng vì bệnh khổ sức yếu, nên không được kết quả như ý muốn. Trước khi mạng chung, đứa con trai mới 5 tuổi của cô thấy ánh sáng lạ chiếu rục rờ từ giường mẹ thẳng ra ngoài cửa. Em bé lại thấy có ba vị cao lớn thân sắc vàng ròng, vị đứng phụ cận tay cầm hoa sen to đẹp. Bỗng một người gương mặt giống như mẹ mình chấp tay bay vào ngòai trong hoa sen. Giây phút tất cả đều nương theo ánh sáng bay về phương Tây.

Lại bà lão trong xóm là Hàng thị, từ lâu đã chuyên niệm Phật, một đêm bỗng thấy Trầm Nương trở về.

Hàng thị hỏi: "Nhiều người nói cô đã được vãng sanh, chuyện ấy có thật chăng?". Trầm Nương đáp: "Quả thật tôi đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mỗi khi hữu sự tôi thường về nhà nhắc nhở, khi về tất có mùi hương lạ. Từ đây tôi không còn trở lại nữa. Nếu bà không tin thử đến nhà tôi hỏi xem?". Sáng ra, Hàng thị sang thăm viếng hỏi han, quả nhiên có việc ấy.

MỘT KỸ NỮ

Thời Dân Quốc, một kỹ nữ ở Thượng Hải, chưa được rõ tên họ, gồm đủ những đặc điểm: sắc đẹp, tiếng thanh, đàn hay, hát giỏi. Đương như bản chất lại thông tuệ, có năng khiếu về thi văn. Cô thường ưa ngâm vịnh thi của Tiết Đào, một danh kỹ đời Đường, nhưt là mấy bài cảm thuật về Xuân, Hạ, Thu, Đông như sau:

XUÂN

Hoa đẹp lay cành bên gộp đá
Liều mềm lượn gió trước hiên đông.
Hoàng hôn rắng đỏ sau ngàn núi,
Đêm lạng trắng soi sáng vạn tòng.

HẠ

Sắc biếc che trùm cây cỏ mát,
Giai nhân cười nụ đối gương nga.
Hương trầm nhẹ tỏa trong canh vắng,
Ánh ngọc xuyên song thấu trường nga.

THU

Ngàn lau trắng phủ đằm thu bạch,
Núi biếc rừng xa lá điểm hồng.
Thư nhận gửi ai người viễn khách?
Giấc vàng chợt tỉnh quạnh phòng không!

ĐÔNG

Gió rít mưa reo cài kín cửa,
Tuyết bay đêm lạnh khắp giang thành.
Trong phòng lò lửa vầy hơi ấm,
Sẽ nhấp hương trà vị cúc thanh.

Vì Tiết Đào có tài, nên Nam Khang Vương Vi Cảo khi làm Tiết độ sứ ở Tây Xuyên, có dâng biểu tiến cử cho cô làm chức Quân Trung Hiệu Thơ. Bởi thế người bấy giờ đều gọi Đào kỹ nữ là Hiệu Thơ. Cô kỹ nữ này lại ưa ngâm vịnh thi của Tiết Đào, nên khách phong lưu cũng tặng cho danh từ thanh nhã là Hiệu Thơ.

Đang lúc thanh xuân, một hôm cô bỗng tỉnh ngộ việc trần là ô nhiễm, phát tâm quy y Tam Bảo, nguyện giữ mình nghiêm sạch. Từ đó Hiệu Thơ bỏ hết phấn son, chuyên ý tu Tịnh Độ, thuê một căn phố ở Hồng Khẩu tại Thượng Hải, đem bà mẹ về cùng ở. Trên lầu cô trang hoàng tượng Phật và Bồ Tát, có đủ tràng phan bảo cái cùng đồ thờ cúng đẹp nghiêm, mừng tượng như cảnh chùa am thanh tịnh. Mỗi ngày sớm hôm, Hiệu Thơ đều lễ bái trì niệm, gót chân ít khi bước ra khỏi cửa. Ngoài số tiền gửi ngân hàng lấy lời để chi dùng mỗi tháng, cô còn chút ít tài sản riêng, gởi cho

người quen là Lương Quân ở Việt Đông nhờ cất giữ dùm.

Đầu tháng 2 năm Dân Quốc thứ 13, Huệ Thơ sai bà làm công mời Lương Quân đến. Sau khi trà nước xong, cô nói: "Tôi tu hành chưa bao lâu, hân hạnh sớm được giải thoát. Đúng ngày đó tôi sẽ vãng sanh về Tây Phương. Số tiền gửi kia, nhờ tiên sinh trích ra lo liệu giùm việc tang lễ chôn cất, một phần cúng vào chùa để trai tăng kinh sám truy tiền, một phần nữa làm việc phước thiện, mỗi khoản chi dụng là ngàn ấy. Ngoài ra còn dư lại bao nhiêu, xin tiên sinh cũng xử lý dùm cho mẫu thân tôi được an dưỡng trong lúc tuổi già!". Nói xong quỳ cúi lạy để gởi gắm tạ ơn trước. Lương Quân không dám nhận lễ, đứng tránh sang một bên và nói: "Tôi sẽ hết lòng chu tất mọi việc. Nhưng cô còn đang lúc thanh xuân, sao lại vội thốt chi lời ấy?". Huệ Thơ yên lặng trang nghiêm không đáp, sau một lúc hỏi han thăm viếng, Lương Quân từ giã ra về.

Đúng ngày như đã dự ước, quả nhiên bà làm công đến cho hay, cô vừa không bình an lành niệm Phật sanh về Tây Phương. Lương Quân nghe xong rơi lệ, ngạc nhiên thở than khen ngợi, vội đến lo việc tang lễ chôn cất. Còn các điều kiện kia, ông cũng phân xử rành rẽ như lời Huệ Thơ đã gửi gắm dặn dò.

Lời bình:

Sanh làm thân nữ, nghiệp duyên đã nặng. Người nữ mà lạc bước phong trần, thật đáng bi cảm, vì duyên

nghiệp lại càng nặng hơn. Cho nên: bến Tầm trắng nước, nghìn sau còn xót điệu tỳ bà! Lầu Thúy sanh ca, muôn thuở vẫn cảm câu bạc mệnh! Tuy nhiên, bề nghiệp mênh mang, quay đầu là bến. Bởi tại sao? Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật! Như cô Huệ Thơ trên, đang tuổi thanh xuân, tỉnh bừng hoa mộng, giữ mình nghiêm sạch gieo giống sen lành. Chưa mấy năm đài báu ghi danh, đúng kỳ hạn an lành thoát tục. Thế mới biết: Pháp môn Tịnh Độ hạng người nào cũng có thể kham tu. Vương Long Thơ đã khuyên hàng phong nguyệt. Quê xưa chờ đón, khách ly hương muốn về mau trở gót, Niết Bàn kinh ghi Phật tánh thường hằng. Nguyên xin đồng nhân, sanh lòng chánh tín!

NHÂM CUNG NHƠN

Nhâm Cung Nhơn là vợ của Châu Vận Tuyên tiên sanh ở Hải Diêm. Từ trẻ bà đã tin Phật pháp, sau khi về nhà họ Châu, sự giúp đỡ chồng nuôi dạy con đều tròn chức phận. Tánh bà đoan trang nghiêm chánh, đối đãi với người rất ân hậu. Mùa đông năm Giáp Thìn thời Quang Chử nhà Thanh, chồng mãn phần, lúc ấy Cung Nhơn đã 59 tuổi. Trải nhiều phen mục kích cảnh tang thương biến đổi, nhân cảm việc chồng từ trần, bà nghĩ cuộc đời như huyễn, sanh mệnh vô thường, bỗng sanh tâm tư thoát tục. Sau khi xét định kỹ, Cung Nhơn liền đem việc nhà giao cho con trai và dâu, rồi buông hết

muôn duyên trường trai niệm Phật. Sự tu hành của bà rất tinh chuyên, không lúc nào dám trễ bỏ.

Mùa đông năm Đinh Tỵ thời Dân Quốc, Cung Nhơn bỗng vương chứng bán thân bất toại, tay chân tê nhức, lúc đi đứng phải có người dìu đỡ. Bà cho ngăn riêng một gian nhà, phía trước thờ Phật, sau là chỗ nghỉ, ở yên tịnh tu niệm, như người nhập thất. Nhân đó tâm càng định, niệm lực càng được tinh chuyên.

Mùa hạ năm Tân Dậu, hai con là Điều Sanh, Cát Sanh được nghe cư sĩ Phạm Cổ Nông giảng diễn về Phật pháp, anh em mới phát tâm học Phật và đem những điều đã hiểu biết về khuyên giải lại cho mẹ nghe. Nhân đây, lòng tin nguyện cầu sanh của bà càng thêm chuyên thiết. Tháng giêng năm Giáp Tý, Điều Sanh lại có duyên dự cuộc hành trình với các vị cư sĩ đi nghe giảng kinh, Cung Nhơn bảo: "Mẹ đã cao tuổi, con chớ nên đi xa lâu!". Đến ngày hai mươi bốn, bà lại vương chứng thương phong, rồi kế ho suyễn. Sang ngày hai mươi tám, bệnh thêm nặng, người nhà mời các nữ liên hữu đến niệm Phật để giúp sức cầu nguyện. Nghe tiếng xưng hồng danh, Cung Nhơn liền được tâm an, hơi thở điều hòa, rồi chợp mắt thiếp đi một lúc. Đến lúc tỉnh dậy, bà nói: "Vừa rồi ta mộng thấy một lão nương mặt hồng hào, tóc bạc trắng đưa cho một chiếc bánh in bảo ăn. Sau khi dùng xong, ta cảm thấy thanh sáng nhẹ nhàng, nhân mới hỏi: "Tôi có được giải thoát khỏi sự khổ chãng?". Lão nương đáp: "Sẽ được giải

thoát, hãy cố gắng niệm Phật!". Ta nghe nói liền niệm Phật hơn một trăm câu rồi chợt tỉnh!".

Sau khi đó các chứng: thương phong, khí suyễn và bán thân bất toại của bà đều được khỏi hẳn. Đêm ấy Cung Nhơn ngủ một giấc yên lành. Sáng ra thức dậy, bà cảm thấy thân tâm thư thối nhẹ nhàng không còn bệnh khổ, lại thoảng nghe có mùi hương. Đến ngày hai mươi tháng hai, Cung Nhơn sanh chứng uất muộn khó thở, người nhà lại rước nữ chúng tới trợ niệm. Sang ngày hai mươi hai, bà tự biết mình không qua khỏi, dặn gia quyến chớ nên than khóc, phải luân phiên cao tiếng trợ niệm để mình được nương sức niệm theo. Đến canh ba, Cung Nhơn an lành mà qua đời.

Ban sơ tay chân của bà đều lạnh trước, chỉ nơi ngực còn nóng rất lâu. Mọi người vẫn đề yên, cao tiếng niệm Phật tiếp tục không dứt. Hơi nóng mới lần lần chuyển lên tới miệng, mắt, sau cùng đạt thẳng lên đánh đầu. Sự trợ niệm vẫn kéo dài đến nửa đêm hôm sau mới chấm dứt. Lúc tản liệt, tay chân Cung Nhơn còn dịu mềm, sắc mặt tươi như sống. An táng xong, người nhà đem những tờ Tây Phương công cứ của bà đã ghi số câu niệm Phật lúc bình nhựt ra thiêu hóa. Khi lửa tắt, trên tro hiện ra tướng một vị tăng đứng trên hoa sen, nét rõ ràng in như vẽ.

Lời bình:

Ân Quang pháp sư bảo: "Tất cả Lý của thế gian và xuất thế gian đều không ngoài hai chữ Tâm Tánh. Tất cả Sự của thế gian và xuất thế gian, đều không ngoài hai chữ Nhân Quả". Nhâm Cung Nhơn bị vương nhiều bệnh, là chịu quả của nghiệp sát kiếp trước; cảm mộng lành được khỏi khổ, bởi nhờ nhân tu niệm của kiếp này. Lúc lâm chung hơi nóng trụ nơi ngực, đáng lẽ bà phải chuyển sanh làm người tu thêm một kiếp nữa mới được giải thoát. Song nhờ công đức của gia đình và các liên hữu luân phiên chí tâm trợ niệm, nên kết cuộc bà lại được vãng sanh. Điềm này cho thấy sự trợ niệm lúc lâm chung rất là thiết yếu.

TỊNH ĐỘ THI

I

Trong mơ khóc đôi đấng Kim Tiên
Cầu giúp thần công dứt nghiệp duyên.
Phẩm thấp hoa hèn âu mãi nguyện
Khỏi nơi sanh tử khổ triền miên!

II

Lên lầu mơ hướng cõi trường xuân
Nơi ác vàng sa, ráng đỏ bùng!
Cảm đấng cha lành thương trẻ dại
Cánh bèo mãi lạc bến trầm luân!

III

Cảnh đẹp Tây Phương sự uyên nhiên
Muốn về còn phải tại nhân duyên.

Giữ lòng một niệm dường gương sáng
Chi ngại Từ Tôn chẳng hiện tiền!

IV

Nhật lặn trời tây sáng tử hà
Hồ tâm trong suốt hiện liên hoa.
Ngẩng đầu lối thẳng miền quê đó
Ai bảo mười muôn cõi cách xa?

Nhật Quán thiên sư

V

Nghèo khó đông con nhiều nỗi khổ
Giàu sang ngại ít gái cùng trai.
Đạo nhọn độ ngộ rồi vô sự
Năm ngấm trời tây mây trắng bay!

VI

Lâu các trùng trùng Anh Vũ châu
Ấy ai đến đó thử nhàn du?
Thanh Giang mấy khúc Ly tình điệu
Thương kẻ vô tâm mãi khổ sầu! (1)

Hối Phu

(1) "Lâu các trùng trùng Anh Vũ châu", tức ám chỉ cõi Cực Lạc, nơi có lâu báu trùng điệp và nhiều chim lạ.

"Thanh Giang mấy khúc Ly tình điệu". Xưa có sĩ tử trên đường ứng thí đi đến Thanh Giang, một vùng non xanh nước biếc, nghe điệu thổi sáo rồi tiếp theo bài ca, chỉ nhớ hai câu sau chót "Khúc chung nhưn bất kiến.

Giang ngạn số phong thanh". (Khúc nhạc ca xong chẳng thấy người. Bên bờ sông duy còn sừng sững mấy ngọn núi xanh biếc). Sĩ tử kinh ngạc, cho đó là tiên khúc, vì lời ca rất siêu xuất, lìa phàm tình, hay đến độ nhập thần không thể diễn tả! Đây ý nói niệm Phật là khúc nhạc chân tâm như Ly tình điệu ở Thanh giang, tiếc cho kẻ vô tâm, không hiểu thấu, chỉ mãi theo niệm trần phiến não đau buồn.

VII

Niệm Phật đừng hềm vọng tưởng nhiều
Vọng nguyên hư giả khởi từ đâu?
Chỉ cần mỗi chữ nghe rành rõ
Niệm mãi tình quên đến ngọc lâu.

VIII

Mặc trì Phật hiệu cảnh êm đêm
An tĩnh thâm vui lúc giữa đêm
Bóng trúc trắng dờn song cửa sáng
Nghỉ hàng cây báu mọc bên thềm!

Bắc Sơn đại sư

IX

Niệm Phật khác chi thuyền độ lớn
Đưa người toàn chẳng lựa ngu hiền.
Bên này ví biết nhiều nguy hiểm
Thì xuống thuyền sang cõi bảo liên.

X

Làng sen đến viếng bạn sen ta
Một nén hương thanh một chén trà.

Việc thế bàn chi thêm tục lụy?

Niềm vui nhân ngợi bạch liên hoa

Ưu Đàm đại sư

CHÂU THỊ

Nhà lan thanh vắng, giậu cúc lơ thơ, trời thu phân cảnh vật tiêu sơ, người liên nữ bẽn lẽn lòng tín nguyện! Đó là gia cảnh của Châu thị, và bà đang theo thời khóa thành tâm niệm Phật.

Châu thị nguyên là vợ của họ Chương. Từ trẻ bà đã biết thờ kính Quán Thế Âm Đại Sĩ, tin sâu nhân quả, từ hòa hiếu thuận và ưa thích điều lành. Đến sáu mươi tám tuổi, Châu thị mới được nghe biết sự lợi ích của pháp môn Tịnh Độ, liền trường trai niệm Phật ra tiếng một muôn câu, ngoài số ấy đều tùy thời tùy cảnh niệm thầm. Công phu hành trì như thế đã trải hơn mười năm. Mấy năm sau cùng vì tránh sự phiền nhiễu, Châu thị thường tĩnh tọa nơi gian nhà riêng, sự tu trì càng thêm mật thiết. Có đôi lúc bà ngồi yên nhắm mắt hướng về Tây, luôn hai ba ngày không ăn uống nơi cổ tay mạch không còn nháy; duy có nét mặt sáng tươi, toàn thân nóng ấm. Sau khi ấy, người nhà hỏi về tình trạng lúc đương thời, bà đáp: "Ta thấy mình ngồi niệm Phật trên tòa hoa sen to đẹp, quên hẳn thời khắc, lòng rất sáng nhẹ an vui!".

Đến năm Dân Quốc thứ hai mươi, vào khoảng tháng sáu, Châu thị bỗng cảm bệnh. Đứa con trai suất lãnh người nhà luân phiên trợ niệm. Vài hôm trước khi

mãn phần, bà nói với gia thuộc rằng: "Ta còn lưu trụ hai ngày nữa, các con nên tạm nghỉ ngơi. Hãy chuẩn bị nấu nước thơm cho ta tắm gội, và y phục giày dép đều phải đôi thứ mới sạch!". Hai hôm sau, vào giờ Ty, bà ngồi ngay thẳng hướng về Tây, nhắm mắt không nói năng chi cả. Con trai thấy thế, lại gọi người nhà vây quanh, đồng cao tiếng niệm Phật. Độ vài mươi phút kể đó, Châu thị ngồi yên ổn mà tất hơi gương mặt lộ nét tươi vui hòa nhã. Hơn hai giờ sau, đánh đầu của bà hãy còn nóng.

Có điều đáng kỳ diệu là đang lúc làm lễ nhập liệm, đưa cháu nội gái của bà, vì quá thương khóc nên ngã xuống hôn mê. Mẹ đưa bé này tức là dâu của Châu thị, cũng đã niệm Phật vãng sanh từ mấy năm về trước. Khi được người nhà vực tỉnh dậy, bé gái nói: "Con thấy từ phương Tây phóng tới ánh sáng to rộng rực rỡ. Đức Quán Thế Âm thân tướng nghiêm đẹp, tay cầm cành dương liễu, theo sau có vô số Bồ Tát nương giữa hư không bay đến. Trong giây phút mẹ cùng bà nội thân tướng cao lớn tươi tốt hơn lúc bình thường, theo sau chư Bồ Tát bay về phương Tây. Ngoài ra lại còn có vô số hoa lạ, tràng phan bảo cái hiện giữa hư không, tất cả cảnh vật đều trang nghiêm rực rỡ khác thường. Trông thấy cảnh ấy lòng con chợt an vui, quên hẳn sự xót xa thương khóc. Bây giờ con không còn lo buồn nữa, vì biết rõ mẹ và bà nội đã về cảnh Phật!".

Lời bình: Phàm sanh về Cực Lạc, không luận trai gái già trẻ, đều hiện thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt. Đứa bé thấy mẹ cùng bà nội đều còn thân người nữ, đó là phương tiện hiện ra tướng cũ, để cho nó dễ nhận biết. Độc giả khi xem đến đoạn này, chớ hoài nghi!

ĐẶNG NỮ SĨ

Đặng nữ sĩ tên Kế Thúc, nhà ở thị xã tỉnh Hàng Châu, tánh người vốn đoan nghiêm thuần cẩn. Từ nhỏ cô đã học giỏi, tài hạnh nổi tiếng nơi nhà trường. Bởi có tài sắc, nên mới 14 xuân xanh đã được nhiều nơi dạm hỏi. Sau thời gian kén chọn, đến năm 17 tuổi, cô được cha mẹ gả về nhà họ Biện ở Dương Châu.

Nữ sĩ hiếu hạnh với cha mẹ chồng, khéo thừa thuận đấng phu quân, được hàng xóm ngợi khen là trang hiền thực. Năm Quý Hợi thời Dân Quốc, sau khi sanh nở cô nhiễm bệnh. Sang mùa thu năm Giáp Tý, nữ sĩ xin về Hàng Châu thăm viếng song thân, nhân tiện để điều dưỡng. Nhưng trải qua sự chẩn trị của đông y rồi tới tây y, bệnh của cô vẫn không giảm mà còn tăng thêm. Kế đó cô vương chứng trầm kha, nằm liệt giường chiếu. Mẹ và chị ruột đã quy y Tam Bảo từ lâu, hằng khuyên cô niệm Phật, song nữ sĩ còn do dự chưa quyết.

Đến ngày 13 tháng chạp năm ấy, bệnh nguy kịch, cô gọi chị lại trời dặn về các hậu sự. Người chị hứa nhận và an ủi, nhân dẫn giải về kiếp người dương

mộng huyền, pháp Phật khó được nghe, ba cõi phiền não nóng bức như nhà lửa, phải sớm cầu giải thoát. Tiếp theo lại khuyên cô nên quy y Tam Bảo, niệm Phật cầu sanh về Tây Phương. Sẵn tánh thông minh, lại đang lúc gặp cảnh mạng sống mong manh, nữ sĩ nghe qua như có chỗ cảm ngộ, liền gật đầu chấp thuận. Ngay trong hôm ấy, người nhà thỉnh Khước Phi thượng nhơn đến truyền quy giới cho cô. Từ đó hàng thân quyến vì nữ sĩ tụng kinh niệm Phật cầu nguyện. Tuy đang đau nặng, cô vẫn phát tâm mạnh mẽ, quên thân cố gắng tinh tấn niệm theo. Người chồng hay tin cũng vội đến trợ niệm, chí thành cầu Tam Bảo gia bị. Hai hôm sau bệnh thuyên giảm, sự đau đớn cũng lần nhẹ bớt, cô cảm thấy trong người thanh thản khinh an.

Ngày kế, tức 16 tháng chạp, vào khoảng chiều tối. Nữ sĩ cho mời chị lại, nhờ thay mình tạ ơn các vị niệm tụng. Xong, lại đối trước bà ở häng theo phụ giúp mình là Tôn má má, ngỏ lời cảm ơn, rồi đôi ba phen dặn bảo rạn mai phải thức dậy sớm. Tôn má má ra ngoài thuật lại, mọi người liệu rằng cô đã dự biết trước thời khắc lâm chung nên suốt đêm đó thay phiên nhau niệm Phật liên tiếp. Người chị lại đem tượng Tây Phương Tam Thánh, lập bàn đê trước giường, bảo cô vừa quán tưởng vừa trì niệm. Nữ sĩ nhứt nhứt y lời, tay lần chuỗi, mắt nhìn tượng, sẽ động môi niệm Phật theo đại chúng.

Trời hừng sáng, trước khi mạng chung, cô nói: "Tôi thấy có một vị Bồ Tát, sắc mặt như vàng ròng, đôi mắt

dài xanh biếc". Nói xong, khẽ đưa mắt liếc nhìn qua lại, trạng thái rất an lành! Một lát sau, nữ sĩ hai tay kết ấn, to tiếng niệm Phật mấy câu rồi tắt hơi. Lúc đó, cậu bé trong nhà là Dương Phước Sang đang đứng niệm Phật, bỗng như mơ đi trong mấy phút, thấy Quán Thế Âm Bồ Tát cùng chư Thánh chúng từ xa bay đến, đứng giữa hư không tiếp dẫn nữ sĩ đưa về phương Tây. Khi ấy, vừa bước sang giờ Thìn, ngày 17 tháng chạp năm Giáp Tý.

Hai hôm sau vào khoảng buổi chiều, việc chôn cất di hài của nữ sĩ mới hoàn tất. Đám đông người đưa tang ra về, xôn xao bàn luận giữa niềm tin tưởng giọng than thở ngợi khen. Lúc ấy ánh tịch dương sắp tắt, chợt phóng tia sáng rực rỡ xuyên qua ngàn cây, chiếu vào phân nửa đầu ngôi mộ mới đắp, như gọi cảm tưởng người về Tây Phương sẽ hé đôi mắt nhìn lại cõi đời ngũ trược đầy phiền lụy một lần cuối cùng. Xa xa, trên nóc mấy ngôi nhà tranh áp vào chân núi, vài ngọn khói lam lững lờ nhẹ bốc lên giữa cảnh trời chiều yên lặng.

TRÂM THỊ

Trâm thị người ở huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô. Bình sanh tâm của bà rất tốt, đủ những tánh đức: ngay thật, hòa nhã, thành khẩn, nhân từ. Thấy các việc nghĩa bà liền gắng làm tận lực, lại ưa thành tựu điều tốt cho người. Bởi thế kẻ chung quanh vùng đều mến ưa kính trọng.

Căn lành đã sẵn, nhưng tiếc vì thiếu bậc trí thức chỉ dạy rành rẽ cho phương thức tu hành, Trầm thị chỉ nghe người nói qua pháp môn Thập Niệm cầu sanh về Tịnh Độ. Tuy nhiên bà rất lấy làm hoan hỷ, phát lòng tin chắc không nghi, và chí thiết thật hành. Sự tu trì của bà rất bền bỉ tinh tấn, không lúc nào trễ sót, hơn hai mươi năm như một ngày.

Niên hiệu Dân Quốc thứ 15, Trầm thị bỗng cảm bệnh nhẹ rồi mãn phần. Khi bà sắp mạng chung, đứa con út mới hơn mười tuổi đang chơi đùa bên ngoài, chợt thấy từ giữa hư không vô số chư tăng bay xuống vị nào cũng có hoa sen đỡ gót, tướng tốt cao lớn trang nghiêm, nơi thân có ánh sáng phóng ra rực rỡ chói mắt. Trong ấy có một vị tăng cao lớn khác thường, tay cầm hoa sen to đẹp trao cho mẹ mình. Chợt một thoáng, cậu bé thấy mẫu thân đã vào ngòi nơi hoa sen. Đang lúc nó kinh lạ nhìn ngơ ngẩn xuất thần, bỗng nghe cô chị đứng ngay cửa sổ gọi to bảo mẹ đang hấp hối, hãy mau vào tống chung. Khi đưa bé vào đến bên giường, thì Trầm thị đã nhắm mắt qua đời, trong nhà hương lạ tỏa bay bát ngát. Hơn mấy hôm sau, mùi thơm ấy mới tan. Gia nhơn tìm mãi không biết hương đó phát ra từ đâu.

Về sau, cậu bé thường đem chuyện ấy thuật lại với mọi người, và nói: “Lúc mẹ đã ngòi trong hoa sen, vì bị chị gọi vào nhà, nên không được nhìn thấy mẫu thân và chư tăng bay về Tây Phương như thế nào”. Cậu tỏ vẻ tiếc mãi về việc ấy.

Lời bình:

Trong 48 Đại nguyện, Đức A Di Đà Thế Tôn có lời phát thệ: “Nhu chúng sanh nào muốn về nước ta, chí tâm xưng danh hiệu ta cho đến mười niệm, nếu chẳng được vãng sanh, ta thề không thành Chánh Giác”. Nay Ngài đã thành Phật, tất biết điều nguyện ấy không hư dối. Trầm Thị chỉ tu theo pháp Thập Niệm, nghĩa là mỗi ngày đều chấp tay hướng về Tây xưng Nam Mô A Di Đà Phật mười hơi, kết quả được sanh về Cực Lạc. Sự vãng sanh của bà yếu ước do ba điểm: Lòng tin chắc chắn; tâm nguyện chí thiết; sự hành trì vững bền. Khi đã vãng sanh, tức chẳng còn nỗi khổ luân hồi, thuần hưởng những điều vui, lần lần tiến chứng đạo phẩm, không bị thối chuyển và kết cuộc sẽ thành Phật. Sự việc trên cho ta thấy điểm đặc biệt của môn Tịnh Độ: “Nhân hành trì rất dễ, quả thành tựu cực cao”.

LÂM THỊ

Lâm thị pháp danh Tánh Ngộ, nguyên là kế thất của cư sĩ Hứa Bình Trọng. Mẹ cô họ Uông, thờ đức Quán Thế Âm rất thành kính. Từ thuở bé cô đã theo mẹ giữ Quán Âm trai, đến năm 24 tuổi mới về nhà họ Hứa. Hứa Quân làm quan từ Chương Châu, rồi thuyên chuyển sang Giang Tô, Lâm thị cũng theo chồng.

Mùa xuân năm Quý Hợi thời Dân Quốc, Hứa Bình Trọng nhận lời mời của cư sĩ Mã Ký Bình, đến Vu Hồ nghe Đế Nhàn pháp sư giảng kinh. Do cơ hội đó, Lâm

thị cũng được đi theo. Sau khi giảng kỳ hoàn mãn, vợ chồng đều quy y với Đế lão. Lúc trở về Nam Kinh, Lâm thị đóng cửa chuyên tu Tịnh Độ. Cô đốc suất con cái trong nhà đều trường trai niệm Phật, mỗi ngày giữ thời khóa nhất định. Riêng con gái kế của cô phát tâm xuất gia, thế độ với Giác Minh đại sư ở Vu Hồ, được pháp danh là Phổ Huệ. Thiếu nữ này ngôn hạnh đoan trang, tu hành tinh tấn, nên hơn một năm sau được thầy cho thọ giới sa di ni.

Tháng 6 năm Bính Dần, Phổ Huệ vương bệnh rồi viên tịch. Khi lâm chung, được Lâm thị cùng đồng bạn xung hồng danh hộ trợ, cô giữ vững chánh niệm đến phút chót, và vãng sanh trong trạng thái rất an lành. Hôm sau tân liệt, tay chân của Phổ Huệ đều dịu mềm, đánh đầu hấy còn nóng ấm.

Mục kích sự vãng sanh của con, Lâm thị càng phát tâm tinh tấn mạnh mẽ. Từ trước mỗi ngày cô giữ định khóa tụng một quyển kinh Kim Cang, niệm hai muôn câu Phật hiệu, dù lúc công việc bận rộn hay mỗi mệt đau yếu, cũng gắng hết sức không dám trễ bỏ. Lúc sau này, lại trì niệm cực kỳ chuyên thiết. Cô tự nói: “Những khi mình niệm Phật đến mức rất thành khẩn, liền thấy đức A Di Đà ngồi trên hoa sen, cảnh ao báu lâu đài hiện rõ ràng trước mắt”. Bình nhật Lâm thị ưa đọc quyển Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, rất tôn sùng các ngài Đế Nhàn, Ấn Quang cùng Giác Minh đại sư. Cô thường nói với đồng bạn: "Tuy tôi chưa có duyên

lành diện kiến Ân Quang pháp sư, song đã được thấy văn cũng đồng như thấy người. Yếu điểm về hai chữ Thành Kính trong tập Văn Sao của ngài, nếu hành trì một cách thiết thật, có thể chứng được Niệm Phật tam muội!". Lại nói: "Thân này là nơi tập trung của mọi nỗi khổ, mà nghiệp ái lại là cội rễ của sự khổ. Nếu không trừ gốc ái, làm sao dứt được khổ căn?". Do đó sau khi quy y không bao lâu, Lâm thị ước hẹn với chồng cùng tu hạnh thanh tịnh, dứt sự ái ân, xem nhau như bạn đạo.

Sau thời gian Phổ Huệ vãng sanh, từ tháng 7 năm Bính Dần trở đi, Lâm thị cũng đau yếu dây dưa, nằm trên giường bệnh hơn ba tháng, song vẫn không rời câu Phật hiệu. Đến ngày mùng 6 tháng 10, vào tuần bá nhật của con, do cô gia công trì niệm, nên bệnh lại tăng thêm. Tới ngày 27, Lâm thị bảo người nhà lau dọn trong phòng cho sạch sẽ, và xông đốt trầm hương. Mọi việc xong, cô bỗng chắp tay nói: "Tam Thánh hiện thân vàng nghiêm đẹp, ngỏ lời khuyên nhắc, quang minh chiếu sáng rực cả phòng!". Ngày 28, cô bảo nấu nước ngải diệp cho mình tắm gội để tiện ra mắt Tam Thánh. Sang chiều tối ngày 29, Lâm thị dạy con cái vây quanh mình niệm Phật và nói: "Vài hôm nay, mẹ đã có thể tự chủ, câu hồng danh chẳng giây phút nào rời nơi tâm!". Sáng ngày 30, vào lúc 7 giờ, cô bỗng nói: "Tây Phương Tam Thánh đã quang lâm!". Nói xong yên lặng, Hứa Quân bảo người nhà đồng chắp tay trợ niệm. Tới 9 giờ sáng, hơi thở của Lâm thị lần lần yếu, một đứa con hỏi:

"Mẹ có nghe niệm Phật chẳng?". Cô không đáp, sẽ gặt đầu. Kế đó Hứa Quân đem tượng Phật tiếp dẫn đi trước mặt. Lâm thị liền mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng.

Hai giờ chiều đánh đầu cô còn nóng. Sang 5 giờ tản liệm, tay chân vẫn mềm dịu như bông, nhan sắc tươi sáng. Vài hôm sau, làm lễ thiêu hóa, khói trắng bốc lên bay xuôi về hướng Tây. Đêm ấy bà nữ bộc họ Hoàng nằm mơ, thấy Lâm thị hiện thân tướng tốt đẹp, chấp tay niệm Phật càng lúc càng cấp thiết, rồi bay thẳng về Tây Phương.

PHẠM THỊ

Phạm thị, người ở Đài Loan, con nhà nghèo, buôn nghề này bắt nghề kia, làm ăn tuy giỏi giẩn, song cuộc sống vẫn vất vả. Tánh bà rất ngang ngạnh nóng dữ, không tin ngôi Tam Bảo, chẳng kể trời đất thánh thần cho đến bậc người tôn trưởng. Sau bà mang nghiệp báo, bị chứng bấu nhọt lớn như cái chén, máu mủ rỉ chảy, ngày đêm đau nhức rên la.

Vào tháng giêng năm Dân Quốc thứ 16, Phạm thị được nghe một vị tăng giảng Phật pháp, nói về việc báo ứng nhân quả. Bà sanh lòng ăn năn sợ hãi, đến ngày mùng 8 tháng 2, quyết ý vào chùa đánh lễ Mậu Phong đại sư, xin quy y thọ giới, được pháp danh là Liễu Hương. Từ đó ngày đêm Phạm thị chí tâm niệm Phật không dứt, nên bệnh khổ lần lần thuyên giảm, thân tâm

được chút thơ thới an vui. Do đó bà phát lòng tin nguyện sâu thiết, tu trì hết sức đồng mãnh. Chưa đầy hai tháng, bà đã có thể dự biết trước thời kỳ lâm chung.

Trước khi mãn phần 3 ngày, Phạm thị tự nói mình thấy thần hồn dạo chơi cõi Tây Phương Cực Lạc, mục kích nhiều thắng cảnh kỳ diệu trang nghiêm. Vào nửa đêm ngày mùng 6 tháng 4, bà thấy Phật phóng quang minh rực rỡ như ban ngày. Trong nhà không có đèn đuốc mà tự sáng tỏ. Người nhà cùng dâu con đồng thời đều chứng kiến, Phạm thị tự ngồi kiết già chấp tay nói: "Phật cùng Bồ Tát đã đến tiếp dẫn! Tôi xin đi!". Nói xong niệm Phật vài câu, rồi mỉm cười mà quá vãng. Lúc ấy người nhà đều nghe mùi hương lạ, đến sáng cũng chưa tan. Bấy giờ bà đã 60 tuổi.

Lời bình:

Chúng sanh mỗi người đều có căn lành cùng nghiệp dữ. Nếu gặp thầy tà bạn xấu thì nghiệp ác tăng trưởng, sẽ bị sa đọa tam đồ. Như duyên may gặp thiện tri thức, tất căn lành phát triển, có thể tiến lên cảnh giới Thánh Hiền. Phạm thị đã sẵn căn lành, lại biết chuyển tánh ngang dữ thành sức tu hành mạnh mẽ quyết liệt, nên công đức tăng trưởng gấp ngàn vạn bội, thông cảm đến Phật, Bồ Tát, mau đạt kết quả vãng sanh. Cho nên, nghiệp ác chẳng đáng sợ, chỉ lo kẻ không biết sớm quay đầu.

LƯU NHỊ CÔ

Lưu Nhị Cô người gốc Kim Lăng, cư ngụ ở am Chuẩn Đề, tại huyện Hoài An tỉnh Hà Bắc. Bà cùng con gái hai người đều tinh tấn tu trì, ngày đêm tụng kinh niệm Phật không biếng trễ.

Mỗi năm vào các ngày vía Phật, Bồ Tát, bà chiêu tập các liên hữu tổ chức hội kỳ niệm Phật 7 ngày đêm. Những người đến gia nhập hội kỳ càng lúc càng đông, tất cả đều tỏ vẻ vui mừng tinh tấn. Hai mẹ con vừa tự tu, vừa hướng dẫn người như thế có hơn 20 năm.

Niên hiệu Dân Quốc thứ 18, vào ngày 12 tháng 10, bà lại tổ chức kỳ Phật thất. Đến ngày 14, Lưu Nhị Cô bỗng gọi con gái bảo: "Ngày mai, tức nhằm kỳ rằm Hạ nguơn, mẹ sẽ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được dự vào bậc Trung phẩm trung sanh. Vậy con nên hân hoan, chớ đem lòng thương buồn! Về sau, con nên theo gương mẹ mà hướng dẫn tín chúng. Tất cả đều phải lấy niệm Phật làm chủ chánh, và cõi Cực Lạc làm chỗ nương về. Đừng chuyển hướng theo phương thức tu hành nào sai khác, và chớ phá hư quy củ của ta! Bởi vào thời mạt vận, không có đường lối giải thoát nào chắc chắn nhiệm mầu bằng pháp môn Niệm Phật!". Nói xong, vẫn bình thản trì tụng như thường.

Quả nhiên qua nửa đêm, vào cuối giờ Tý ngày rằm, Lưu Nhị Cô ngời kiết già to tiếng niệm Phật mà vắng sanh. Sau khi bà qua đời, gương mặt bỗng đổi sắc hồng

hào tươi sáng hơn lúc còn sống, đánh đầu nóng âm rất lâu. Bà hưởng thọ được 80 tuổi. Ngày 17, khi đưa đi hài vào bảo khám, trước mặt Lưu Nhị Cô bỗng hiện lên một đóa hoa sen xanh, hồi lâu mới ẩn mất.

Lời bình:

Lưu Nhị Cô tu hành chắc thật, nên được vãng sanh là việc dĩ nhiên. Song có điều đáng khen là bà vừa tự tu vừa khéo dùng phương tiện để độ người. Điểm này chẳng những hàng xuất gia phải lưu ý, mà người tại gia cũng nên bắt chước theo. Với hàng cư sĩ, thỉnh thoảng nên hội họp một ít bạn đồng tâm, lập hạn kỳ 7 ngày cùng nhau sách tấn tu hành, để dễ tăng phần liên phẩm.

LÝ TRINH NỮ

Lý Trinh Nữ, người ở Lịch Thành tỉnh Sơn Đông. Cô sớm quy y ngôi Tam Bảo, được pháp danh là Tịnh Ngộ. Từ thuở bé, Trinh Nữ đã mồ côi cha mẹ, nương ở theo anh và chị dâu. Vì cảm ngộ cảnh khổ, nên cô giữ chí không lập gia đình, ăn chay trường hơn 10 năm, song chưa được nghe biết pháp yếu.

Năm Dân Quốc thứ 13, do nữ cư sĩ Ngô Thanh Hương tiến dẫn, Trinh Nữ đến Sơn Đông Nữ Tử Liên Xã để dự vào hội niệm Phật. Từ đó cô trì danh không xen hở, lại tiến thêm thọ giới Bồ Tát tại gia. Trước kia cô đã mang chứng lao phổi và ghẻ tràng nhọt ở cổ, hai căn bệnh này kéo dài hơn vài mươi năm, thỉnh thoảng lại làm cho phát cơn nóng lạnh, khiến Trinh Nữ chịu

nhiều nổi khổ, mỗi lúc càng thêm khô gầy. Về sau cô suy yếu đến đôi khi đi phải vịn vào vách, song vẫn bền chí không rời câu niệm Phật.

Đến năm Dân Quốc thứ 19 vào tiết Hạ nguơn, sau khi trì danh đọc lời văn phát nguyện xong. Trinh Nữ gọi cô bạn đến trợ niệm là Tịnh Hưng bảo: "Nay thân tôi an ổn không còn thấy bệnh khổ, lòng không tham luyến, ý không điên đảo, niệm Phật được nhứt tâm. Đức A Di Đà Thế Tôn tất sẽ đến tiếp dẫn vãng sanh, điều này thật đáng hân hạnh!". Trước đó ba ngày cô đã không ăn uống, chỉ chuyên giữ câu hồng danh. Lúc sắp mạng chung, Trinh Nữ đẽ tay nơi ngực nói: "Trong đây có đóa sen, cần phải tưới bằng nước niệm Phật cho nó nở. Hoa này thuộc về công đức của tôi!". Rồi bỗng dang hai tay đưa lên nói: "Có đài vàng lớn từ phương Tây nương theo hư không lướt mây gió bay đến. Đóa sen tôi thấy nhỏ hơn kim đài. Ôi hân hạnh thay! Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát cũng đều đã xuất hiện!". Thốt xong, to tiếng niệm Phật rất cấp thiết luôn một hơi dài, rồi chấp tay nhắm mắt yên lặng mà thoát hóa.

Hơn hai giờ sau, đánh đầu cô còn nóng.

Lời bình:

Một bậc cao đức thời xưa đã bảo: "Các sự khổ đều là thiện tri thức của người tu!". Cho nên đối với kẻ có trí huệ, biết tu hành dù cho ma chướng cũng trở thành duyên tiến đạo. Lý Trinh Nữ đã sống trong cảnh cô cút, lại nhiều năm đau bệnh kéo dài, ngoài sự chí thành

nương tựa theo Phật ra tất chẳng còn hy vọng và tham luyến nào khác! Giữa đời sự họa phước ẩn nấp nhau, trong phước có họa, trong họa có phước. Cho nên người sống trong cảnh vinh quang hạnh ngộ, chớ vội tự phụ đắc ý vui mừng, kẻ chìm trong khổ lụy nhọc nhằn, cũng chớ vội lấy làm đau buồn tủi hận.

ĐƯ PHU NHƠN

Đư phu nhơn, nguyên là con của Đư Thích Trung, vợ của cư sĩ Thích Ngạc Lâu, ở huyện Hiệp Phì tỉnh An Huy. Thích Trung từng thuyên chuyển làm quan tại các vùng Hoành Châu, Tứ Châu, Trí Châu. Mẹ của phu nhơn là Khánh thị, cảm mộng thấy vị lão ni trao cho một hạt châu mà sanh ra bà, nên phu nhơn được song thân đặt tên là Huệ Châu.

Từ thuở bé Huệ Châu đã có tánh linh mẫn, học thông kinh sử, sự hiểu biết sâu rộng hơn người. Năm 10 tuổi gặp một cơn bệnh nguy ngặt, cô mộng thấy vị lão ni dùng tay xoa vuốt, bệnh liền thuyên giảm rồi an lành. Sau khi được cha mẹ gả về nhà họ Lý, năm 23 tuổi, Huệ Châu vương bệnh nặng, lại mộng thấy vị lão ni trước cứu chữa và dạy bảo phải trì tụng kinh Kim Cang. Lúc bình phục, phu nhơn phát nguyện ngoài sự trì niệm hằng ngày, còn xin tả một trăm quyển Kim Cang Bát Nhã.

Một đêm đang lúc tả kinh, hoa đèn bỗng phát nổ tan ra thành những tia vàng như mây ráng đỏ, làm sáng

rực cả nhà, hồi lâu mới tắt. Từ đó mỗi khi cầm bút tả kinh, nơi móng cái tay mặt của Huệ Châu liền hiện ra ánh sáng tròn như khuôn gương, soi thấy mặt mình cùng mọi vật chung quanh. Lúc buông bút, quang minh đó mới ảm mất. Trong vài mươi năm đều có cảnh tượng ấy, nên phu nhơn tin Phật càng sâu. Năm 30 tuổi, Huệ Châu theo chồng trong cuộc thuyên quan đến tỉnh Hồ Bắc, thường ưa tới chùa lễ Phật và hỏi đạo nơi hai bậc tôn túc là các ngài: Nguyệt Hà, Tâm Tịnh. Hơn 40 tuổi, bà trường trai niệm Phật, quy y với Đế Nhân đại sư, được pháp danh là Trí Đức. Mấy năm sau gia đình lại di chuyển về Tô Châu. Nơi đây, phu nhơn mở một gian tịnh thất thờ Phật rất trang nghiêm, hằng ngày tu Tịnh Độ sám lễ kinh Địa Tạng.

Năm Dân Quốc thứ 17, lúc được 52 tuổi, phu nhơn cảm bệnh nhẹ, rồi giữ câu hồng danh chánh niệm mà vãng sanh. Sau khi tắt hơi, đánh đầu bà nóng rực hơn hai ngày mới tan. Sanh bình, phu nhơn từng cắt thịt bấp vế hai lần hòa với thuốc để trị bệnh cho cha và chồng. Lúc nhập liệm, thi thể của bà rất nhẹ nhàng, tay chân mềm dịu. Cuộc an táng hoàn tất vào chiều tối đêm trung thu nơi miền sơn cương thanh tú. Lúc ấy trên trời gương nga vắng vặc, chiếu soi một vùng rừng núi cao rộng bao la. Trăng cùng núi sáng lạng êm đềm, như thàn chứng minh cho một chân linh đã được siêu thoát, một nguồn đạo vô kim cổ, tuyệt nhị nguyên, không thể dùng sự tìm cầu hỏi han mà hiểu biết được! Bởi dù có

hỏi thì: "Hỏi trăng, trăng chẳng trả lời. Hỏi hoa, hoa vẫn mỉm cười làm ngơ. Hỏi sông, sông lặng như tờ. Hỏi non, non cứ trơ trơ với mình!", như lời một vị thiền sư đã nói.

KHUYÊN TU

(sao lại bài dịch khoảng ba mươi năm về trước, dưới bút hiệu Trí Hiền).

Xưa Nhan Bình, Như Như cư sĩ
Dẫn luận kinh, ý ý khuyên cầu
Bút nhàn phiên, khoảng canh thâu
Tĩnh ai trần lụy, đôi sầu làm tươi!



Thân mộng ảnh, lắm người yêu quý
Yêu quý thân, cho lụy vì thân
Tham vui những ước vô ngần
Nào hay vui lại là nhân khổ sầu!
Giác phù thế, bóng câu cửa sổ
Vóc huyễn hư, giọt lộ lòng hoa
Đôi mươi trẻ, chín mươi già
Nhưng dù yêu thọ chẳng qua vô thường
Dẹp dưới giường, lên giường cách biệt
Sống ngày nay, dễ biết ngày mai?
Mạng người hô hấp cho hay
Găm cơn vĩnh biệt tuyền đài mà đau!
Than duyên kiếp, ngán sao một kiếp?
Đắm huyễn thân, nhiều thiệt bởi thân!

Lớp da gói những thịt gân
Bốn duyên giả hợp rồi phân chắc gì?
Tóc, răng, móng, vẽ chi đất bợn!
Huyết, tủy, xương, chán gớm bọt bèo;
Bên ngoài rệp núp muỗi đeo
Bên trong trùng sán lẫn vào nhớp chưa?
Nổi nóng bức, ngày trưa tiết hạ
Cơn lạnh lòng, đêm giá trời đông
Xét thân khô, tỉnh mơ mòng
Khép lòng ái luyến, mở lòng thoát ly.



Mùi thể lụy say chi lắm kẻ?
Lớp phong lưu, bày vẽ y quan
Đại khôn cùng học làm sang
Sóng lòng điên đảo theo làng sắc thanh
Đầu xương nọ, cài trâm thắt lụa
Đầy da kia, ướp xạ xông hương
Đua đòi nhung gấm phô trương
Chỉ tuồng che lớp vô thường như tanh.
Vườn hoa mộng, tưởng xanh muôn thuở
Tuổi phương xuân, còn ngỡ dài xa!
Phút đâu tai điếc mắt lòa
Diêm Vương chực rước đến tòa U minh
Làn tóc bạc, nhắn tin sứ quý
Chiếc răng long, gợi ý quy âm
Càng tài càng sắc càng dâm
Càng cho đọa lạc, càng làm mà thôi
Mùi hoan ái, một thời say tiếc

Nẻo luân hồi, muôn kiếp đắng cay
Đến khi sắp xuống Diêm đài
Gân xương đau nhức, chân tay rụng rời!
Vợ lưu luyến, đầy vơi mắt lệ
Con xót xa, kẻ lẻ tiếng than!
Dẫu rằng quyền thuộc trăm ngàn
Có ai thay thế cho chàng được chăng?



Kẻ sống ở, nặng oằn gánh tui
Người thác đi, dong ruỗi phách hồn
Đường âm mờ tựa đêm hôm
Trông ra quanh quẽ bồn chồn thảm thê!
Nại Hà đến, lạnh tê gió lốc
Quỉ môn sang, ghê gớm tiếng thương!
Bảy ngày lìa quá cõi dương
Âm ty đã trải trăm đường khảo tra
Tào quan xử, quát la chẳng vị
Ngục tốt hờn, quay chủ múa xoa
Đài gương Nghiệt Cảnh sáng lò
Soi tường thiện ác chối qua được nào
Người nhân đức, đưa vào cửa phước
Kẻ hung gian, giải trước hình ty
Dạ đài khổ sở xiết chi
Mới hay nhân quả mấy khi sai lầm?
Rừng đao kiếm, bao năm hết tội?
Kiếp sừng lông, nhiều nỗi đa mang!
Trả đền cho dứt nghiệp oan
Mới mong thoát khỏi mọi ràng long đong

Dù ai có to lòng lớn mặt
Mặc chàng hay báng Phật khinh tăng
Chẳng qua đối trước Diêm quân
Cúi đầu co gối chịu phần xử tra.



Hồn phách đã chơi xa âm giới .
Thi hài còn ở cõi dương gian
Có tiền mua lớp áo quan
Không tiền vùi góc núi hoang lạnh lùng!
Chât xương thịt sẽ cùng tan rã
Tám hình hài lần hóa tanh hôi
Chỉ trong chầy sớm mà thôi
Chầy trong nửa tháng, sớm thời ít hôm
Nét kiều diễm, chập chờn xuân mộng
Kiếp tài hoa hình bóng bạch vân
Khi xưa tài sắc mười phân
Mà nay một nắm cô phần lạnh tanh
Thời oanh liệt, hùng anh đâu tá?
Cuộc ái ân hư giả còn chi?
Phất phơ cành liễu xanh rì
Giấy tiền treo đó đường ghi mối sầu!
Bóng chiều rũ xuống màu cỏ biếc
Bia mồ trơ một chiếc vắng không
Nghĩ thôi rơi lệ chạnh lòng
Đời người đến thế là xong một đời!



Ví chẳng biết tìm nơi giải thoát

Nương về ngôi Chánh Giác quy y
Luân hồi hẳn dứt có khi
Bên trời Bát Nhã còn chi lo phiền?
Lối ma quỷ, đừng riêng mưu sống
Đất từ bi gieo giống hoa Đàm
Giữ lòng thiện, dứt lòng tham
Gái trai tăng tục đều kham tu hành
Rõ cảnh mộng, chớ quanh đường mộng
Biết miền chơn, kịp chóng tu chơn
Dần dà tính thiệt so hơn
Tuổi xuân qua mất để hờn về sau!
Sáu chữ Phật, cùng nhau gắng niệm
Chín phẩm đài, sẽ chiếm ngôi vinh
Chớ nên mình phụ lấy mình
Trách sao Diêm lão vô tình chẳng dung?
Bỏ điều ác, thuận tùng nẻo thiện
Chừa lỗi xưa, tu tiến đường sau
Lại vì quyền thuộc bảo nhau
Cùng khuyên già trẻ sớm mau tu trì
Khiến mỗi kẻ đều quy bốn giác
Cho muôn người đồng thoát sông mê
Dù trong lao khổ dám nề
Đài sen đốt mảnh hương thề nguyện xin
Nguyện xin quyết vững tin lời Phật
Nguyện từ nay khép chặt phòng thu
Nguyện kiếp này gắng công phu
Thân người dễ mất quả tu khó thành!



*Âm thâm trì niệm đêm thanh,
Rõ ràng từng chữ hồng danh nối liền.
Thân tâm xả, sạch muốn duyên
Thế Tôn dành sẵn kim liên một tòa!*

Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật Triệt Ngộ Đại Sư

Hán:

**81. Nhứt cú Di Đà
Hoằng thông cảm đọa
Nhập Đại Bi thất
Tọa Pháp Không tòa.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Sốt sắng gắng hoằng thông
Nguyện vào Đại Bi thất
Ngồi yên tòa Pháp Không.

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn đã từng khuyên các học nhơn: "Nếu muốn kham sống trong cõi đời ngũ trược đê độ mình cùng độ sanh, thì phải mặc áo giáp Nhẫn Nhục, vào nhà Đại Bi, và ngồi tòa Pháp Không".

Tại sao thế? Bởi nơi cõi Ta Bà những nghiệp tham, sân, si, khinh mạn, nghi ngờ cùng ác kiến của chúng sanh tất mạnh mẽ lẫy lừng. Các phiền nghiệp ấy ví như những mũi tên lửa, dễ làm tổn não người, nếu không mặc áo giáp Nhẫn Nhục nhu hoà, tất khó thể chịu đựng nổi. Song như thế cũng chưa đủ, vì nếu nhẫn nhục mà không có lòng đại bi thương xót tha thứ sự mê lầm tội lỗi của chúng sanh, thì chẳng thể hoằng pháp độ người. Cho nên hành giả phải nối gót Như Lai vào nhà đại Từ Bi của Phật. Tuy nhiên, như thế vẫn chưa được trọn vẹn. Bởi dù có tâm Từ Bi, Nhẫn Nhục, nhưng nếu chưa thấu suốt tất cả pháp đều không, mà vào nơi Vô Sở Trụ như kinh Kim Cang đã chỉ dạy, tức nhiên tướng Nhơn Ngã chấp và Pháp Ngã chấp hãy còn. Đã còn tác tướng ấy thì dù có nhẫn nhục cũng chưa dứt hết gốc giận hờn, dù có niệm từ bi cũng chưa tuyệt lòng ái luyến. Cho nên hành giả lại phải cần an trụ nơi tòa Nhứt Thiết Pháp Không. Đạo lý này rất uyên thâm, như diễn rộng ra sáu trăm quyển Đại Bát Nhã cũng nói chưa cùng tận. Song nếu tóm tắt lại, có thể gồm trong một lời kệ của kinh Hoa Nghiêm: "Vô trước, vô y trí huệ lực", nghĩa là sức trí huệ không nương tựa dính mắc vào đâu.

Đại ý bài kệ trên, ngài Triệt Ngộ muốn nói: "Chư Như Lai từ trong nhân hạnh cho đến khi đắc quả, vì bi nguyện độ sanh nên đã mặc áo giáp nhu hòa nhẫn nhục, vào nhà đại Từ Bi, ngồi tòa Nhứt Thiết Pháp Không mà tu học cùng nói ra pháp môn niệm Phật

này". Các hành giả muốn độ mình một cách chắc chắn và rộng độ chúng sanh, cần phải siêng năng noi theo gương ấy.

Hán:

82. Nhứt cú Di Đà

Vô tận bảo tạng

Bát tự đả khai

Phổ đồng cúng dường.

Việt:

Một câu A Di Đà

Là kho báu vô tận

Tám chữ mở toang ra

Khắp cho không tiếc lẫn.

Lược giải:

Tám chữ trên đây, là "Đại từ đại bi A Di Đà Phật". Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có thuật chuyện một hành giả niệm Phật, khi lâm chung thấy tám chữ ấy hiện ra giữa hư không to lớn, sắc như vàng ròng. Tám chữ ấy hàm ý tiêu biểu cho bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn của đức A Di Đà Thế Tôn. Song về sự trì niệm, thì yếu ước lại chỉ có sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật". Sao gọi là tám chữ, hay sáu chữ mở kho báu vô tận?

Theo Hiền Giáo, sáu chữ ấy tiêu biểu cho sự nương về kho vô lượng thọ mạng, vô lượng quang minh, vô lượng công đức.

Theo Mật giáo, về quyền Thánh Tài Tập, sáu chữ đó là chủng tử của năm đức Phật. Hai chữ Nam Mô có nghĩa là quy mạng. Mạng là Thọ Thường Trú, tức chỉ cho đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Còn bốn chữ kia, theo thứ tự là chủng tử của bốn đức Phật: A Súc Bệ, Bảo Sanh, A Di Đà, và Bất Không Thành Tựu. Cho nên sáu chữ hồng danh là kho bí mật, gồm thâu tất cả chánh báo, y báo khắp mười phương.

Theo Tâm giáo, sáu chữ này là kho chân tâm, gồm nhiếp tất cả nhân quả, tánh tướng, phước huệ, sự lý. Vì thế nên gọi: "Một câu A Di Đà là kho báu vô tận".

Về điểm dùng tám chữ hay yếu ước lại sáu chữ, để mở kho báu vô tận, cổ hơn đã có câu:

"Lục tự đả khai vô tận tạng.

Thâu lai phóng khứ chỉ như nhiên".

Hai câu này có ý nghĩa: *(Niệm sáu chữ hồng danh có thể mở toang kho báu vô tận như trên đã nói. Và khi đã thể nhập vào kho chân tâm, thì niệm tức là vô niệm, vô niệm tức là niệm, buông ra thâu vào đều ở trong trạng thái như như).*

Chư Phật Thế Tôn, chư Bồ Tát, chư Tổ, vì lòng bi nguyện, đã đem tám chữ hay sáu chữ này mà phổ thí cúng dường khắp tất cả loài hữu tình, để cho chúng sanh mở được cửa và thọ dụng kho báu vô tận ấy.

Hán:

83. Nhứt cú Di Đà

**Đoạn chư phiền não
Toàn Phật toàn tâm,
Nhứt liễu bá liễu.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Dứt phiền não rộn ràng
Tâm, Phật toàn dung hợp
Rõ một, rõ trăm ngàn.

Lược giải:

Ý nghĩa bài kệ trên rất hàm súc, muốn hiểu thấu đáo, chỉ nên dùng hạnh thể nhập hơn là theo phân lý giải. Tuy nhiên, để tùy thuận sở cầu cho người mới học đạo, xin tạm giải thích như sau:

Lúc hành giả chuyên tâm niệm Phật thì nghiệp tham, sân, si cùng tất cả phiền não đều dừng lặng. Khi công phu lâu năm trì niệm chuyên thành như thế đến mức cùng tận, ngày kia đương như chợt thấy tâm niệm rỗng rang như chiếc thùng lọt đáy, ngộ được tánh bản lai của mình. Chừng ấy toàn câu niệm Phật, toàn thể đức A Di Đà cùng chánh báo, y báo thế giới Cực Lạc của Ngài chính là toàn thể chân tâm diệu cảnh. Và

các pháp không ngoài tâm đã ngộ được nhứt chân tâm, tất rõ được tất cả trăm ngàn muôn pháp.

Hán:

84. Nhứt cú Di Đà

**Diệt trừ định nghiệp
Hích nhật, khinh sương
Hồng lô phiến tuyết.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Dứt trừ được định nghiệp
Nhật rạng phá sương thừa
Lò hồng tan điểm tuyết.

Lược giải:

Trong kinh có lời dạy: "Chí thành xưng một câu A Di Đà, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết, xung quanh hành như mỗi bề ánh sáng phát ra rộng đến bốn mươi dặm".

Chí tâm xưng một câu hồng danh, ảnh hưởng còn được như thế huống chi chuyên thành niệm Phật nhiều năm thì định nghiệp nào mà không dứt trừ? Công năng diệt nghiệp của sự Trì Danh ví như vàng nhật chói rạng phá tan mau màn sương thừa, như lò lửa to để làm tiêu mảnh tuyết. Tổ sư đã mượn hai thí dụ trên để nêu rõ

công đức niệm Phật, và khuyến tấn hành giả gắng sức tu trì.

Hán:

85. Nhứt cú Di Đà

Năng không khổ báo

Thế giới, căn thân

Tức thô nhi diệu.

Việt:

Một câu A Di Đà

Hay tiêu quả báo khổ

Chuyển thế giới, căn thân

Tức thô thành tế diệu.

Lược giải:

Các sự khổ đều do sức nghiệp làm chủ động, niệm Phật đã có công năng diệt nghiệp, tất nỗi khổ cũng lần lần tiêu trừ. Nhưng "một câu Di Đà làm cho khổ báo trở thành không", hàm ý nói về phần tánh nhiều hơn phần tướng. Bởi tất cả sự khổ từ lớn đến nhỏ, đều do tâm ta bị căn thân bên trong và thế giới bên ngoài chi phối. Nếu hành như ngộ lý các pháp đều như huyễn, biết an trụ nơi tự tánh Di Đà mà niệm Phật thì tâm trở nên vắng lặng, thoát khỏi sự chi phối của thân và cảnh. Như thế dù thời tiết nóng lạnh, cảnh ngộ an nguy, sự đói khát cùng mọi mệt yếu đau cũng không làm cho

đương nhờn cảm thấy khô? Tại sao? Vì hành nhờn đã an trụ nơi định tâm, thoát ly cả hai sự chi phối trong và ngoài ấy.

Khi xưa, một thiền sư tu ở sơn tự bị chứng thương hàn, do thiếu thuốc thang điều dưỡng nên bệnh càng trở nặng sắp lâm nguy. Một vài đệ tử thấy thế, xin phép đi xuống núi để rước y sư và tìm thuốc đem lên. Thiền sư ngăn lại bảo: "Căn bệnh đã nhập lý, chỉ nên dùng đạo pháp để điều trị, chớ không thể dùng thuốc cứu chữa kịp thời được!". Thế rồi ông xả hết muôn duyên, ngồi trụ tâm vào tịnh cảnh không ăn uống luôn trong bảy ngày. Đến khi xuất định, bệnh chứng tiêu tan, sức khoẻ lần lần bình phục.

Lại một vị tăng tu Tịnh Độ, lúc sắp vãng sanh, túc nghiệp phát hiện làm cho cả thân mình đều phù thũng, còn thêm nhiều chứng bệnh khác. Ông nói với hàng đệ tử: "Nếu thầy không nhờ mấy mươi năm công phu niệm Phật, tất không thể chịu nổi sự mỗi mọt nhưc đau". Cho nên một bậc tôn túc đã nói câu:

"Lão tăng có pháp an nhàn.

Dù cho tám khổ cháy lan ngại gì!".

(Lão tăng tự hữu an nhàn pháp.

Bát khổ giao tiên tông bất phòng).

Về ý nghĩa hai câu sau của bài kệ, có thể dẫn giải tóm tắt: thế giới, căn thân đều như huyễn. Nếu tâm chúng sanh còn đầy nghiệp chướng phiền não, dù sống

nơi cảnh màu đẹp ở thiên đường cũng cảm thấy buồn khổ. Với bậc hành giả đã đắc định thì riêng có một thiên đường, tuy ở cảnh ác trược, cũng thấy màu nhiệm an vui. Kinh Duy Ma bảo: "Tùy nơi tâm thanh tịnh, tức cõi Phật thanh tịnh". Kinh Viên Giác nói: "Địa ngục, thiên cung đều là Tịnh Độ". Ý nghĩa của hai câu kinh ấy, đều chỉ cho cảnh giới trên.

Hán:

86. Nhứt cú Di Đà

**Viên chuyển tam chương
Tức Hoặc, Nghiệp, Khổ
Thành Bí Mật tạng.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Chuyển tròn cả ba chương
Tức nơi Hoặc, Nghiệp, Khổ
Trở thành Bí Mật tạng.

Lược giải:

Ba chương chỉ cho: Hoặc, Nghiệp, Khổ. "Hoặc" thuộc về phiền não chương. "Nghiệp" thuộc về nghiệp chương. "Khổ" thuộc về báo chương. Ba chương này như chùm trái Ác-xoa, có liên quan tương thông lẫn nhau, một tức là ba, ba tức là một.

Đại ý của bài kệ sau này cũng tương tự như bài kệ trước, nếu suy ra sẽ tự hiểu. Như các lượn sóng ở đại dương là biến tướng của nước, cho nên toàn thể sóng là nước. Cũng như thế, vọng giác từ nơi chánh giác mà thiên lưu, cho nên đi sâu vào, toàn thể vô minh vọng giác tức là chánh giác viên minh. Hành giả nếu đi sâu vào Niệm Phật tam muội sẽ ngộ được Hoặc, Nghiệp, Khổ chính là Bí Mật tạng vậy.

Hán:

87. Nhứt cú Di Đà

Giải nạn giải oan

Từ quang cộng ngưỡng

Pháp hỷ quân triêm.

Việt:

Một câu A Di Đà

Giải tai nạn trái oan

Quy ngưỡng ánh từ quang

Thấm nhuần niềm pháp hỷ.

Lược giải:

Bài kệ trên đều là những lời nói trắng rõ ràng, không có ẩn ý sâu kín nào khác. Công đức niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tai nạn, tà ma, giải những oan trái đời này cùng đời trước. Công đức ấy cũng khiến cho sanh phước đức trí huệ, độ thoát chính

mình cho đến kẻ oan người thân. Các điếm vừa nói đã thể hiện rất nhiều đối với những hành giả niệm Phật từ xưa đến nay. Trong Mấy Điều Sen Thanh đã có nhiều sự tích trần thuật, độc giả duyệt kỹ sẽ tự thấy, khỏi phiền dẫn chứng thêm nhiều.

Hành giả tu môn niệm Phật đều thọ hưởng được sự lợi ích an vui của pháp này, nên gọi là pháp hỷ. Bởi thế, chẳng những riêng nơi cõi Ta Bà, mà ở khắp hằng hà sa quốc độ trong mười phương, vô số chúng sanh cũng tu môn Niệm Phật và đều cùng hướng về ánh sáng từ bi của đức Giáo chủ Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Hán:

88. Nhứt cú Di Đà

Báo vị báo ân

Liệt triền miên vãng

Nhập giải thoát môn.

Việt:

Một câu A Di Đà

Đáp ân nặng chưa tròn

Cắt đứt triền miên vãng

Chứng vào giải thoát môn.

Lược giải:

Người học đạo có bốn trọng ân là: 1. Ân chư Phật, chư Bồ Tát. 2. Ân thầy lành bạn tốt và các thiện tri thức. 3. Ân cha mẹ cùng thân quyến phù trợ. 4. Ân đàn na tín cúng và tất cả chúng sanh. Chúng ta nếu có đền trả bốn ân thì cũng chỉ một phần nào thôi, chớ thật sự chưa làm tròn, đại khái có thể gọi là chưa báo đáp. Muốn mau tròn bốn phận đền trả tứ ân, phải tu môn Niệm Phật để sớm thành đạo quả, tế độ khắp kẻ oan thân cùng tất cả loài hàm thức.

Lại nữa, chúng ta sống trong lưới nghiệp dây dưa, nợ này chưa xong đã vay mỗi khác, nhưt là các nghiệp oan cừu, ân ái. Lưới nghiệp ấy vây quần kéo dài mãi không dứt, nên gọi là “triền miên vông”. Chư Bồ Tát đã do tu pháp Niệm Phật, mà cắt được lưới triền miên vông của nghiệp lực, chúng vào vô lượng giải thoát môn. Chẳng hạn như: Không Huệ Tam Muội Giải Thoát Môn, Thần Thông Du Hý Tam Muội Giải Thoát Môn, Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Tam Muội Giải Thoát Môn, Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội Giải Thoát Môn, Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội Giải Thoát Môn v.v... Tổ Triệt Ngô khuyên chúng ta nên đi theo con đường ấy.

Hán :

89. Nhứt cú Di Đà

Không chư ác thú

Vạn đức hồng danh

Na dung tư nghị!

Việt:

Một câu A Di Đà
Hay trông không ác đạo
Ức muôn đức hồng danh
Khó nghĩ bàn kỳ ảo!

Lược giải:

Trong Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục có ghi một sự tích công đức Niệm Phật. Xin mượn nêu ra để giải thích bài kệ trên với tánh cách chứng thật.

Một vị Bà-la-môn ở nước A Du Sa xứ Thiên Trúc có cô vợ rất đẹp. Vì tình si mê ái nhiễm sâu nặng, ông ta gần gũi mãi cũng không thấy chán đủ. Người vợ lại là một tín đồ Phật giáo; muốn nhân cơ hội đó hóa độ chồng, mới đặt điều kiện: "Nếu khi sắp gần gũi, phải gõ chiếc trống đồng, cả hai cùng niệm hồng danh A Di Đà một lúc lâu cô mới chấp thuận". Ông chồng bất đắc dĩ phải tuân theo.

Ba năm sau, vị Bà-la-môn bị bạo bệnh tắt hơi, chỉ nơi ngực mãi còn nóng ấm, nên người nhà chưa dám thiêu hóa. Trải qua năm ngày, ông chợt sống lại, gọi vợ khóc bảo rằng: "Tôi chết do nghiệp nặng bị đọa vào địa ngục Phát Thang. Khi quỷ tốt dùng đinh ba vít tội nhọn vào vạc dầu sôi, chĩa sắt đụng thành vạc đánh keng một tiếng. Lúc ấy tôi đang kinh hồn lạc phách, chợt nhớ tới

việc bà bảo gõ trống đồng niệm Phật, nên bắt giặc lớn tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Lạ thay, ngay lúc ấy vạc dầu sôi liền biến thành ao sen nước trong mát, các tội nhơn đều hiện tướng tốt ngồi trên đài sen, rồi cùng bay về Tịnh Độ. Diêm Vương nghe báo sanh lòng hoan hỷ, thả cho tôi trở về!".

Truyện ký trên, chứng minh công năng niệm Phật có thể làm tiêu tan trống không cảnh Địa Ngục. Lẽ dĩ nhiên, đối với các ác đạo khác như Nga-quỉ, Súc-sanh, Tu-la cũng lại như thế. Câu Nam Mô A Di Đà Phật là kết tinh phước huệ của vô lượng công đức lành, khi Phật còn tu Bồ Tát đạo nên mới gọi Vạn Đức Hồng Danh. Bởi thế, hồng danh này có công năng rộng lớn kỳ diệu chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh gọi đó là vô tác thần lực, nghĩa là sức thần thông đương nhiên, không phải do Phật tác ý khởi niệm xui khiến nên. Đại khái, bài kệ trên tán dương và nêu rõ công đức của câu hồng danh khiến cho hành giả tăng thêm phần tín, hạnh, nguyện.

Hán:

90. Nhứt cú Di Đà

Cơ đậu nhơn thiên

Sâm si tam bối

Yên ánh cửu liên!

Việt:

Một câu A Di Đà
Hợp cơ cả trời, người
Ba căn tánh cao thấp
Chín phẩm sen rạng ngời!

Lược giải:

"Tam bối" trong bài kệ là chỉ cho ba hạng người: thượng căn, trung căn, hạ căn. "Cửu liên" tức chín phẩm sen, cũng phân ra ba cấp thượng trung hạ, mỗi cấp lại có ba bậc thượng trung hạ nữa, nên thành ra chín. Đó là các phẩm: Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ; Trung thượng, Trung trung, Trung hạ; Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ.

Ấn Quang đại sư nói: "Phật pháp tùy cơ, có khó dễ thấp cao. Đối với pháp cao khó thì bậc hạ căn không kham tu. Với pháp thấp dễ, bậc thượng căn lại chẳng cần tu. Riêng môn Tịnh Độ có đặc điểm rất mực nhiệm mầu, vừa cao siêu vừa thuận dễ, thích ứng cả ba căn, hạng nào cũng thấy cần thiết và có thể tu tập được. Nói về phần cao siêu thì nơi hội Hoa Nghiêm, mười phương hải hội Bồ Tát trong năm mươi một vị: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hướng, Thập Địa và Đẳng Giác, đều theo lời khuyên của Phổ Hiền Đại Sĩ tu tập môn này. Bàn đến chỗ thuận dễ thì những chúng sanh nhiều tội chướng, cho đến tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng có thể niệm Phật sanh về Cực Lạc. Cho nên kẻ chê pháp Tịnh Độ là thấp kém, tức

chưa hiểu chi về môn này và cũng phạm lỗi khinh báng các bậc Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đó!".

Điều dẫn giải trên cho ta thấy, pháp môn Tịnh Độ thích hợp với tất cả căn tánh thượng trung hạ của hàng nhơn thiên. Ba căn tánh ấy tuy có cao thấp so le, song nếu tu môn niệm Phật, tất sẽ tùy theo công hạnh, đều được nêu danh nơi chín phẩm sen sáng đẹp rạng ngời ở cõi Tây Phương Cực Lạc.

Hán:

91. Nhứt cú Di Đà

Hóa kiêm tiểu Thánh

Hồi hiệp liệt tâm

Hướng vô thượng thừa.

Việt:

Một câu A Di Đà

Các quả vị tiểu Thánh

Chuyển tâm hẹp gồm đưa

Hướng về vô thượng thừa.

Lược giải:

Tiểu Thánh tức là các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác gồm: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật. Hàng tiểu thừa lấy cảnh Sanh Không Niết Bàn làm quả vị cứu cánh, chỉ cầu mong

cho mau thoát ly nỗi khổ sống chết luân hồi trong ba cõi. Các vị này không phát thế nguyện rộng lớn, trên cầu Phật quả vô thượng dưới độ tất cả chúng sanh, như những bậc Bồ Tát, cho nên đức Thế Tôn chê là tâm nhỏ hẹp.

Môn niệm Phật là pháp đại thừa, nên có thể chuyển tâm nhỏ hẹp của hàng tiểu thừa, đưa các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác hướng về Vô Thượng của Phật đạo.

Hán:

92. Nhứt cú Di Đà

**Siêu nhiên vô ngại
Văn Thù, Phổ Hiền
Đại nhơn cảnh giới.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Thật vô ngại siêu nhiên
Như Văn Thù, Phổ Hiền
Là cảnh bậc đại nhơn.

Lược giải:

Môn niệm Phật đi sâu vào bốn pháp giới, cùng tột là Sự Sự Vô Ngại pháp giới. Cổ đức cũng nói: "Niệm Phật có thể khiến cho hành nhơn vào cảnh giới Vô Ngại Giải Thoát".

Trên đây, Triệt Ngô đại sư muốn nói: "Niệm Phật không phải pháp thấp kém tầm thường mà chính là cảnh giới của các bậc Bồ Tát đại nhơn như Văn Thù, Phổ Hiền vậy".

Hán:

93. Nhứt cú Di Đà
Vi diệu nan tư
Duy Phật dữ Phật
Nãi năng tri chi.

Việt:

Một câu A Di Đà
Mầu nhiệm khó nghĩ bàn
Chỉ có Phật với Phật
Mới rõ biết tận cùng.

Lược giải:

Trên đã nói niệm Phật tam muội là cảnh giới của bậc đại Bồ Tát, nơi đây Tổ Triệt Ngô lại nhấn rõ thêm: Niệm Phật tam muội tuy chư đại Bồ Tát cũng thâm nhập, nhưng thật ra chưa được cùng tận. Duy có Phật với Phật mới rõ biết được hết, vì đó là Phật tam muội, là cảnh giới của chư Phật.

Điều này càng khẳng định rõ ràng hơn tánh cách cao thâm của pháp môn Tịnh Độ.

Hán:

94. Nhứt cú Di Đà

Liệt Tổ phụng hành

Mã Minh tạo luận

Long Thọ vãng sanh.

Việt:

Một câu A Di Đà

Chư Tổ đều phụng hành

Tổ Mã Minh viết luận

Tổ Long Thọ vãng sanh.

Lược giải:

Môn niệm Phật vì là pháp môn tối thượng thừa cao siêu, nên chư Tổ đều phụng hành, bằng cách hoặc viết luận khen ngợi khuyên tu, hoặc niệm Phật cầu về Cực Lạc. Chẳng hạn như hai vị Bồ Tát Mã Minh, Thế Thân đã viết Đại Thừa Khởi Tín Luận và Vãng Sanh Luận để xung tán, chỉ đường Tịnh Độ. Và Long Thọ Bồ Tát chứng Sơ Hoan Hỷ Địa đã niệm Phật vãng sanh về An Dưỡng. Các vị Bồ Tát trên đều là chư tổ bên Thiên tông.

Nơi đây Triệt Ngộ đại sư lại nêu ra một chứng liệu để minh xác điểm cao siêu của pháp môn niệm Phật. Điều này, đại sư muốn cảnh tỉnh phá tan sự nhận thức sai lầm của một số người từ trước đến nay nghĩ rằng:

"Môn Tịnh Độ là pháp thấp kém, chỉ dành cho hạng ông già bà cả quê dốt tu hành".

Hán:

95. Nhứt cú Di Đà

**Nhân duyên thời tiết
Dị hương thường vẫn
Liên xã sang kiết.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Hợp thời tiết nhân duyên
Hương lạ hằng thanh thoả
Liên xã lập nhiều miền.

Lược giải:

Pháp môn Tịnh Độ sở dĩ càng lúc càng được thịnh hành, bởi có nhiều lý do:

Về phần nhân duyên: Điều thứ nhứt đức A Di Đà có pháp duyên rất lớn với chúng sanh ở Ta Bà, bằng chứng là các chùa đều có thời khóa Tịnh Độ, và hàng Phật tử khi gặp nhau thường chào với câu "A Di Đà Phật". Điều thứ hai, đức Di Đà Thế Tôn có bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn, rất thích ứng với cảnh ngộ cần cứu cấp nơi cõi ngũ trược này.

Về phần thời tiết, như lời Phật đã huyền ký. Bắt đầu từ thời mạt pháp trở về sau, muốn chắc chắn được giải thoát, chỉ có pháp môn niệm Phật.

Bởi những nguyên nhân ấy, nên chư thiện tri thức xưa nay đã sáng lập ra Liên Xã khắp nơi để hướng dẫn người tu hành. Và các hành giả niệm Phật cũng cảm được nhiều điềm thoại ứng như: thấy sen lành, nghe hương lạ.

Hán:

96. Nhứt cú Di Đà

**Lợi đại long, tượng
Vĩnh Minh thiên bá
Trí Giả giáo tông.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Lợi bậc đại tượng, long
Như Vĩnh Minh thiên bá
Cùng Trí Giả giáo tông.

Lược giải:

Long, tượng là rồng và voi. Hai loại này là hạng cao quý trong loài thú. Đại long, tượng tức rồng cùng voi lớn, lại còn cao quý hơn. Người xưa đã đem biểu tượng rồng, voi mà thí dụ cho những bậc cao siêu kiệt xuất trong hàng tăng ni. Vì thế mới có danh từ “Pháp

môn long tượng”, nghĩa là hạng rồng voi trong cửa chánh pháp.

Môn niệm Phật chẳng những nhiếp hóa lớp trung, hạ căn, mà còn làm lợi ích luôn cho cả bậc thượng thượng căn nữa. Như Vĩnh Minh đại sư, một bậc thiên bá trong Tông môn, ngộ suốt huyền cơ, viết một trăm quyển Tông Cảnh Lục để xướng minh Thiền đạo, nhưng cũng niệm mười muôn câu Phật hiệu mỗi ngày. Và Trí Giả đại sư, bậc Giáo tông sáng lập ra Thiên Thai giáo, bình thời vẫn niệm Phật, khi lâm chung khen ngợi kinh Pháp Hoa cùng Vô Lượng Thọ, bảo với đại chúng rằng Tây Phương Tam Thánh với các đồng bạn của ngài đã sanh về Tây Phương, nay hiện thân đến tiếp dẫn.

Sự kiện này, người học đạo nên để tâm suy nghĩ.

Hán:

97. Nhứt cú Di Đà

Cảm ứng phi khinh

Thiếu Khang hóa Phật

Thiện Đạo quang minh.

Việt:

Một câu A Di Đà

Cảm ứng chớ xem khinh

Thiếu Khang hiện hóa Phật

Thiện Đạo phóng quang minh.

Lược giải:

Thiếu Khang đại sư niệm một câu hồng danh, trong miệng bay ra một vị hóa Phật. Thiện Đạo hòa thượng niệm mỗi câu Phật hiệu, nơi miệng phóng ra một đạo quang minh. Hai điều trên chứng minh cho công đức niệm câu hồng danh A Di Đà thật lớn lao, và sự cảm ứng của Phật hiệu như thế đã đến mức cùng diệu. Và điều trên đây cũng nhắc cho người học đạo nên thức ngộ, đừng xem môn niệm Phật là dung thường.

Trong mấy bài kệ liên tiếp, Triệt Ngộ đại sư đã dẫn chứng trên từ chư Phật Thế Tôn, nói rộng ra là các đức Như Lai ở sáu phương như kinh A Di Đà đã thuyết minh, đều khen ngợi khuyên tu Tịnh Độ, và chỉ riêng các ngài mới biết cùng tận pháp này. Kể đến chư đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, các bậc đại Tổ Sư như Mã Minh, Long Thọ; những vị đại long tượng về bên Tông như ngài Vĩnh Minh, về bên Giáo như ngài Trí Giả và sau cùng chính chư Tổ bên Tịnh Độ như Thiện Đạo, Thiếu Khang. Những vị trên tuy cũng suốt thông các pháp môn khác, song vẫn quy hướng về Tịnh Độ. Tại sao Tổ Triệt Ngộ lại nhiều phen dẫn chứng như thế? Trong đây có hai nguyên nhân rất quan trọng.

- Điều thứ nhất: Các vị học thức xưa nay (bút giả dùng danh từ “học thức” chớ không nói trí thức, vì học thức là một việc, trí thức lại là việc khác) khi mới tìm đạo, đều ưa thích những lý luận cao siêu huyền diệu.

Sự ưa thích đó không phải là điều lỗi. Nhưng phần nhiều họ lầm lạc chấp theo Thiên Không, chưa dung hội được giữa Không và Có, bài bác nhân quả sự tướng, nên hầu như thành một căn bệnh chung của hạng thông minh kiến thức trong khi học đạo. Đối với môn Tịnh Độ, họ chưa thấu đáo được sự cao diệu của pháp này nên khi thấy những kẻ tối đốt, hạng bình dân cũng tu hành được, lại xem thường cho là pháp thấp kém. Chư đại thiện tri thức thấy sự lầm lạc tà kiến đó, mới thẳng thắn bác phá, chỉ bày. Vì thế Tổ Triệt Ngô đã dẫn những chứng minh trên để cảnh giác, ngụ ý bảo: "Nếu Tịnh Độ là thấp kém, tại sao từ chư Phật, Bồ Tát, cho đến chư Tổ, các bậc đại long tượng bên Tông lẫn bên Giáo đều ngợi khen khuyến khích, hoặc thân thiết phụng hành?".

- Điều thứ hai: Các vị thông minh kiến thức trên, khi luận đạo thường nói những lý luận siêu huyền, để tỏ ra mình là những người hiểu rộng tu cao. Nhưng họ lại không tự xét rằng: Về phần thật hành, mình có làm được một phần nào đối với những lời nói đó chăng? Nhứt là buổi đi sâu vào thời mạt pháp này, người tu căn cơ non kém, nghiệp chướng nặng nề, dùng những hình thức dễ làm như niệm Phật tụng kinh, mà kẻ hành đạo tại gia lẫn xuất gia còn vọng niệm rời ren, nay chầy mai trễ, hướng chi là sự nhiếp tâm nơi định trong tất cả thời, tất cả hành động nói năng? Bút giả từng nghe một vài vị tu học về Thiên, khi luận đến sự hành trì, thường

dẫn lời của những chư Tổ hoặc các bậc tôn túc thời xưa mà trạng huống cho lối tu của mình và còn ra vẻ đặc ý. Chẳng hạn như câu:

"Viên bảo tử quy thanh chướng lý.
Điều hàm hoa lạc bích nham tiên!"
(Vượn ôm con chuyền về rặng núi xanh.
Chim ngậm hoa sa trước gộp đá biếc).

Hoặc như:

"Nhập lâm bất động thảo.
Nhập thủy bất đập ba".
(Vào rừng mà không làm động đến ngọn cỏ.
Xuống nước nhưng chẳng đập sóng nước).

Các vị đó không xét lại hai câu trước là tâm cảnh của ngài Giáp Sơn, chớ chẳng phải cảnh giới của mình. Thỉnh thoảng có việc chi xúc động thì các vị liền tỏ vẻ phiền hà, tức giận. Thế là cỏ cây đã động, chân đã đập sóng nước rồi đấy! Trước tệ trạng lạc lầm lan rộng đó, chư thiện tri thức vì xót thương, vì muốn cứu vãn đạo pháp nên mới thẳng lời phê trích, cho hành động ấy là cuồng Thiên. Và các ngài còn nói đến hạng cuồng Mật nữa mà nếu có dịp, sau này bút giả sẽ dẫn giải.

Để kết luận, cần nhấn rõ thêm là những điều nói trên, tuyệt không có ý bài bác Thiên, Mật. Thiên và Mật là hai pháp môn cao siêu, và thật ra Thiên, Mật, Tịnh cả ba đều có đặc điểm riêng, cần tu học để hỗ trợ cho nhau. Chẳng hạn như khi trì chú theo Mật, hoặc

niệm Phật theo Tịnh, chủng tử của chân ngôn, Phật hiệu huân sâu vào tạng thức, kích động cho phiền não nổi dậy, phương pháp làm lắng động hữu hiệu nhưt không chi hơn Thiên. Trong lúc tham Thiên hoặc niệm Phật, ma chướng trong ngoài khuấy rối, cách hàng phục kiến hiệu mau lẹ nhưt, không chi hơn Mật. Và muốn giải quyết việc lớn là sống chết luân hồi một cách thẳng tắt chắc chắn nhưt, lại không chi hơn Tịnh. Luận cho cùng mỗi môn tự hàm đủ công năng của ba, song đó là ứng dụng của bậc trình độ cao siêu. Còn với bậc sơ cơ non kém, thật ra vẫn có sự sai biệt. Ví như bậc Tổ Sư về võ, dù sử dụng côn, chùy, kiếm, sự lợi hại vẫn đồng như nhau. Nhưng với hạng võ nghệ thông thường thì tác dụng của ba môn binh khí kia lại có sai biệt. Nếu chẳng thế, trong võ lâm cần chi bày ra ba môn ấy cho thêm phiền!

Cho nên trong thời mạt pháp, theo thiên ý nên lấy Tịnh Độ làm chánh yếu, Thiên, Mật làm phụ trợ. Hoặc nếu có tu Thiên hay Mật cũng nên niệm Phật nhiều ít hồi hướng về cõi Cực Lạc ở Tây Phương.

Hán:

98. Nhứt cú Di Đà

Hữu giáo vô loại

Hùng Tuấn nhập minh

Duy Cung diệt tội.

Việt:

Một câu A Di Đà
Hóa độ kẻ vô loại
Hùng Tuấn vào minh ty
Duy Cung trừ chướng tội.

Lược giải:

Môn niệm Phật chẳng những làm lợi ích cho các bậc Thượng Thượng căn như trên, lại còn hóa độ đến cả hàng vô loại như Hùng Tuấn, Duy Cung mà trong Mây Diệu Sen Thanh đã trích dẫn.

Bài kệ trên đại ý chỉ rõ: Pháp Tịnh Độ gồm thâu lợi độn, giúp ích khắp ba căn.

Hán:

99. Nhứt cú Di Đà
Thị vô thượng Thiên
Nhứt sanh sự biện
Khoáng kiếp công viên.

Việt:

Một câu A Di Đà
Là môn Thiên vô thượng
Việc lớn một đời xong
Công tu nhiều kiếp trọn.

Lược giải:

Triệt Ngô đại sư tuy được đời sau tôn làm vị Tổ hoằng dương Tịnh Độ, nhưng thuở đương thời ngài chính thật là một thiên bá. Bởi duyên đại sư đã tham Thiền chứng ngộ và viết ra quyển Triệt Ngô Ngữ Lục để xương minh Thiền đạo. Một bậc đại triệt đại ngộ về Thiền, mà nói niệm Phật là môn Thiền vô thượng, đó là điều chứng minh xác đáng rồi, không cần phải bàn luận chi thêm nữa.

Việc lớn một đời của người tu Phật, là phải làm thế nào để giải quyết sự sống chết luân hồi ngay trong kiếp hiện tại. Bởi nếu còn luân hồi, tất đời sau dễ bị mê lạc rồi sẽ sa đọa nữa. Khi đã thoát khỏi sự sống chết luân hồi, lại còn phải hiện thân tu Bồ Tát hạnh trong vô số kiếp, công đức viên mãn, mới thành đạo Vô Thượng Chánh Giác. Pháp môn niệm Phật có thể giải thoát luân hồi ngay trong hiện đời và khi được sanh về Tây Phương thì sự tiến tu để thành Phật không còn bị thối chuyển, kể như đã nắm chắc trong tầm tay rồi.

Hán:

100. Nhứt cú Di Đà

Lý phi dị hội

Bách kệ nga thành

Tam tôn gia bị.

Việt:

Một câu A Di Đà

Lý mâu chưa dễ hiểu
Thoáng chốc trăm kệ xong
Tam tôn thâm gia bị.

Lược giải:

Từ lúc sơ khởi đến đây, Triệt Ngô đại sư đã viết ra một trăm bài kệ để tuyên dương Tịnh Độ. Song đại sư vẫn tự thấy còn chưa nói ra hết điểm huyền diệu của pháp môn này. Vì như chư Cổ đức đã nói: "Lý Tịnh Độ là bí mật tạng. Sự Tịnh Độ là đại nhân duyên" thì người học Phật dễ gì thấu đáo?

Tuy nhiên, đại sư cũng nguyện cầu Tam Bảo gia bị cho lời mình trên hợp ý Phật, dưới lợi quần sanh, khiến người đọc được thấu hiểu phần nào để tiến tu trên đường giải thoát. Và ngài cũng cảm ân Tam Bảo thâm gia bị khiến cho tâm đại linh thông nên trong thoáng chốc đã viết xong một trăm bài kệ này.



LỜI SAU CÙNG

Bút giả cố gắng hoàn tất quyển cuối tập Mấy Điều Sen Thanh này, giữa lúc sức khỏe suy kém, thêm bị sự khuấy rối lẫn bức của cả ngoài lẫn trong rình rập bao vây. Nhớ lời Phật dạy trong kinh Pháp Hoa: "Vào lúc

kiếp trước rối loạn, chúng sanh cấu nhiễm nặng nề, đầy niệm tham, sân, si, ganh ghét, thành tựu các căn chướng lành". (Kiếp trước loạn thời, chúng sanh cấu trọng, tham si tật đố, thành tựu chư bất thiện căn).

Lại xem trong Đà Ra Ni Tập Tập thấy một đoạn, xin trích dịch nguyên văn như sau:

" - Bạch đức Thế Tôn! Con là Thiện Danh Xung Bồ Tát, từ cõi đức Phật Thiện Tịch Nguyệt Âm Vương ở phương Bắc, nay đến thế giới Ta Bà. Con thấy nơi cõi này vào thời mạt, khi Phật pháp sắp muốn diệt, nhưn sanh phần nhiều tạo ác, tham đắm danh lợi, thị phi bôi xấu giết hại lẫn nhau. Giữa vua tôi, chủ tớ, cha con, thầy trò, chồng vợ, bè bạn, anh em, không còn đạo nghĩa, nước ngũ trược sôi trào, lửa tam tai bùng cháy. Các việc vừa nói, đều do chúng sanh kiếp trước chất chứa nhiều tội ác không tu đức lành, đời hiện tại mới bị cộng nghiệp sống trong hoàn cảnh như thế. Vào thời gian đó, nhưn loại tuy bề ngoài mang thân người, nhưng trong tâm ngu si độc dữ chẳng khác súc sanh, ác quỷ. Thương thay cho thời mạt! Trong năm ngàn người, may ra chỉ được vài kẻ lương thiện biết lo tu hành. Nay xin đức Thế Tôn hứa nhận cho con nói môn thần chú Vân Nhã Mật Tu, để chúng sanh đời sau được dứt trừ gốc tội như, thân tâm trở nên trong sạch, xa lìa ách nạn". Sau khi được Phật chấp thuận, Bồ Tát liền thuyết chú rằng:

"Ophú Ophú para téna Jūgu jūgu para téna yujnamid yujnamid para téna Osuto. Chipaio kujnāto Yamidto. Kúrato. Thopato. Svaha".

Bạch đức Thế Tôn! Đại thần chú này như chiếc lọng lớn che trùm tất cả. Lại cũng như cơn mưa to thấm nhuần tất cả, như cầu thuyền nổi thông chở đưa tất cả. Chúng sanh hàng đạo tục đời sau, đều nương nhờ đà ra ni đây mà nẩy nở mầm mộng lành, thấm nhuần mùi pháp vị. Công năng của đại thần chú này, hay cứu vớt muôn hạng căn cơ sai khác, đưa về cảnh giới nhất không, khiến cho họ sớm chứng Tam thừa Thánh quả...".

Qua mấy đoạn văn trên, lời đức Phật dạy và Bồ Tát Thiện Danh Xung trình thuật, dường như đã ứng hiện vào thời buổi này. Riêng trong nhà Phật, còn đâu những cảnh:

Giường lau đèn tối tăng vào định,
Trăng lạnh cảnh thông bóng hạc về!
**(Mâu tháp đăng hôn tăng nhập định
Tùng chi nguyệt lãnh hạc phi hoàn!)**

Hoặc như:

Chợt sang trúc viện cùng tăng luận,
Trộm được phù sinh nửa buổi nhàn!
**(Hốt qua trúc viện phùng tăng thoại
Du đắc phù sinh bán nhựt nhàn!).**

Lúc còn ở Phật học viện Huệ Nghiêm, trong cuộc mạn đàm với một bậc tiền bối, vị ấy có nói với bút giả mấy lời vừa có tánh cách bông đùa vừa ngụ ý than thở như sau: "Hiện nay trong cửa đạo có nhiều việc phức tạp, trừ phi Bồ Tát ra đời chấn hưng lại, còn phàm tăng như chúng ta không làm sao điều chỉnh nổi. Hoàn cảnh thật giống như hai câu thi của một danh nhơn thời xưa "Ca sa vị trước hềm đa sự. Trước bãi ca sa sự cánh đa!". (Chưa khoác ca sa chán việc nhiều. Khoác rồi thêm việc biết bao nhiêu!). Nhưng có điều không đúng với nguyên ý của vị danh nhơn kia, đây chẳng phải việc đạo mà lại là việc khác! Chẳng những riêng đạo Phật, mà tất cả các tôn giáo đều có tình trạng tương tự như thế. Đây đều do lòng người, thật quả là thời đạo đức suy mạt!".

Trong đạo đã như thế, ngoài đời lại còn biến loạn hơn, từ quốc gia cho đến khắp thế giới cảnh bạo ác ngày thêm tăng thịnh, con người hầu hết sống trong vòng lường gạt, sa đọa, tranh đua giết hại lẫn nhau. Cuộc diện kéo dài đến hiện tại, "buổi tận thế" hay "cơ tận diệt" mà các tôn giáo khác mô tả, đã có phần lấp ló lộ hình. Tuy biết đó là cộng nghiệp của nhơn sanh, nhưng khi nhìn thấy nỗi khổ đau khắp đồng loại, trải nhiều cơn biến đổi dập dồn, những kẻ hữu tâm cũng sanh niệm hoài cảm! Họ không biết tương lai sẽ đi về đâu, chán nản cho mình cùng người trong kiếp sống thừa cảnh tạm! Thỉnh thoảng nghe vài nhơn sĩ cao niên

đã mượn lời của Nguyễn Du mà thâm lén than thở như sau:

Kể từ gây cuộc binh đao
Đông xương vô định đã cao bằng đầu!

Hay là:

Chân trời mặt bể linh đình
Năm xương biết giữ tử sinh chốn nào?

Và cho đến như:

... Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi
Đã không biết sống là vui
Tâm thân nào biết thiệt thòi là thương!

Trong hoàn cảnh ấy, muốn thoát khỏi nguy tương hoại tương tàn, hơn loại phải hướng về đạo đức. Theo lời Phật dạy, ngày sau do chúng sanh buông lung theo nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, nên sẽ có tam tai ác kiếp là: chiến tranh tàn phá, tật dịch lan tràn, và đói rách nghèo khổ nổi lên. Kẻ nào muốn tiêu giảm nỗi thống khổ, phải giữ chắc bốn giới: không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, dối gạt; tùy sức mình mà gắng làm các điều lành. Những người ấy sẽ được thiên thần ủng hộ, khiến cho nạn khỏi tai qua. Nếu tiến thêm, muốn tìm nẻo thoát ly, phải tụng kinh hoặc trì chú và chí tâm niệm hồng danh đức A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc.

Căn cứ theo luật nhân quả, mọi sự khổ vui đều do nghiệp lành dữ và bởi mình gây tạo. Trong cảnh nóng bức của nhà lửa tam giới, phải bền lòng an nhẫn, phải

thiết thật phụng hành đúng như lời Phật dạy. Đừng nên mãi hờn trách thở than, vì kết cuộc sẽ hóa ra vô ích. Trên đây là lời phụng khuyến, là đường lối thoát ly duy nhất, mà những kẻ học đạo muốn nhấn nhủ với đồng nhơn.

THÍCH VÔ NHẤT

(Lấy ý câu: Nhất sự vô thành thân tiệm lão).



NGHI LẠY THÙ ÂN VỀ TỊNH ĐỘ

Tán:

Tánh giác tinh minh

Tịch chiếu chân thường!

Tích mê, kim ngộ lộ đường đường.

Tam Bảo thị từ hàng!

Khê thủ hiến tâm hương

Nhẫn độ Pháp trung vương

Cực Lạc nguyện vương.

Liên tông chư Tổ xiển Tây Phương

Duy nguyện giáng kiết tường!



1. Chí tâm đánh lễ: Ta Bà Điều Ngự, Khải Tịnh Độ giáo, Bốn sự Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn. (1 lạy)

2. Chí tâm đánh lễ: Cực Lạc thế giới, tiếp dẫn vãng sanh, Tây Phương Tam Đại Thánh Từ Tôn. (1 lay)

3. Chí tâm đánh lễ; Tây Thiên Đông Độ Việt Nam lịch đại Tổ sư, cập hoằng dương Phật pháp chư đại tông sư. (1 lay)

4. Chí tâm đánh lễ: Liên tông sơ Tổ, Lô Sơn, Đông Lâm, Bạch Liên đạo tràng, Huệ Viễn đại sư. (1 lay)

5. Chí tâm đánh lễ: Liên tông nhị Tổ, Trường An, Quang Minh đạo tràng, Thiện Đạo đại sư. (1 lay)

6. Chí tâm đánh lễ: Liên tông tam Tổ, Nam Nhạc, Bát Chu đạo tràng, Thừa Viễn đại sư. (1 lay)

7. Chí tâm đánh lễ; Liên tông tứ Tổ, Trường An, Ngũ Hội đạo tràng, Pháp Chiếu đại sư. (1 lay)

8. Chí tâm đánh lễ: Liên tông ngũ Tổ, Tân Định, Đài Nham đạo tràng, Thiếu Khang đại sư. (1 lay)

9. Chí tâm đánh lễ: Liên tông lục Tổ, Hàng Châu, Vĩnh Minh đạo tràng, Diên Thọ đại sư. (1 lay)

10. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thất Tổ, Chiêu Khánh, Tịnh Hạnh đạo tràng, Tĩnh Thường đại sư. (1 lay)

11. Chí tâm đánh lễ: Liên tông bát Tổ, Hàng Châu, Vân Thê đạo tràng, Liên Trì đại sư. (1 lay)

12. Chí tâm đánh lễ: Liên tông cửu Tổ, Bắc Thiên Mục, Linh Phong đạo tràng, Ngẫu Ích đại sư. (1 lay)

(tức Ngài Trí Húc)

13. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập Tổ, Ngu Sơn, Phổ Nhân đạo tràng. Hành Sách đại sư. (1 lay)

(tức ngài Triệt Lưu)

14. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập nhứt Tổ, Hàng Châu, Phạm Thiên đạo tràng, Thật Hiền đại sư. (1 lạy)

(tức ngài Tĩnh Am)

15. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập nhị Tổ, Hồng Loa, Tư Phước đạo tràng, Triệt Ngô đại sư. (1 lạy)

(tức ngài Tế Tinh)

16. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập tam Tổ, Tô Châu, Linh Nham đạo tràng, Ân Quang đại sư. (1 lạy)

(tức ngài Thánh Lượng)

17. Chí tâm đánh lễ: Thế độ sư, Truyền giới sư, Giáo thọ sư, cập chư thất sư ân. (1 lạy)

18. Chí tâm đánh lễ: Đa sanh phụ mẫu, cập hiện thế phụ mẫu sanh thành dưỡng dục ân. (1 lạy)

19. Chí tâm đánh lễ: Đàn na tín cúng, cập nội ngoại hộ thất ân. (1 lạy).

20. Chí tâm đánh lễ: Thiện tri thức đề huề tiếp dẫn ân. (1 lạy)

21. Chí tâm đánh lễ: Thiên địa thần kỳ bảo trợ, cập nhứt thiết chúng sanh hộ trợ ân. (1 lạy).

QUYÊN IV CHUNG



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....

PHẦN BA – TỨ CHÚNG VÃNG SANH

- Tạ Xuân Hoa	5
- Diệp Trúc Am.....	6
- Hồ Diệc Tiết	8
- Hạ Quốc Xương.....	9
- Phương Hải Sanh.....	12
- Từ Lôi.....	15
- Châu Nải Luân.....	16
- Trương Văn Phủ	18
- Đinh Lục Hình.....	19
- Liễu Bộ Dinh	21
- Đơn Đức Tôn.....	24
- Dương Liên Hàng	26
- Vương Cảnh Đan.....	29
- Lưu Xuân Tài	30
- Vương Yên Tế	33
- Lưu Khai Nan	35
- Trầm Đồng Văn.....	38
- Tịnh độ thi	40
- Lý Thị.....	43
- Trần Thị.....	46
- Cát Phu Nhơn	47
- Âu Dương An Nhơn	48
- Bàn Phụ	50

- Tiêu Hiền Úc Phật	50
- Một trăm bài kệ niệm Phật.....	55
- Tăng Cảm	91
- Đạo Thuyên	92
- Giác Chiếu.....	93
- Trường Linh	94
- Thích Nữ Năng Khai	97
- Thích Nữ Đức Thành.....	98
- Nhớ về Tịnh độ.....	99
- Trương Ngươn Thọ.....	102
- Tiểu Vương.....	102
- Viên Bảo Trị.....	104
- Vương Di Thiện.....	107
- Lại Tường Lân.....	110
- Tào Vân Tôn.....	111
- Trần Sầm Hiền.....	113
- Vườn thơ Tịnh độ	114
- Diệp Cửu Thành	117
- Phan Trinh Quế.....	120
- Âu Dương Trụ	121
- Trần Tánh Lương.....	124
- Giang Am Nam.....	129
- Lý Quốc Tuyên.....	131
- Châu Triệu Pháp	133
- Kim Vinh Hiền	135
- Khuyến tu Tịnh độ	137
- Du Thị	146
- Phùng Nghi Nhơn.....	147
- Châu phu nhơn.....	149
- Phan Thái phu nhơn.....	151

- Tào Nghi Nhon.....	153
- Hà Thái phu nhon.....	155
- Trầm Nương.....	157
- Một kỹ nữ.....	159
- Nhâm Cung Nhon.....	162
- Tịnh độ thi.....	165
- Châu Thị.....	168
- Đặng Nữ Sĩ.....	170
- Trầm Thị.....	172
- Lâm Thị.....	174
- Phạm Thị.....	177
- Lưu Nhị Cô.....	179
- Lý Trinh Nữ.....	180
- Dư phu nhon.....	182
- Khuyên tu.....	184
- Một trăm bài kệ niệm Phật.....	189
- Lời sau cùng.....	217
- Nghi lạy Thủ Ân về Tịnh độ.....	222